

THÔNG TIN
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ
SỐ: 50/2024

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. NGUYỄN TRỌNG TỬ

Ban biên tập:
TS. NGUYỄN TRỌNG TỬ
TS. NGUYỄN QUANG NGỌC
THS. TRẦN ÁNH DƯƠNG
THS. NGUYỄN XUÂN BÉ
THS. TRẦN THỊ QUỲNH NGA
THS. NGUYỄN THẮNG MỸ
THS. NGUYỄN TRỌNG VINH
THS. NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

Thư ký:
ThS. NGUYỄN THỊ THẢO LINH

Trình bày:
THS. LÊ ĐÌNH HÙNG

Địa chỉ: TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TRẦN PHÚ HÀ TĨNH
Số 14, Đường Hoàng Xuân Hãn,
Phường Đại Nài, Thành phố Hà Tĩnh
Điện thoại: 02393 885073
Fax: 02393 885073

Email: phongkhoahoc.tcttp@gmail.com
Website: http://www.truongchinhtrihatinh.gov.vn

Bìa 1: Sơ tư
Bìa 2,3,4: Ảnh: Tư liệu trường

In 150 cuốn, khuôn khổ 19 x 26,5 cm
Tại Công ty CP in Hà Tĩnh. Số 153
- Hà Huy Tập - TP. Hà Tĩnh. Giấy
phép xuất bản số: 60/GP-STTTT do
Sở Thông tin và Truyền thông Hà
Tĩnh cấp ngày 19/8/2024. In xong và
nộp lưu chiểu tháng 8/2024

MỤC LỤC

TS. Nguyễn Trọng Tử	Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh theo tư tưởng Hồ Chí Minh	2
BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG		
Ths. Trần Thị Quỳnh Nga	Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là "linh hồn" của công tác xây dựng Đảng	9
Ths. Phan Bá Linh	Quán triệt Chỉ thị 23-CT/TW của Ban Bí thư trong công tác giảng dạy ở Khoa Lý luận cơ sở góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng	12
Ths. Phan Thị An Phú	Phát huy vai trò giảng viên triết học với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ở trường chính trị	17
Ths. Võ Thanh Cường	Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về một số chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay	21
Ths. Nguyễn Anh Tấn	Đấu tranh, phê phán các quan điểm sai trái, thù địch về tự do tôn giáo ở Việt Nam	26
NGHIÊN CỨU, TRAO ĐỔI		
TS. Hồ Thanh	Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng với công tác xây dựng, thực hiện chuẩn mực đạo đức cách mạng.	31
Ths. Chu Thị Thu Huyền	Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vai trò của phụ nữ và giải phóng phụ nữ trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân	35
Ths. Nguyễn Thị Lam	Xây dựng phong cách làm việc dân chủ, gần bó mật thiết với quần chúng nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh	40
Ths. Phan Thị Ái Vân	Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tính tất yếu cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và sự vận dụng sáng tạo vào thực tiễn cách mạng Việt Nam	44
Ths. Trần Thị Bích Thủy	Thực hiện tốt Quy định số 144-QĐ/TW về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới - Bước đột phá trong công tác xây dựng Đảng về đạo đức.	47
Ths. Nguyễn Thị Lan Anh	Thực hành "Liên chính" và "Tự trọng" theo tư tưởng Hồ Chí Minh	51
Ths. Nguyễn Trọng Minh Quân	Nâng cao hiệu quả tuyên truyền Luật An ninh mạng trong giai đoạn hiện nay	56
THỰC TIỄN, KINH NGHIỆM		
Ths. Nguyễn Thắng Mỹ	Phát huy vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh	59
Ths. Nguyễn Trọng Vinh	Nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu thực tế của đội ngũ giảng viên Trường Chính trị Trần Phú trong giai đoạn hiện nay	65
TS. Nguyễn Duy Long	Một số vấn đề đặt ra trong giảng dạy chuyên đề kỹ năng ra quyết định và tổ chức thực hiện quyết định ở cơ sở.	69
Ths. Nguyễn Thị Thảo Linh	Xây dựng văn hóa, con người Hà Tĩnh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong giai đoạn hiện nay	72
Ths. Nguyễn Thị Phương Thúy	Một số giải pháp phát triển bền vững nguồn thu ngân sách địa phương tại Hà Tĩnh	78
Ths. Thái Thị Hiên	Trường Chính trị Trần Phú đẩy mạnh công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	83
Ths. Phan Chí Quyết	Vận dụng một số nội dung mới của Nghị quyết số 44-NQ/TW vào giảng dạy chuyên đề Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình mới, Chương trình Trung cấp lý luận chính trị	88
Ths. Trần Thị Thúy Hương	Giảng viên Trường Chính trị Trần Phú học tập phong cách diễn đạt của Chủ tịch Hồ Chí Minh	92

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ HÀ TỈNH THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

✧ TS. NGUYỄN TRỌNG TÚ

UVBCH Đảng bộ tỉnh, Hiệu trưởng

Tóm tắt: Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chăm lo đến công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Người khẳng định: “Muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém” và “huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”. Việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở Trường Chính trị Trần Phú theo tư tưởng Hồ Chí Minh là một nhiệm vụ rất yếu, thường xuyên nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ trong giai đoạn hiện nay.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Cán bộ, đảng viên là người truyền đạt chủ trương, chính sách của Đảng, của Nhà nước về với Nhân dân, từ đó giải thích cho Nhân dân hiểu để thi hành. Họ cũng phải là người sâu sát, trực tiếp chỉ đạo Nhân dân, nắm chắc tình hình của Nhân dân để báo cáo lại cho Đảng, cho Nhà nước, để có những quyết sách kịp thời, đúng đắn. Cán bộ là “gốc” của mọi công việc. Do đó, Đảng phải luôn quan tâm đến vấn đề đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và xem đây “là công việc gốc của Đảng”. Trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, phải tùy công việc mà đào tạo, “làm việc gì học việc đấy”. Tuy nhiên, tất cả phải được học lý luận chính trị, bởi, “học tập chủ nghĩa, dù mài tư tưởng, nâng cao lý luận... là những việc cần kíp của Đảng”, là một nhiệm vụ quan trọng của mỗi một cán bộ, đảng viên. Chính vì vậy, nâng cao hiệu quả công

tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị là công việc thu hút nhiều tâm sức của Hồ Chí Minh. Những quan điểm, tư tưởng của Người về dạy và học, cách dạy và học, mục đích dạy và học lý luận chính trị... vẫn còn nguyên giá trị, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn trong chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hiện nay.

Trong 94 năm qua, một trong những bài học quý báu mà Đảng ta rút ra từ thực tiễn lãnh đạo cách mạng là: Muốn thực hiện được đường lối đúng đắn của mình, Đảng phải có một đội ngũ cán bộ có phẩm chất và năng lực, có lập trường vững vàng, có tri thức và kinh nghiệm, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Để tiếp tục phát huy bài học đó trong giai đoạn hiện nay, cần phải đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Văn kiện Đại hội lần thứ X của Đảng khẳng định: “Đổi mới công tác giáo dục lý

luận chính trị, tư tưởng trong Đảng, trước hết cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt các cấp; đổi mới nội dung, phương pháp học tập và giảng dạy trong hệ thống trường chính trị, nâng cao tính thiết thực và hiệu quả của chương trình”³.

Là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, kiến thức và kỹ năng hành chính cho cán bộ của tỉnh, thẩm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, trong những năm vừa qua, Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh đã không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao. Trường đã chú trọng đổi mới và cụ thể hóa kế hoạch, chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng; quan tâm xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên (bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng theo Quy chế giảng viên thỉnh giảng tại Trường Chính trị Trần Phú) đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức trong sáng, có trình độ cao; phương pháp giảng dạy không ngừng được đổi mới theo hướng trang bị kỹ năng làm việc cho người học, với phương châm: “lý luận luôn gắn liền với thực tiễn” trong toàn bộ quy trình dạy và học... Trong 5 năm qua (2019-2023), nhà trường đã chủ trì và mở 124 lớp đào tạo, bồi dưỡng các loại (75 lớp đào tạo trung cấp chính trị hành - chính và trung cấp chính trị, 54 lớp bồi dưỡng quản lý cấp phòng, chuyên viên và chuyên viên chính) với tổng số gần 8240 học viên. Phần lớn học viên sau khi trở về công tác đã phát huy được năng lực trí tuệ, đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, tiếp tục phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục một số tồn tại, hạn chế trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, việc tiếp tục nghiên cứu, quán triệt sâu sắc tư tưởng của Hồ Chí Minh về đào tạo bồi dưỡng lý luận chính trị là hết cần thiết và quan trọng. Trong đó,

đặc biệt chú trọng vận dụng trên một số nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất: Tổ chức và thực hiện tốt kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Đề dạy và học lý luận chính trị có hiệu quả, trước hết kế hoạch, chương trình phải phù hợp, “phải nhằm đúng nhu cầu”, “cốt thiết thực chu đáo hơn tham nhiều” và “mở lớp nào cho ra lớp ấy”. Người đã chỉ ra những khuyết điểm cụ thể như huấn luyện cho cán bộ trong các cơ quan hành chính mà không đụng đến công việc hành chính. Dạy chính trị thì mênh mông mà không thiết thực, học rồi không dùng được. Lý luận và thực tế không ăn khớp với nhau, dạy theo cách học thuộc lòng, không biết “quý hồ tinh, bất quý hồ đa”⁵, cụ thể là “mở lớp quá đông”, “mở lớp lung tung”⁶...

Trong những năm vừa qua, trên cơ sở chương trình, nội dung đào tạo của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, của Bộ Nội vụ, Trường Chính trị Trần Phú đã chủ động phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch sát với thực tế, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt để thực hiện. Nhà trường đã chủ động, sáng tạo trong việc cụ thể hóa và xây dựng chương trình, mục tiêu đào tạo, thực hiện đa dạng loại hình đào tạo, bồi dưỡng theo hướng cơ bản, phù hợp với tình hình thực tế, đúng chức năng, nhiệm vụ của nhà trường đồng thời tạo điều kiện, cơ hội cho các đối tượng học viên được tham gia học tập một cách thuận lợi, hiệu quả, đúng yêu cầu, nguyện vọng.

Tuy nhiên, để thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng hiện nay, nhà Trường cần chú trọng xây dựng và thực hiện tốt hơn kế hoạch theo tinh thần: “đào tạo cơ bản, bồi dưỡng theo chức danh”⁷, phù hợp với tiêu chuẩn và từng loại cán bộ, đào tạo không chỉ cho hệ

thông chính trị cơ sở mà cần mở rộng cho các tổ chức xã hội và các thành phần kinh tế. Nội dung đào tạo phải thiết thực, phù hợp; chú trọng cả rèn luyện phẩm chất đạo đức và kiến thức; cả kiến thức lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các kiến thức quản lý nhà nước, quản lý xã hội, quản lý kinh tế, công tác xây dựng Đảng, về tổ chức, cán bộ, công tác kiểm tra, công tác tư tưởng và công tác vận động quần chúng. Phương thức đào tạo, bồi dưỡng cần đa dạng, phong phú. Kết hợp đào tạo tập trung với các hình thức khác, phù hợp với từng loại cán bộ. Tăng cường và nâng cao chất lượng các lớp bồi dưỡng ngắn hạn theo chuyên đề. Chỉ đạo các khoa chuyên môn và đội ngũ giảng viên cụ thể hóa chương trình, nội dung đào tạo theo hướng: thiết thực, phù hợp, lý luận gắn liền với thực tiễn. Trong công tác tuyển sinh, chủ động, hoặc phối hợp mở lớp, nhất là các lớp trung cấp lý luận chính trị hệ không tập trung tại các huyện với số lượng học viên cân đối, phù hợp, không mở lớp quá đông.

Thứ hai: Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên đảm bảo yêu cầu, chất lượng. Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến đội ngũ làm công tác giảng dạy, huấn luyện. Theo Người “Không phải ai cũng huấn luyện được”⁸, mà muốn huấn luyện, giảng dạy, đào tạo lý luận cho người khác, nhất là cho cán bộ thì người huấn luyện “phải thạo nghề nghiệp”, “phải làm kiểu mẫu về mọi mặt: tư tưởng, đạo đức, lối làm việc” và “phải học thêm mãi”⁹ thì mới làm được công việc huấn luyện của mình.

Trường Chính trị Trần Phú sau gần 80 năm xây dựng và phát triển, đến nay đội ngũ cán bộ, giảng viên đã có sự trưởng thành vượt bậc: Tổng số cán bộ giảng viên,

nhân viên và người lao động là 41 người. Về trình độ chuyên môn 34 đồng chí có trình độ đại học trở lên, trong đó có 04 tiến sĩ, 29 thạc sĩ. Về chính trị, có 26 đồng chí cao cấp lý luận chính trị; 08 đồng chí trung cấp chính trị. 01 chuyên viên cao cấp, 21 giảng viên chính và 07 giảng viên. Tư cách đạo đức, tác phong công tác tốt. Tuy nhiên, trước yêu cầu ngày càng cao của công tác lý luận của Đảng, khi thực tiễn của sự phát triển đang đặt ra nhiều vấn đề mà lý luận cần phải lý giải và làm sáng rõ thì đòi hỏi đội ngũ cán bộ, giảng viên nhà trường phải không ngừng học tập và thấm nhuần sâu sắc lời dạy của Bác để vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Trước hết, đội ngũ giảng viên nhà Trường phải thực sự “thạo nghề nghiệp”. “Thạo” ở đây tức là thành thạo, hiểu biết, am hiểu và có phương pháp nhuần nhuyễn. Theo đó, người giảng viên phải thực sự có trình độ chính trị, trình độ chuyên môn; phải am hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực sự có nhiều kiến thức sâu và rộng về mọi lĩnh vực của đời sống xã hội... Chất lượng của mỗi bài giảng chính là thước đo về sự “thạo nghề” của người giảng viên. Ở đó, giảng viên sẽ thể hiện sự hiểu biết của mình, trình độ của mình, phương pháp làm việc của mình. Do đó, không ngừng nâng cao chất lượng bài giảng, từ soạn giáo án, giảng bài, đến việc lựa chọn phương pháp giảng dạy là yêu cầu rất quan trọng của người giảng viên. Cùng với đó, trình độ “thạo nghề” còn thể hiện thông qua việc người giảng viên tham gia và công hiến tích cực cho công tác nghiên cứu khoa học của nhà trường; đó là sự đóng góp về trí tuệ đối với đề tài nghiên cứu các cấp, các hội thảo khoa học, các bài viết có chất lượng cho Thông tin Lý luận và thực

tiền và các tờ báo, tạp chí ở Trung ương và địa phương...

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng dạy: “Có tài mà không có đức là hỏng. Có đức mà chỉ i, t thì dạy thế nào”¹⁰. Nếu không có đạo đức cách mạng, đạo đức nghề nghiệp thì dù có tài năng mấy, chuyên môn giỏi đến mấy cũng “hỏng”! Mọi bài giảng sẽ trở thành lý thuyết suông, thậm chí là phản cảm, phản tác dụng nếu người giảng viên lại nói một đằng làm một nẻo, thiếu lý tưởng, niềm tin; thiếu tư cách đạo đức, thiếu gương mẫu về tác phong, lối sống. Do vậy, dạy cũng như học, đều phải biết chú trọng cả tài và đức. Mỗi cán bộ giảng viên phải xác định đạo đức cá nhân là cái gốc, rất quan trọng, từ đó mà ra sức rèn luyện, tu dưỡng tư cách, tác phong, phải thực sự trở thành tấm gương cho học viên noi theo.

Một bộ phận cán bộ, giảng viên mặc dù năng lực chuyên môn còn có phần hạn chế, nhưng thiếu nỗ lực vươn lên tiếp cận tri thức mới dẫn đến hiệu quả giảng dạy, công tác chưa cao. Trong giảng dạy chậm đổi mới phương pháp, còn nặng về trình bày lý thuyết, chưa gắn với thực tiễn. Trong nghiên cứu khoa học chưa chịu khó nghiên cứu, tìm tòi, độc lập, sáng tạo dẫn tới bài viết kém chất lượng hoặc chưa có nhiều công trình nghiên cứu được đăng tải trên các báo, tạp chí trung ương và địa phương. Chính vì vậy, yêu cầu đặt ra là phải quán triệt sâu sắc tinh thần “phải học thêm mãi” của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học nhân dân”¹¹ thì mới có thể làm tốt được công việc giảng dạy lý luận chính trị của mình. Và rõ ràng, học ở đây cũng không chỉ là học để nâng cao trình độ chuyên môn, mà còn là sự tu dưỡng rèn luyện về tác phong, đạo đức. Học để trở thành con người phát triển toàn diện.

Thứ ba: Chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp phải phù

hợp với loại hình lớp và đối tượng học viên; giảng dạy phải gắn lý luận với thực tiễn. Một nội dung rất quan trọng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh lưu ý những người làm công tác huấn luyện lý luận chính trị đó là phải có phương pháp tốt. Đặc biệt Người nhấn mạnh: Phải gắn lý luận với công tác thực tế. Giảng chủ nghĩa Mác - Lênin không nên lý luận suông, không nên lúc nào cũng trích C.Mác, cũng trích Lênin... Nói phải thiết thực, nói đúng lúc, đúng chỗ mới là hiểu chủ nghĩa Mác- Lênin. Trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc”, Người chỉ rõ: “Tục ngữ nói “gậy đòn tai trâu” là có ý chê người nghe không hiểu. Song những người tuyên truyền mà viết và nói khó hiểu thì người đó chính là trâu”¹². Như vậy, giáo dục lý luận chính trị theo Người, cần phải phù hợp đối tượng và có nội dung thiết thực. Nhất là phải có tính thực tế, thực tiễn.

Đặc biệt trong phương pháp, Hồ Chí Minh đòi hỏi người dạy phải biết phát huy khả năng của học viên: những vấn đề thầy trò cùng nhau thảo luận, ai có ý kiến gì thì nên thẳng thắn trao đổi không giấu diếm, điều gì chưa thông suốt thì phải hỏi, phải bàn cho ra nhẽ. Dân chủ nhưng trò phải kính thầy, thầy phải quý trò, chứ không phải là “cá đối bằng đầu”¹³.

Quan điểm trên đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt ra yêu cầu cho công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ ở Trường Chính trị Trần Phú hiện phải lấy người học làm trung tâm để thiết kế nội dung, phương pháp giảng dạy, nhất là cần tránh tình trạng độc thoại của người giảng viên. Chúng ta phải lưu ý rằng, cán bộ, công chức là những người đã có ít nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực của mình, việc đào tạo họ cần phải khác biệt để tránh nhàm chán hay lặp lại những gì họ biết. Vì thế chúng ta không nên đem những gì chúng ta có để dạy họ, mà hơn hết là trao cho họ những thứ họ cần. Hiện nay, phần lớn các giảng viên nhà trường đã được trang bị phương pháp dạy học tích cực, tuy

nhiên, trong giảng dạy, người giảng viên cần vận dụng kinh nghiệm thực tiễn để kết hợp xây dựng một bài giảng với nội dung thiết thực và phương pháp linh hoạt, phong phú cho từng loại đối tượng khác nhau. Ví dụ, cũng là lớp trung cấp chính trị, nhưng ở các lớp tập trung, học viên ít thì nên tăng cường phương pháp làm việc nhóm; các lớp tại chức học viên đông thì nên sử dụng phương pháp như hỏi - đáp, lấy ý kiến ghi lên bảng; hay các lớp quản lý ngạch chuyên viên chủ yếu học về kỹ năng, do đó cần phương pháp tình huống để họ thảo luận, giải quyết..., làm sao để học viên “lý luận cùng thực hành phải luôn luôn đi liền với nhau”. Có như thế, họ mới rèn luyện được những kỹ năng mềm, ứng dụng vào thừa hành công việc mới đạt hiệu quả cao.

Bên cạnh đó, người giảng phải vừa “huấn” được về lý thuyết, vừa phải “luyện” được về năng lực thực hành. Giảng viên phải là người giữ vai trò định hướng, gợi mở để học viên làm việc. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng cắt nghĩa: Huấn luyện thì phải huấn và luyện. “Huấn là dạy dỗ, luyện là rèn giũa cho sạch những vết xấu xa trong đầu óc”¹⁴ và thuần thực công việc trong thực tế công tác. Muốn định hướng, gợi mở, muốn “dạy dỗ”, “rèn dũa” học viên thì không có cách nào khác người thầy phải có kỹ năng, phương pháp thuần thực và với một kiến thức chuyên môn sâu. Kiến thức có được từ sách vở, từ nghiên cứu khoa học, từ thực tiễn và cả từ các đối tượng học viên... đó là cơ sở quan trọng để người giảng viên tự tin trong việc giải quyết mọi thắc mắc, giải đáp mọi câu hỏi từ phía người học. Cùng với đó là phong cách, tác phong, đạo đức của người thầy; sự tôn trọng, quý mến lẫn nhau giữa thầy và trò sẽ trở thành nhân tố quyết định thành công, và chắc chắn tình trạng “cá đối bằng đầu” như Bác từng nhắc nhở không thể xảy ra.

Thứ tư: Phát huy vai trò, trách nhiệm của người học; hướng dẫn và nâng cao tinh

thần tự học của học viên. Dạy gắn liền với học, cùng với dạy tốt thì việc học cũng phải tốt. Do đó, phát huy vai trò, trách nhiệm của đội ngũ học viên là vấn đề hết sức quan trọng, là một trong những yếu tố cơ bản để quyết định hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị. Đối với cán bộ đi học phải xác định học là để hành, nghĩa là để làm việc chứ không phải là để có bằng cấp, để cho oai và để có chức này chức nọ. Do đó, phải có tinh thần, thái độ và phương pháp học tập sao cho có hiệu quả và đạt mục đích. Trước hết, người học phải có động cơ học tập trong sáng: “Khi học tập lý luận thì nhằm mục đích học để vận dụng chứ không phải học lý luận vì lý luận, hoặc vì tạo cho mình một cái vốn lý luận để sau này đưa ra mặc cả với Đảng. Tất cả những động cơ học tập không đúng đắn đều phải tẩy trừ cho sạch”¹⁵. Thứ hai, người đi học lý luận chính trị cần phải có thái độ học tập nghiêm túc, Hồ Chí Minh dạy: “...Không ai có thể tự xưng mình là giỏi lý luận. Do đó phải nêu cao tinh thần khiêm tốn, thật thà... Kiêu ngạo, tự phụ, tự mãn là kẻ thù số một của học tập”¹⁶. Thứ ba, người học phải biết dùng lý luận đã học để liên hệ với thực tiễn công tác: Học lý luận “không phải học để thuộc lòng từng câu từng chữ” mà “dùng lý luận đã học để phân tích những thắng lợi và thất bại trong công tác, những mặt đúng mặt sai trong tư tưởng... để làm cho nhận thức của chúng ta đối với các vấn đề đó được nâng cao hơn và công tác có kết quả hơn”¹⁷. Điều đặc biệt rất quan trọng của người học viên là phải có phương pháp học tập chủ động sáng tạo, tìm tòi, độc lập trong suy nghĩ và nhất là phải nâng cao tinh thần tự học. Hồ Chí Minh chỉ rõ: Học tập ở trường của Đoàn thể (Đảng) phải biết tự động học tập. Phải hiểu “Học để làm gì?” (a) Học để sửa chữa tư tưởng, (b) Học để tu dưỡng đạo đức cách mạng, (c) Học để tin tưởng, (d) Học để hành”¹⁸. “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng

sự đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại”¹⁹.

Trách nhiệm của giảng viên là hướng dẫn học viên tự học, hướng dẫn họ cách đọc tài liệu, theo đó, học viên “Phải nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ... Đọc tài liệu thì phải đào sâu hiểu kỹ, không tin một cách mù quáng từng câu một trong sách... vấn đề chưa thông suốt thì mạnh dạn đề ra và thảo luận cho vỡ lẽ. Đối với bất cứ vấn đề gì đều phải đặt câu hỏi “vì sao”²⁰ để từ đó thầy - trò cùng trao đổi, thảo luận, tìm ra chân lý.

Suy ngẫm lời dạy của Bác, đối chiếu thực tế qua nhiều năm, nhiều khóa đào tạo, nhiều loại hình đào tạo ở Trường chính trị Trần Phú cho thấy, phần lớn cán bộ, đảng viên đến học tập tại trường đều xác định được động cơ, mục đích học tập đúng đắn nên có tinh thần học tập, nhất là ý thức tự học cao; đội ngũ học viên là cán bộ, công chức ít nhiều đã có kinh nghiệm nên phương pháp làm việc và cách tư duy khá bài bản và khoa học, luôn chú trọng giữ gìn tư cách, đạo đức, chấp hành tổ chức, kỷ luật, nội quy quy chế của nhà trường; hăng hái tham gia các hoạt động của lớp, của trường góp phần to lớn vào thành công nói chung.

Tuy vậy, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một bộ phận học viên đi học lý luận chính trị, hành chính với động cơ và mục đích chưa đúng đắn, học đang vì “chuẩn hóa”, học vì bằng cấp, học do bắt buộc... Chiều hướng suy nghĩ giản đơn, lệch lạc này sẽ làm ảnh hưởng không tốt đến thái độ và kết quả học tập, thậm chí ảnh hưởng đến môi trường đào tạo của nhà trường. Chiều hướng suy nghĩ đó cũng dẫn đến tình trạng học viên đi muộn về sớm, bỏ về giữa chừng không xin phép, nghỉ học không lý do...

Nhiều năm qua, Nhà trường đã quan tâm đề ra nhiều chủ trương, biện pháp; ban hành các quy chế, quy định để quản lý và

chấn chỉnh nền nếp kỷ cương trong dạy và học, nhất là việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hình thức phiếu báo giảng, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra...; các quy định về việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giành cho cán bộ, giảng viên nhà trường và giành cho học viên các lớp... Tuy nhiên, vẫn rất cần mạnh mẽ hơn trong việc tìm ra các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng như đổi mới, tăng cường công tác quản lý; công tác thi, kiểm tra, nhất là việc ra đề thi, kiểm tra theo hướng vận dụng kiến thức tổng hợp và tăng cường liên hệ thực tiễn, tránh lệ thuộc nhiều vào sách vở, giáo trình; tổ chức học bổ sung theo đúng quy chế đào tạo... Cơ chế đánh giá cho điểm, hướng dẫn ôn tập, tổ chức thi, kiểm tra cũng cần được chú trọng hơn bằng việc tăng cường trách nhiệm cá nhân giảng viên và công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đi đôi với việc xử lý nghiêm minh, công bằng học viên vi phạm quy chế đào tạo; chấn chỉnh nền nếp kỷ cương ở tất cả các lớp theo hướng đòi hỏi người học phải thay đổi nhận thức về mục đích học tập, xây dựng thái độ nghiêm túc trong thi, kiểm tra, chuyên cần trong học tập, tự giác rèn luyện bản thân; xây dựng niềm tin và sự đam mê học tập, nghiên cứu; tăng cường công tác tài liệu. Nhà trường cần có biện pháp hỗ trợ về tài liệu đối với học viên các lớp tại chức vì không có điều kiện tiếp cận thư viện của nhà trường để kích thích tinh thần tự học của học viên... Điều quan trọng là nhà trường cần trang bị cho học viên phương pháp và tinh thần tự học tập để luôn có tri thức mới đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng ở mỗi thời kỳ.

Thứ năm: Phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng cấp trên đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh đến trách nhiệm của Đảng đối với công tác đào tạo,

bồi dưỡng, huấn luyện cán bộ: “Đảng phải nuôi dạy cán bộ, như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu”²¹, cần mẫn, tâm huyết mới có hoa thơm, quả ngọt. Trường Chính trị Trần Phú là cơ quan được Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao giữ trọng trách đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, quản lý nhà nước cho cán bộ của tỉnh nhà. Trong những năm qua, Ban Thường vụ tỉnh ủy, Ủy Ban nhân dân tỉnh và các cấp, các ngành đã quan tâm, tạo điều kiện để nhà trường hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ của mình. Đặc biệt, năm 2007, Ban Thường vụ tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 07 - NQ/TU về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Trường Chính trị Trần Phú và trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thành phố, thị xã đã tạo cơ sở và động lực để nhà trường phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Tuy vậy, để đáp ứng tốt hơn nữa công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của nhà trường trong tình hình mới, Ban Thường vụ tỉnh ủy, Ủy Ban nhân dân tỉnh, Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh cần tiếp tục quan tâm xứng đáng đối với công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nhất là chú trọng định hướng công tác lý luận, công tác chính trị một cách sâu sát, bài bản, phù hợp; quan tâm công tác cán bộ của nhà trường, nhất là đào tạo bồi dưỡng trình độ chuyên môn, trình độ chính trị; thực hiện công tác luân chuyển cán bộ, nhất là cử giảng viên đi thực tế ở cơ sở; chăm lo đến chế độ chính sách đối với người làm công tác đảng, công tác giáo dục lý luận chính trị; quan tâm công tác xây dựng cơ sở vật chất nhà trường...

Thực hiện đường lối đổi mới, Hà Tĩnh đã không ngừng phát triển, ngày càng hướng gần hơn với mục tiêu “Dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”, hướng đến năm 2030 “trở thành tỉnh khá”²² của cả nước. Tuy nhiên, phát triển là cả một quá trình, phát triển phải gắn liền với ổn định và bền vững. Nhiệm vụ và giải

pháp vừa mang tính then chốt, vừa lâu dài cho sự phát triển đó vẫn chính là quan tâm đến công tác cán bộ, chăm lo bồi dưỡng, giáo dục đạo đức cách mạng, lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nhiệm vụ đó là của cả hệ thống chính trị, từ tỉnh cho đến tận cơ sở. Trong đó, Trường Chính trị Trần Phú vừa là cơ quan tham mưu, đồng thời là cơ quan giữ vai trò chủ đạo trong thực hiện nhiệm vụ này.

Trong điều kiện Đảng ta đang đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới, Trường Chính trị Trần Phú càng ý thức sâu sắc vai trò, chức năng của mình, từ đó tiếp tục vận dụng một cách đúng đắn, sáng tạo tư tưởng của Người, xây dựng tốt các giải pháp nhằm đổi mới, nâng cao hiệu quả chất lượng đào tạo, bồi dưỡng hướng tới đạt chuẩn giai đoạn 1 vào năm 2025 và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp phát triển chung của quê hương, đất nước./.

Chú thích:

1, 2, 12, 21 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXBCTQG, H.2011, tập 5, tr. 309, 340, 313

3 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, NXBCTQG, H. 2003, tr.179.

5, 6, 8,9, 11, 14, 18, 19 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXBCTQG, H.2011, tập 6, trang 353, 362 362, 362, 361, 359, 360-361, 208

10 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXBCTQG, H.2011, tập 12, tr.269

13 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXBCTQG, H.2011, tập 9, tr. 266

15, 16, 17, 20 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXBCTQG, H.2011, tập 11, tr 395, 98, 96, 98

22 Tỉnh ủy Hà Tĩnh: *Kỷ yếu Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025*, Hà Tĩnh - năm 2021, tr.61.

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG LÀ “LINH HỒN” CỦA CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

✧ ThS. TRẦN THỊ QUỲNH ANGA
Trưởng khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là một trong những nhiệm vụ cơ bản có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng sẽ góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng, niềm tin của cán bộ, đảng viên đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa; tạo sự đoàn kết, thống nhất về tư tưởng, ý chí và hành động trong Đảng và toàn xã hội, đảm bảo thắng lợi của cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận. Vì vậy, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được xem là “linh hồn” của công tác xây dựng Đảng.

1. Nền tảng tư tưởng của Đảng là gì? Vì sao phải bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng?

Nền tảng tư tưởng của Đảng là hệ thống lý luận, là cơ sở khoa học và thực tiễn về xây dựng Đảng, về nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng, về định hướng phát triển của Đảng, về mục tiêu đấu tranh cách mạng của Đảng. Một đảng chính trị (chính đảng) nhất thiết phải có một nền tảng tư tưởng riêng và không được tách rời nền tảng tư tưởng đó, trừ khi muốn biến nó thành một đảng hay một tổ chức khác. V.I. Lênin chỉ rõ: “Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng”, “chỉ đảng nào có được một lý luận tiên phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong”.

Nền tảng tư tưởng của Đảng là bộ phận quan trọng, là nhân tố căn cốt, tạo cơ sở,

tiền đề quyết định mọi hoạt động xây dựng, sinh hoạt và lãnh đạo của một chính Đảng. Một chính đảng có thể trở thành một loại hình tổ chức khác nếu không có một nền tảng tư tưởng vững chắc. Nếu nền tảng tư tưởng thay đổi, tất yếu sẽ dẫn tới sự thay đổi về mục tiêu, lý tưởng, nguyên tắc tổ chức, phương hướng hoạt động chính trị của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”, “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và phát triển dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nội dung nền tảng đó vừa mang tính cách mạng vừa có tính khoa học sâu sắc. Thực tế lịch sử Việt Nam trong 94 năm qua kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời cho đến nay đã và đang khẳng định bản chất cách mạng và khoa học, giá trị và sức sống bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xem chủ nghĩa Mác - Lênin là “cẩm nang”, là kim chỉ nam, là “mặt trời soi sáng” con đường cách mạng của dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập và lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam ngay từ ngày đầu thành lập Đảng và suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Người đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào từng thời điểm, điều kiện cụ thể. Để đạt được những thắng lợi đó, trước hết Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nắm được bản chất cốt lõi, “linh hồn sống” trong tư tưởng của các nhà kinh điển Mác - Lênin. Theo Hồ Chí Minh, mục đích học chủ nghĩa Mác - Lênin là để phụng sự lợi ích chung, chứ không có gì cao xa, nếu không hết lòng, hết sức phụng sự nhân dân, tự kiêu, tự đại, tự lợi là trái với chủ nghĩa Mác - Lênin. Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ: “Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình, có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được”. Bản chất của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là khoa học, cách mạng thống nhất biện chứng với nhau. Vì thế, không thể tách rời mối quan hệ vốn có giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin; không thể lấy tư tưởng Hồ Chí Minh để thay thế cho chủ nghĩa Mác - Lênin và ngược lại. Cũng không thể đề cao hoặc tuyệt đối hóa tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như bằng cách này hay cách khác lại phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin.

2. Thực trạng bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình hiện nay

Hiện nay, các ứng dụng trên không gian mạng như Facebook, Zalo, Youtube,

Instagram, Linkedin, Zingme, Google... đang phát triển mạnh mẽ, tạo ra nhiều lợi ích đối với các quốc gia, dân tộc trên toàn thế giới. Các mạng xã hội được người dùng Việt Nam sử dụng phổ biến là Facebook, Zalo, Youtube, Instagram..., nhiều nhất là mạng xã hội Facebook. Do Internet, mạng xã hội có tính mở, với đặc trưng tự do, đa dạng, bình đẳng, nhiều khi ranh giới giữa thực và ảo bị xóa nhòa. Vì vậy, không gian mạng cũng mang đến không ít thách thức đối với việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Thời gian qua, các thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước chủ yếu qua Internet, blog, mạng xã hội... để tuyên truyền, tán phát những thông tin xấu, độc, xuyên tạc, chống phá gây tác động xấu đến tư tưởng cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Chúng lập ra nhiều trang web mạo danh để bình luận, xuyên tạc, hạ uy tín, làm mất niềm tin của quần chúng nhân dân với Đảng, Nhà nước. Đồng thời, đưa lên Internet và mạng xã hội những mặt trái của xã hội, khai thác những thông tin tiêu cực, không chính thống, chưa rõ ràng để dẫn dắt, hướng lái dư luận theo chiều hướng tiêu cực, làm cho người đọc mơ hồ, mất cảnh giác nhằm mục đích tạo nên sự hoài nghi, phản kháng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, từ đó, chuyển hóa dần sang tư tưởng sai trái, phản động, thù địch. Các thế lực thù địch tiếp tục tổ chức viết nhiều tài liệu, “tác phẩm” dưới dạng văn học nhằm dựng chuyện, vu cáo, bôi nhọ, từ đó xóa bỏ học thuyết Mác - Lênin và lý luận về cách mạng xã hội chủ nghĩa... Đối tượng tác động của hoạt động tuyên truyền chống phá của các thế lực thù địch, phản động chủ yếu là trí thức, văn nghệ sĩ; cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ hưu trí, cán bộ, đảng viên có biểu hiện bất mãn, suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa; thế hệ trẻ, nhất là học sinh, sinh viên; người lao động... Nhận thức được điều này,

trong giai đoạn hiện nay Đảng ta đã xác định: Cuộc đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch là một mặt trận quan trọng và không thể buông lỏng. Để thực hiện những chủ trương đó, Đảng đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết nêu rõ các quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp lớn để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, xác định rõ phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp cần phải quán triệt và thực hiện trên cơ sở quan điểm chủ đạo là kết hợp giữa “xây” và “chống”, “xây” là mục đích cao nhất.

3. Nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, tăng cường đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch chống phá cách mạng nước ta trong giai đoạn hiện nay

Để bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trước mắt cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp cơ bản sau:

Một là, kiên định, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội. Đây vừa là nhiệm vụ vừa là giải pháp cơ bản khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với giai cấp, Nhà nước và xã hội; xây dựng, chỉnh đốn Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, phẩm chất đạo đức, tổ chức, cán bộ; đổi mới phương thức lãnh đạo, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với Nhân dân, bảo đảm cho Đảng đủ sức lãnh đạo sự nghiệp đổi mới đất nước không ngừng phát triển. Tuyệt đối không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập và kiên quyết đấu tranh với những quan điểm tư tưởng chính trị sai trái, thù địch đòi đa nguyên, đa đảng. Tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhất là trong điều kiện Đảng ta là đảng cầm quyền, hoạt động trong môi trường phát triển kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa hội nhập quốc tế. Vấn đề giữ vững bản

chất giai cấp của Đảng - Một Đảng Cộng sản, đảng cách mạng chân chính, đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc là vấn đề hết sức cơ bản và quan trọng.

Hai là, chủ động phát hiện kịp thời những tư tưởng đối lập do các thế lực thù địch, những phân tử cơ hội trong bộ máy lãnh đạo Đảng, Nhà nước, lực lượng vũ trang; xử lý kịp thời và nghiêm minh theo pháp luật đối với các hoạt động chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng, không để chúng tạo dựng ngọn cờ tập hợp được lực lượng. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý các hoạt động báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, Internet, mạng xã hội (Facebook), các cuộc hội thảo, việc hợp tác nghiên cứu khoa học xã hội về những vấn đề tôn giáo, dân tộc, dân chủ, nhân quyền... Không để xảy ra sơ hở để bên ngoài có thể lợi dụng xâm nhập, thu thập bí mật, xuyên tạc, phủ nhận, truyền bá quan điểm tư tưởng thù địch và kích động phá hoại.

Ba là, đẩy mạnh đấu tranh, vô hiệu hóa các trang mạng xã hội có nội dung xấu, độc; tăng cường giáo dục, đối thoại với những người có quan điểm sai trái, ngăn chặn sự tác động của bọn phản động bên ngoài, không đẩy họ vào thế đối địch, đồng thời kiên quyết xử lý những trường hợp “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” gây tổn hại đến nội bộ Đảng, Nhà nước và chính quyền các cấp. Chủ động phê phán, bác bỏ các quan điểm tư tưởng sai trái và ý đồ thực hiện “đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập”. Đây vừa là nhiệm vụ vừa là yêu cầu cần kiên quyết, kiên trì, tăng cường đấu tranh phê phán hệ tư tưởng tư sản, tư tưởng xã hội - dân chủ, chủ nghĩa thực dụng.

Bốn là, tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng. Kiên định nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh,

Xem tiếp trang 34

QUẢN TRIỆT CHỈ THỊ 23-CT/TW CỦA BAN BÍ THƯ TRONG CÔNG TÁC GIẢNG DẠY Ở KHOA LÝ LUẬN CƠ SỞ GÓP PHẦN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

✧ ThS. PHAN BÁ LINH

Phó Trưởng Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước hết là bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhiệm vụ đó đặt ra yêu cầu trong công tác xây dựng Đảng về mặt tư tưởng phải không ngừng nâng cao trình độ, nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về ý nghĩa, vai trò, nội dung, nhất là các giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Việc đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy, học tập, nghiên cứu và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vì vậy càng trở nên cấp thiết, vừa có vai trò nền tảng, vừa có vị trí then chốt trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng hiện nay.

Ngày 09/2/2018, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 23 - CT/TW về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu và phát triển Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới (sau đây gọi là Chỉ thị 23-CT/TW). Chỉ thị đánh giá: Những năm qua, nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về ý nghĩa, vai trò và các giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh được nâng lên... Công tác học tập, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu, vận dụng và phát triển lý luận đã và đang giải đáp nhiều vấn đề thực tiễn đặt ra. Song nhìn chung, chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chưa cao; tri thức kinh điển chưa được coi trọng đúng mức; một số quan điểm, học thuyết của các nhà kinh điển chậm được nghiên cứu, nhận thức một cách đầy đủ và chậm được

bổ sung, phát triển để đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Chưa kịp thời phát hiện, nghiên cứu thấu đáo những vấn đề mới về lý luận và thực tiễn trong nước và thế giới. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ chưa bị đẩy lùi. Đấu tranh phòng, chống “diễn biến hòa bình” chưa sắc bén, hiệu quả chưa cao...

Những hạn chế nêu trên do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do nhận thức chưa đầy đủ về ý nghĩa, vị trí, tầm quan trọng của việc đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới... Trước thực trạng đó, Chỉ thị 23-CT/TW chủ trương cần tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đáp ứng

yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, với mục tiêu: Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thực sự hiệu quả, thiết thực trong việc học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới; góp phần xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”.

Để thực hiện hiệu quả các mục tiêu trên, Chỉ thị 23-CT/TW đã nêu ra 5 nhóm nhiệm vụ, giải pháp. Đặc biệt, trong công tác tổ chức thực hiện, Ban Bí thư có phân công: “Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất đổi mới nội dung các Chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị trong hệ thống trường đảng...”. Điều đó khẳng định, để đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, công tác đào tạo, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ở trong hệ thống các trường chính trị cấp tỉnh giữ vị trí, vai trò hết sức quan trọng.

Khoa Lý luận cơ sở là khoa chuyên môn của Trường Chính trị Trần Phú, trực tiếp giảng dạy những phần học: “Những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (gồm môn Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học)” và “Những vấn đề cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh” trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị.

Quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị 23-CT/TW, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường, Chi bộ và lãnh đạo Khoa Lý luận cơ sở sớm xác định đội ngũ giảng viên là nhân tố quyết định đến hiệu quả giảng dạy, học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Vì vậy, trong những năm vừa qua, Khoa luôn quan tâm xây dựng tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ. Đến nay, đội ngũ giảng viên của Khoa gồm có 09 người (05 giảng viên cơ hữu và 04 giảng viên kiêm nhiệm). Cơ bản đội ngũ giảng viên giảng dạy đúng chuyên ngành được đào tạo. Trong đó 09/09 đồng chí có trình độ thạc sĩ và cao cấp chính trị, 06/09 là giảng viên chính. Hàng năm, tổng số bài viết nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên khá lớn (trong đó có nhiều bài viết tuyên truyền về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch) được đăng ở các tạp chí, báo Trung ương, địa phương và kỷ yếu các hội thảo. Có nhiều đồng chí có khả năng viết và nghiên cứu khoa học tốt... Đây chính là nền tảng quan trọng để Khoa Lý luận cơ sở thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao của mình.

Để góp phần vào công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm thù địch, các giảng viên của Khoa đã xác định trước hết là bản thân phải biết tự bảo vệ; mỗi cá nhân người giảng viên phải thực sự có trình độ chuyên môn sâu, rộng, am hiểu có hệ thống những nội dung, giá trị cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; thực sự xứng đáng là người thầy giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; là một tuyên truyền viên, “nhà giáo dục” xung phong, gương mẫu trên mặt trận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng... Theo đó,

mỗi giảng viên đã không ngừng phát huy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, thường xuyên tự học tập, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị và phương pháp công tác của mình.

Trên cơ sở giáo trình của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, sự phân công của lãnh đạo Khoa, đội ngũ giảng viên luôn biết cách đổi mới nội dung theo hướng giảng dạy, truyền đạt đầy đủ những nội dung cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Mục đích giúp đội ngũ học viên, nhất là cán bộ, đảng viên lãnh đạo, quản lý ở cơ sở nhận thức đầy đủ, sâu sắc, toàn diện những nguyên lý cơ bản và giá trị to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, nhận thức tư tưởng, bản lĩnh chính trị, tạo niềm tin, kiên định với lập trường, tư tưởng của Đảng, từ đó vận dụng linh hoạt, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện cụ thể từng địa phương, đơn vị; góp phần làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc quê hương, đất nước.

Trong giảng bài, đội ngũ giảng viên vừa bám sát nội dung cơ bản của giáo trình, vừa thường xuyên cập nhật những nội dung nghiên cứu mới nhất, những kết luận được rút ra từ công tác tổng kết thực tiễn vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng và Nhà nước ta; và cập nhật cả những lý thuyết đương đại. Xác định trong giai đoạn hiện nay, nhiều nội dung của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh bị các thế lực thù địch, cơ hội chính trị thường xuyên lợi dụng, xuyên tạc, chống phá, vì vậy, việc tích hợp công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng

của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong giảng dạy lý luận chính trị trở thành yêu cầu bắt buộc, cấp thiết. Do đó, ngay từ khi xây dựng kế hoạch giảng dạy môn học, bài học và tiết học, các giảng viên đã biết lựa chọn nội dung kiến thức nào có thể tích hợp; chủ động lên phương án giảng dạy; xây dựng hệ thống các luận cứ thuyết phục nhằm đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, thù địch... Từ đó, góp phần củng cố niềm tin, kiến thức và sự định hướng đối với người học, tạo ra sự thống nhất trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Đổi mới phương pháp giảng dạy là giải pháp hàng đầu để nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Vì vậy, đội ngũ giảng viên Khoa Lý luận cơ sở không ngừng chú trọng đổi mới phương pháp theo hướng dạy học tích cực, “lấy người học làm trung tâm”, kết hợp với ứng dụng các phương pháp hiện đại tạo hấp dẫn, hứng thú trong học tập, tìm tòi, nghiên cứu. Xác định, kiến thức của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh mang tính học thuật và lý thuyết nhiều, nên trên cơ sở bám sát thực tiễn, phân biệt rõ cấp học và đối tượng học, kể cả nhu cầu quy hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ, các giảng viên đã chú ý liên hệ chặt chẽ với thực tế địa phương, đơn vị và nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Đồng thời, thông qua các dẫn chứng, nhiều ví dụ sinh động, gắn lý luận với thực tiễn, giảng viên đã tạo sức hấp dẫn và không khí sôi nổi trong tranh luận, thảo luận giúp người học dễ ghi nhớ, dễ liên hệ từ đó vận dụng sáng tạo những nội dung cơ bản chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào trong thực tiễn cuộc sống.

Thực tế hiện nay ở cơ sở có một bộ phận người dân do hạn chế về nhận thức và

thiếu thông tin nên rất dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng, kích động, xuyên tạc, tuyên truyền sai trái về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về chủ trương, đường lối của Đảng. Chính vì vậy, thông qua các phương pháp dạy học tích cực, như hỏi đáp, phỏng vấn, nêu tình huống; thông qua phát biểu ý kiến của người học, đội ngũ giảng viên, một mặt vạch rõ âm mưu, thủ đoạn và các phương thức chống phá; mặt khác, trên cơ sở lý luận cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để định hướng đội ngũ cán bộ cơ sở, trước hết là người đứng đầu thường xuyên và kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Thực hiện tốt công tác dân vận, tuyên truyền vận động Nhân dân, chú trọng trao đổi, đối thoại, thuyết phục; lắng nghe, tiếp thu các góp ý mang tính xây dựng để kịp thời điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách cho phù hợp...

Có thể khẳng định rằng, trên cơ sở các nội dung cơ bản của Chỉ thị 23-CT/TW, đội ngũ giảng viên Khoa Lý luận cơ sở (gồm cả giảng viên của Khoa và giảng viên kiêm nhiệm) đã thực hiện tốt vai trò của mình là người giảng dạy, tuyên truyền, góp phần quan trọng vào việc đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới. Tuy vậy, trước thực trạng đầy biến động của tình hình thế giới và trong nước hiện nay, trước những nhiệm vụ của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, yêu cầu cần phải tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đặc biệt, đây là thời kỳ mà các thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước đang gia tăng các hoạt động thực hiện “diễn biến

hòa bình”, đa dạng các loại quan điểm sai trái, thù địch và hình thức chống phá với phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi và xảo quyệt hơn, nhất là hoạt động tuyên truyền phá hoại chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên không gian mạng và các trang mạng internet, mạng xã hội... Trong bối cảnh đó, yêu cầu đội ngũ đảng viên, giảng viên Khoa Lý luận cơ sở trên cơ sở mục tiêu, quan điểm và các nhiệm vụ, giải pháp của Chỉ thị 23-CT/TW, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban giám hiệu Nhà trường cần tập trung thực hiện tốt một số việc sau đây:

Thứ nhất: Nhận thức sâu sắc vai trò và tầm quan trọng của công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, giảng dạy, học tập, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết, kiên trì thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu mà Chỉ thị 23-CT/TW, Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đề ra; xác định rõ đây là nhiệm vụ chính trị vừa cấp bách, vừa thường xuyên và lâu dài, không chỉ là công việc của các cơ quan đảng, Nhà nước mà là của cả hệ thống chính trị, là trách nhiệm của mọi cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận chính trị, đặc biệt là giảng viên giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhận thức đầy đủ các chủ trương, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Thứ hai: Không được chủ quan, lơ là, tự mãn, luôn nêu cao tinh thần tự học, tự nghiên cứu sâu sắc, toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh theo phương châm “cơ bản, hệ thống, thực tiễn

và hiện đại”. Đặc biệt, nắm chắc những giá trị cốt lõi, xuyên suốt, bất biến của chủ nghĩa Mác - Lênin tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, nâng cao tinh thần cảnh giác đối với những luận điệu phản động, xuyên tạc, sai trái của các thế lực thù địch đối với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó có kế hoạch cụ thể để đấu tranh, phản bác qua mỗi bài giảng, mỗi bài viết nghiên cứu khoa học.

Thứ ba: Giảng dạy các nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cần gắn với việc quán triệt và vận dụng tinh thần Nghị quyết, Kết luận Hội nghị Trung ương 4, khóa XII và khóa XIII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Từ đó, nhấn mạnh việc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng phải đi đôi với việc giải quyết và xử lý kịp thời, có hiệu quả đối với tệ quan liêu, tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực khác, trước hết là trong nội bộ Đảng, trong hệ thống chính trị và trong toàn xã hội.

Thứ tư: Trong giảng dạy tiếp tục không ngừng tìm tòi, đổi mới nội dung, phương thức, hình thức truyền đạt kiến thức, phù hợp với từng đối tượng cụ thể, đảm bảo chất lượng, hiệu quả thiết thực. Các căn cứ, ví dụ dẫn chứng cần phải điển hình, đủ sức thuyết phục, giúp cho học viên hiểu rõ được những giá trị lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tin tưởng và làm theo, đi theo hệ tư tưởng, “kim chỉ nam” - Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Thứ năm: Thường xuyên đổi mới, bổ sung giáo án, cập nhật kiến thức, tích hợp nội dung đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong soạn giáo án và giảng bài. Phải xác định rõ, cụ thể các quan điểm sai trái, thù địch chống phá, xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh trên các phương diện, lĩnh vực nào, gắn với chuyên đề cụ thể nào, để từ đó xác lập hệ thống các luận điểm đúng đắn, khoa học ngay trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong quan điểm của Đảng và chính sách Nhà nước để phản bác, đấu tranh một cách thuyết phục, phù hợp.

Thứ sáu: Đối với công tác nghiên cứu khoa học, cần phát huy vai trò cùng với Nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận. Tăng cường cả về số lượng và chất lượng trong tham gia viết bài trên các báo, tạp chí, Thông tin lý luận và thực tiễn nhà trường, các bản tin, các cuộc thi viết chính luận khẳng định mạnh mẽ và cụ thể hóa những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các giá trị bền vững phù hợp với thực tiễn nước ta; coi trọng việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc định hướng phát triển và hoạt động thực tiễn ở địa phương, đơn vị một cách thiết thực và hiệu quả.

Thứ bảy: Đảng uỷ, Ban Giám hiệu cần tăng cường tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng trên lĩnh vực lý luận chính trị; tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong học tập, đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá thực chất kết quả học tập lý luận chính trị theo hướng thực chất; quan tâm cử cán bộ, giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cập nhật về nội dung và phương pháp đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng./.

PHÁT HUY VAI TRÒ GIẢNG VIÊN TRIẾT HỌC Ở CÁC TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CẤP TỈNH TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

✧ ThS. PHAN THỊ AN PHÚ

Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu

Tóm tắt: Bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Đội ngũ giảng viên làm công tác giảng dạy Triết học Mác - Lênin tại các trường chính trị cấp tỉnh là một lực lượng có vai trò quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ đấu tranh, phản bác những quan điểm sai trái, thù địch góp phần thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Theo Quy chế giảng viên trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được quy định tại Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG, ngày 21/12/20221 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, giảng viên giảng dạy triết học vừa bảo đảm việc giảng dạy những nội dung của phần học Triết học Mác - Lênin thuộc chương trình Trung cấp lý luận chính trị vừa thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập góp phần phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội ở địa phương, phát triển lý luận; đấu tranh chống những luận điểm sai trái, bảo vệ triết học Mác - Lênin góp phần xây dựng đảng, hệ thống chính trị.

Từ khi xuất hiện ở những năm 40 của thế kỷ XX đến nay, Triết học Mác - Lênin thường xuyên gặp phải sự chống phá từ các thế lực thù địch, các nhà kinh điển mácxít đã sử dụng nhiều bài viết, tác phẩm để vạch trần những âm mưu trắng trợn hòng xóa bỏ vai trò của môn khoa học này. Vì vậy, thực hiện nhiệm vụ của giảng viên gắn với nhiệm

vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, mỗi giảng viên cần linh hoạt, khéo léo tích hợp nội dung Nghị quyết số 35-NQ/TW vào giảng dạy từng chuyên đề, môn học, phần học. Tùy theo nội dung của từng bài giảng, giảng viên cần nhấn mạnh những nội dung mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Phần Triết học Mác - Lênin (từ bài 1 đến bài 11) sẽ trang bị cho học viên những kiến thức cốt lõi của thế giới quan duy vật biện chứng; những nguyên lý, quy luật, phạm trù cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, từ đó vận dụng vào quá trình công tác và đời sống. Tùy vào nội dung cụ thể ở từng phần, giảng viên sẽ lựa chọn phương pháp và nội dung lồng ghép với thời lượng phù hợp với từng đối tượng học viên khác nhau. Đồng thời, với vốn kiến thức chuyên ngành được đào tạo thì khi mỗi giảng viên Triết học cần tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, chỉ ra những quan điểm phiến diện, suy diễn về những vấn đề

cơ bản của triết học Mác - Lênin vừa khẳng định những giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời cấp nguồn luận cứ phục vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Như vậy, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ở mỗi giảng viên Triết học tại trường chính trị cấp tỉnh được thể hiện ở hai hoạt động chính là giảng dạy và nghiên cứu khoa học nhằm cung cấp những kiến thức lý luận nền tảng cho học viên, giúp học viên nắm vững ý nghĩa phương pháp luận trong nhận thức khoa học và hoạt động cải tạo xã hội. Từ đó, tạo cơ sở cho học viên hình thành những kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện phương pháp tư duy biện chứng, hình thành nên thế giới quan, phương pháp luận khoa học, củng cố niềm tin vào bản chất khoa học, cách mạng, giá trị của Triết học Mác - Lênin; chứng minh, bảo vệ những luận điểm cơ bản của C.Mác, Ph.Ăngghen mà V.I.Lênin đã bổ sung, phát triển; đồng thời nhận diện rõ những âm mưu, thủ đoạn các thế lực thù địch đang tìm cách xuyên tạc Triết học Mác - Lênin, từ đó đưa ra những giải pháp đấu tranh với các âm mưu, thủ đoạn xuyên tạc Triết học Mác - Lênin góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Trong thời gian qua, đội ngũ giảng viên Triết học ở các trường chính trị cấp tỉnh nói chung, Trường Chính trị Trần Phú nói riêng đã cơ bản phát huy được vai trò của mình trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Chất lượng các bài giảng không ngừng được nâng cao; có nhiều bài viết mang tính chiến đấu cao được đăng tải trên nhiều tạp chí, các trang báo khác nhau góp phần lan tỏa sâu rộng về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Bên cạnh đó, Khoa Lý luận cơ sở thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn tổ chức hướng dẫn, định hướng đội ngũ giảng viên thực hiện việc lồng ghép, tích hợp nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng vào từng bài giảng, chuyên đề cụ thể.

Đó là căn cứ để từng giảng viên có thể tích hợp có hiệu quả các nội dung phù hợp vào giáo án bài giảng, tiết giảng. Ban Giám hiệu, lãnh đạo khoa thường xuyên nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn, định hướng phương thức lồng ghép công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong hoạt động giảng dạy của giảng viên. Tuy nhiên, việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch của giảng viên Triết học ở trường chính trị cấp tỉnh vẫn còn có những hạn chế nhất định. Chất lượng tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng ở mỗi bài giảng, bài viết của mỗi giảng viên chưa đồng đều; hiệu quả của việc tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch vào bài giảng vẫn chưa có những cách thức xác định rõ ràng...

Đấu tranh phản bác những luận điệu xuyên tạc của thế lực thù địch về nền tảng tư tưởng của Đảng là một cuộc đấu tranh lâu dài, khó khăn, phức tạp để bảo vệ nền tảng tư tưởng ngày càng hiệu quả hơn đòi hỏi người giảng viên Triết học cần phát huy hơn nữa vai trò của mình trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Để đấu tranh có hiệu quả, đội ngũ giảng viên Triết học cần nhận thức và giải quyết tốt những vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, mỗi giảng viên cần phải tự nỗ lực phấn đấu rèn luyện nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ nghề nghiệp và đạo đức cá nhân. Để bảo vệ nền tảng tư tưởng, lý luận của Đảng, điều có ý nghĩa đặc biệt quan trọng là những người đảng viên, giảng viên phải có bản lĩnh chính trị, dám đấu tranh không khoan nhượng với kẻ thù; không được dao động, mất lập trường, yếu đuối. Một mặt, các giảng viên cần nắm rõ những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc, những giá trị, chuẩn mực đạo đức cách mạng, trung với nước, trung với Đảng, hiếu với dân; cần, kiệm, liêm, chính,

chí công vô tư; có trách nhiệm với công việc; đoàn kết nội bộ, đoàn kết với Nhân dân; có ý thức tổ chức kỷ luật tốt; có thái độ đúng mực, nghiêm túc trong công việc, kiên quyết trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực lý luận sã; có thái độ thân thiện, đoàn kết với đồng chí, đồng nghiệp và quần chúng nhân dân; có khả năng nhận thức đúng những thay đổi của thời đại để nhận diện được các quan điểm sai trái, thù địch và chủ động điều chỉnh phương pháp đấu tranh; chủ động, tích cực tham gia vào công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, người giảng viên cần xác định cho mình động cơ, thái độ, trách nhiệm trong đấu tranh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; không ngừng nỗ lực tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực với việc thường xuyên tu dưỡng rèn luyện ý chí, bản lĩnh và năng lực đấu tranh với các quan điểm, tư tưởng sai trái, thù địch; chủ động tiếp thu kiến thức phương pháp, kỹ năng đấu tranh trong lĩnh vực tư tưởng.

Thứ hai, thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành cho cán bộ, giảng viên giảng dạy triết học Mác - Lênin. Phải tăng cường công tác nghiên cứu, học tập thực tế cho đội ngũ giảng viên. Phát huy tinh thần tích cực, chủ động, tự giác, tự học của đội ngũ cán bộ, giảng viên. Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng giảng viên; chú trọng về chất lượng các hoạt động khoa học; cập nhật kịp thời những phát triển mới trong lĩnh vực lý luận, tư tưởng; có kế hoạch cụ thể cho hoạt động học tập, nghiên cứu thực tế ở các cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội tại các địa phương của giảng viên. Xây dựng đội ngũ giảng viên có vững bản lĩnh chính trị, luôn trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng của Đảng; nhạy cảm và có khả năng phân tích khoa học đối với

những hiện tượng, tình huống chính trị - xã hội mới nảy sinh để định hướng hành động đúng đắn, phù hợp, giải quyết có hiệu quả những tình huống phức tạp trong đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận hiện nay.

Thứ ba, phải cung cấp nguồn tài liệu và các phương pháp, kỹ năng bảo vệ nền tảng tư tưởng cho giảng viên giảng dạy Triết học Mác - Lênin. Các tài liệu cần tập trung vào việc nhận diện rõ những âm mưu, thủ đoạn chống phá Đảng, Nhà nước và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta của các thế lực thù địch, các phần tử cơ hội chính trị, thoái hóa, biến chất, nhất là các âm mưu, thủ đoạn chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng. Đồng thời quán triệt sâu sắc những quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đấu tranh, ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực lý luận, về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Cần xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, của đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân, cũng như của đội ngũ giảng viên triết học trong việc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực lý luận. Hoạt động đó được tiến hành thông qua việc quán triệt, triển khai nhiệm vụ tại các buổi họp đảng bộ, chi bộ, sinh hoạt chuyên môn; đa dạng hóa các hình thức, nội dung tuyên truyền theo hướng gắn chặt lý luận với thực tiễn; gắn hoạt động nghiên cứu chuyên sâu như đề tài, hội nghị, hội thảo với tổng kết thực tiễn để giảng viên triết học Mác - Lênin có điều kiện nâng cao hiểu biết toàn diện, tiếp cận đầy đủ các nội dung, phương thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Bên cạnh đó thì Ban Chỉ đạo 35 các cấp cũng mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức, kỹ năng cho giảng viên để cung cấp những kiến thức mới, những kỹ năng cần thiết trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, nhất là kỹ năng

nhận diện các quan điểm sai trái, thù địch; kỹ năng viết tin bài đấu tranh phản bác, chia sẻ thông tin, tham gia các nhóm đấu tranh trên không gian mạng...

Thứ tư, cần đầu tư trang bị những phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại nhằm phục vụ tốt quá trình giảng dạy mang tính trực quan, sinh động khi kết hợp đấu tranh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Để lồng ghép nội dung đấu tranh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiệu quả cần ứng dụng hiệu quả các thành tựu công nghệ vào trong giảng dạy chính trị. Việc cài đặt các video hướng dẫn, giải thích kết hợp với khả năng hướng dẫn nội dung của giảng viên sẽ tăng thêm hiệu quả chương trình học, giúp cho giảng viên thuận tiện hơn trong kết nối với người học thông qua các phim ghi hình màn hình, âm thanh, tường thuật giọng nói, PowerPoint, các video hình ảnh góp phần cung cấp lượng thông tin nhanh và chính xác từ báo chí chính thống trong nước đáp ứng nhu cầu học viên, giúp họ không cần phải tìm kiếm ở bên ngoài.

Thứ năm, mỗi giảng viên tích cực tuyên truyền, triển khai thực hiện những nội dung của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, khóa XII, khóa XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, gắn với tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Nâng cao nhận thức sâu rộng về nội dung các Nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, gắn với tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh sẽ góp phần tạo những chuyển biến mạnh mẽ đối việc thực hiện các hình thức, biện pháp đấu tranh, ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực lý luận của đội ngũ giảng viên Triết học. Qua đó, mỗi giảng viên nhận thức rõ về quyết tâm của Đảng đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; không ngừng trau dồi bản lĩnh chính trị, giữ vững lập trường của giai cấp công nhân, góp phần xây dựng Đảng ta thực sự “là đạo

đức, là văn minh”. Đồng thời định hướng cho đội ngũ giảng viên cách tiếp nhận thông tin, chia sẻ thông tin, nâng cao ý thức trách nhiệm trong công việc, hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, luôn gần dân, thân thiện với dân, trọng dân và giúp đỡ dân.

Thứ sáu, cần có quy định, hướng dẫn cụ thể để đội ngũ giảng viên lồng ghép, tích hợp công tác này vào trong từng giáo án bài giảng, từng tiết giảng. Theo đó, từng giảng viên cần ý thức được trách nhiệm của mình để tự giác lồng ghép, tích hợp các nội dung có liên quan vào giáo án bài giảng, tiết giảng. Để thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch thông qua công tác giảng dạy thì Nhà trường và các khoa chuyên môn cần tăng cường sinh hoạt chuyên môn, định hướng phương thức lồng ghép công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong hoạt động giảng dạy của giảng viên. Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra hoạt động giảng dạy trên lớp của giảng viên để nắm thông tin phản hồi của học viên đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên thông qua việc thiết kế mẫu phiếu đánh giá của học viên về chất lượng bài giảng của đội ngũ giảng viên./

Tài liệu tham khảo

1. Ban Tuyên giáo Trung ương, *Phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb chính trị quốc gia Sự thật, H.2007, tr.12.
2. V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2006, t.29, tr.209 -210, 371, 381.
3. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.5, tr.109.
4. Hội đồng chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1999, tr.212 - 230.
5. Viện Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Hỏi - Đáp Triết học*, Nxb. Lý luận chính trị, H.2007.

ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH VỀ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

✧ ThS. VÕ THANH CƯỜNG
Phòng QLĐT & NCKH

Tóm tắt: An sinh xã hội là vấn đề trung tâm trong chiến lược phát triển đất nước. Bảo đảm quyền an sinh xã hội cho người lao động có vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện công bằng xã hội. Trong những năm gần đây, hệ thống chính sách xã hội đã cơ bản đảm bảo công bằng, toàn diện, bao trùm, tiệm cận các tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo cơ bản quyền an sinh của người dân, góp phần phát triển kinh tế, ổn định chính trị và trật tự xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Tuy nhiên, các thế lực thù địch vẫn ra sức bóp méo, phủ nhận thành quả bảo đảm an sinh xã hội của Việt Nam. Để đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch cần nhận diện rõ âm mưu, thủ đoạn chống phá, đồng thời đưa ra những căn cứ xác đáng, thuyết phục.

An sinh xã hội là một trong những trụ cột quan trọng của chính sách xã hội Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định: “Chú trọng nâng cao phúc lợi xã hội, an sinh xã hội, cố gắng bảo đảm những nhu cầu cơ bản thiết yếu của nhân dân về nhà ở, đi lại, giáo dục, y tế, việc làm,...”. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng chỉ rõ, xã hội mà chúng ta đang xây dựng là “một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người”; “sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội”. Những quan điểm nêu trên thể hiện rõ thể hiện rõ bản chất tốt đẹp

của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đồng thời cũng khẳng định quyết tâm của Đảng ta trong lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội.

Đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động là mục tiêu có ý nghĩa thiết thực trong chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Người lao động trong bất kỳ lĩnh vực nào, ở khu vực công hay khu vực tư đều có nguy cơ đối mặt với những rủi ro, bất trắc, không thể lường trước như ốm đau, tai nạn lao động, mất việc làm,... Vì vậy, bảo đảm quyền an sinh cho người lao động nói chung, nhất là người lao động bị mất việc làm, đảm bảo cho họ được hưởng đầy đủ trợ cấp xã hội khi gặp rủi ro không chỉ có ý nghĩa đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của người lao động mà còn thể hiện tính nhân văn sâu sắc của Đảng, Nhà nước và chế độ ta.

Quyền được hưởng an sinh xã hội là một quyền cơ bản của công dân đã được quy định tại Điều 34, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013: “Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội”. Điều 59, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 khẳng định: “Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác”. Quy định của Hiến pháp về quyền an sinh xã hội được cụ thể hóa trong nhiều văn bản pháp luật nhằm bảo đảm tốt hơn các quyền của công dân, giải quyết tốt hơn mối quan hệ gắn tăng trưởng kinh tế với thực hiện chính sách xã hội nói chung, chính sách lao động và an sinh xã hội nói riêng.

Thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW, ngày 10/6/2012, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020, Chính phủ đã triển khai nhiều nội dung, chương trình nhằm đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động như: Tăng cơ hội có việc làm, bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo bền vững cho người lao động yếu thế thông qua hỗ trợ cá nhân và hộ gia đình phát triển sản xuất, hỗ trợ tín dụng, giải quyết việc làm và kết nối thông tin thị trường lao động; mở rộng cơ hội cho người lao động tham gia hệ thống chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; hỗ trợ thường xuyên đối với người có hoàn cảnh đặc thù, hỗ trợ đột xuất cho người dân khi gặp các rủi ro không lường trước được, hoặc vượt quá khả năng kiểm soát,... thông qua các khoản tiền mặt hoặc hiện vật từ ngân sách nhà nước.

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW, trong tổng số 26 chỉ tiêu Nghị quyết đề ra, có 5 chỉ tiêu vượt và hoàn thành trước thời hạn là: Nhà ở cho người có công; trợ giúp xã hội; trợ giúp xã hội cho người cao tuổi; tỷ lệ đi học đúng tuổi; bảo hiểm y tế; tiêm chủng mở rộng. Có 16 chỉ tiêu đạt mục tiêu vào năm 2020, gồm: Mức sống gia đình người có công; mức trợ cấp người có công; thất nghiệp chung; thất nghiệp thành thị; giảm nghèo chung; giảm nghèo tại các huyện, xã có tỷ lệ nghèo cao; thu nhập bình quân đầu người hộ nghèo; trợ giúp xã hội đột xuất; trẻ em đi học trung học cơ sở đúng tuổi; người biết chữ từ 15 tuổi; lao động qua đào tạo; tiêm chủng cho trẻ dưới 1 tuổi; phòng chống lao; phủ sóng phát thanh truyền hình; đài truyền thanh xã ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Như vậy, sau 10 năm thực hiện, Nghị quyết Trung ương 5 khóa XI đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và người dân về chính sách xã hội có chuyển biến rõ rệt, hệ thống chính sách xã hội đã cơ bản đảm bảo công bằng, toàn diện, bao trùm, tiệm cận các tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo cơ bản quyền an sinh của người dân, góp phần phát triển kinh tế, ổn định chính trị và trật tự xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Những kết quả nêu trên là bằng chứng xác đáng khẳng định tính nhân văn, ưu việt của chế độ ta. Tuy nhiên, các thế lực thù địch vẫn ra sức bóp méo, phủ nhận thành quả bảo đảm an sinh xã hội của Việt Nam. Để đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch cần nhận diện rõ âm mưu, thủ đoạn chống phá, đồng thời đưa ra những căn cứ xác đáng, thuyết phục.

Thứ nhất, trong thời điểm dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trên thế giới

và ở Việt Nam, các thế lực thù địch triệt để lợi dụng những khó khăn, bất cập, những đau thương, mất mát mà Việt Nam phải gánh chịu để lu loa, xuyên tạc vấn đề đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động ở Việt Nam.

Có thể thấy rằng, đại dịch Covid-19 đã tác động, ảnh hưởng lớn đến sản xuất, kinh doanh và đời sống Nhân dân, với mục tiêu “không để ai bị bỏ lại phía sau”, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều nghị quyết với các gói hỗ trợ lên đến hàng chục nghìn tỷ đồng để giúp đỡ những người lao động nói riêng và nhân dân nói chung bị ảnh hưởng bởi đại dịch, chẳng hạn như: Ngày 01/7/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; ngày 07/7/2021, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 23/2021-TTg quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 nhằm góp phần phục hồi sản xuất, kinh doanh, giảm thiểu những tác động tiêu cực của đại dịch, ổn định sản xuất, kinh doanh, đảm bảo đời sống và an toàn cho người lao động. Nội dung hỗ trợ gồm 12 chính sách sau: Chính sách giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chính sách tạm dừng đóng vào Quỹ hưu trí và tử tuất; chính sách hỗ trợ đào tạo duy trì việc làm cho người lao động; chính sách hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương; chính sách hỗ trợ người lao động ngừng việc; chính sách hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động; chính sách hỗ trợ bổ sung và trẻ em; cổ trợ tiền ăn mức 80.000 đồng/người/ngày đối với người phải điều trị nhiễm Covid-19 (F0); hỗ trợ một lần

3.710.000 đồng/người đối với đạo diễn nghệ thuật, diễn viên, họa sĩ giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV; chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh; chính sách cho vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất; chính sách đối với lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác mức hỗ trợ không thấp hơn 1.500.000 đồng/người/lần hoặc 50.000 đồng/người/ngày căn cứ theo thực tế số ngày tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của địa phương. Theo báo cáo từ Bộ LĐ-TB&XH, tổng kinh phí thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP và Nghị quyết số 116/NQ-CP cả nước lên đến 74.102 tỷ đồng hỗ trợ 43,77 triệu lượt người dân, người lao động và gần 742 nghìn doanh nghiệp, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. Qua đó, góp phần ổn định đời sống người lao động và nhân dân, thực hiện “mục tiêu kép” của Chính phủ, làm tốt các chính sách “an sinh để an dân”, thể hiện tính ưu việt của chế độ chính trị Việt Nam, phản bác mọi luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch về nội dung này.

Thứ hai, mỗi dịp tết đến, xuân về, các thế lực thù địch, phản động rêu rao trên mạng xã hội, kích động rằng người lao động ở các khu công nghiệp trong nước rất khó khăn, rằng bức tranh kinh tế của đất nước vô cùng ảm đạm, rằng nhiều công nhân không có tết, không có điều kiện về gia đình đón tết,...

Có thể khẳng định, mỗi dịp tết đến, xuân về, Đảng, Chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội luôn quan tâm chăm lo đến mọi người dân, mọi người lao động, đặc biệt hết sức quan tâm đến nhóm người yếu thế để “không ai bị bỏ lại phía sau”. Đó là quan điểm, chủ trương, chính sách nhất quán của Đảng, Nhà nước ta, thể hiện

tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong dịp các Tết Nguyên đán, nhiều nguồn lực đã được huy động để mọi người dân được đón tết ấm no, sum vầy. Chỉ tính riêng Tết năm 2023, cả nước đã dành khoảng 9.500 tỷ đồng hỗ trợ trên 25 triệu lượt đối tượng chính sách, lao động khó khăn; các tổ chức công đoàn hỗ trợ trên 4.500 tỷ đồng bằng nhiều hình thức cho 6,5 triệu lượt công đoàn viên, người lao động. Chính quyền, cấp ủy, các đoàn thể chính trị - xã hội ở mỗi địa phương đều chủ động sớm rà soát và hỗ trợ bằng nhiều hình thức cho các hộ nghèo, người lao động có hoàn cảnh khó khăn với tinh thần làm sao để người có hoàn cảnh khó khăn, các hộ nghèo, đồng bào các địa phương chịu thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, người lao động, nhất là người bị mất việc làm một cái tết yên vui, đầm ấm. Thực tế này được các tầng lớp nhân dân, người lao động và toàn xã hội chứng kiến, là bằng chứng xác đáng đập tan mọi luận điệu xuyên tạc, bóp méo, bôi nhọ của các thế lực thù địch, phản động, các phần tử cực đoan, bất mãn.

Thứ ba, các thế lực thù địch, phản động ra sức xuyên tạc chính sách rêu rao, xuyên tạc rằng “tri ân những người có công với cách mạng và đất nước chỉ là hình thức để tuyên truyền”; vu khống Đảng, Nhà nước ta “lãng quên, không quan tâm đến thương binh, bệnh binh, người có công với cách mạng”. Bất chấp đạo lý, trên nhiều trang mạng xã hội, diễn đàn, các thế lực thù địch, phần tử bất mãn luôn tìm mọi âm mưu, thủ đoạn để xuyên tạc, chống phá, hạ thấp sự hy sinh của các anh hùng liệt sĩ, thương binh trong quá trình giải phóng dân tộc. Chúng phủ nhận và xuyên tạc chính sách nhân văn và sự quan tâm của Đảng, Nhà nước khi cho rằng thương binh, bệnh binh,

gia đình liệt sĩ chưa được đãi ngộ xứng đáng. Bên cạnh đó chúng lợi dụng một số sai phạm trong thực hiện chính sách xã hội của chúng ta, từ đó thổi phồng lên cho rằng đó là bản chất của chế độ.

Có thể thấy rằng, thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều quyết sách quan trọng, chú trọng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người có công; xác định đó là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài của toàn hệ thống chính trị. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định quan điểm nhất quán và quyết tâm chính trị: “Hoàn thiện và thực hiện tốt luật pháp, chính sách đối với người có công trên cơ sở nguồn lực của Nhà nước và xã hội, bảo đảm người có công và gia đình có mức sống từ trung bình khá trở lên trong địa bàn cư trú”, đồng thời, “bảo đảm chế độ ưu đãi người và gia đình người có công phù hợp với xu hướng tăng trưởng kinh tế, tiến bộ và công bằng xã hội”. Cụ thể hóa quyết tâm chính trị của Đại hội XIII, Hội nghị Trung ương 8 (khóa XIII) đã ban hành Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 về “Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới”. Trong đó, mục tiêu tổng quát đến năm 2030 là xây dựng hệ thống chính sách xã hội theo hướng bền vững, tiến bộ và công bằng, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, góp phần cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; hoàn thiện chính sách an sinh xã hội đa dạng, đa tầng, toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững; “Bảo đảm 100% người có công và gia đình người có công với cách mạng được chăm lo toàn diện cả vật chất và tinh thần, có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú”.

Thực hiện các nghị quyết của Đảng, chính sách ưu đãi người có công ở nước ta đã có sự đồng bộ, nhất quán từ quan điểm, chủ trương của Đảng cho đến hệ thống luật pháp, chính sách của Nhà nước. Tính đến nay, cả nước đã xác nhận được trên 9,2 triệu người có công, trong đó, có trên 1,2 triệu liệt sĩ, gần 140.000 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, trên 800.000 thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, gần 185.000 bệnh binh, trên 320.000 người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. Hiện nay, cả nước có trên 1,2 triệu người có công được hưởng trợ cấp hằng tháng và hơn 280.000 thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp tiền tuất hằng tháng. Theo đó, ngân sách nhà nước chi ưu đãi người có công đều tăng qua các năm. Tổng kinh phí giai đoạn 2012-2022 là khoảng 357.373 tỷ đồng. Công tác xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tham gia vào các hoạt động đền ơn đáp nghĩa được đẩy mạnh, nhờ đó tổng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa giai đoạn 2012-2021 cả nước đã huy động được gần 7.370 tỷ đồng, trong đó quỹ Trung ương đạt gần 45 tỷ đồng, quỹ địa phương hơn 7.320 tỷ đồng.

Những năm gần đây, các chương trình: Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”, “Nhà tình nghĩa”, “Vườn cây tình nghĩa”, “Sổ tiết kiệm tình nghĩa”; chăm sóc bố, mẹ liệt sĩ già yếu cô đơn, con liệt sĩ mồ côi; phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng... đã ngày càng lan tỏa sâu rộng, góp phần ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần đối với thương, bệnh binh, thân nhân liệt sĩ và người có công. Phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” đã tiếp nhận sự ủng hộ gần 5.600 tỉ đồng, xây mới gần 39.000 căn nhà, sửa chữa hơn

24.650 căn nhà với tổng số tiền hơn 2.265 tỉ đồng. Bên cạnh đó, thực hiện Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg, ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ, đến nay, đã hỗ trợ 393.707 hộ gia đình người có công khó khăn về nhà ở với tổng kinh phí 10.654 tỉ đồng, tặng 61.654 sổ tiết kiệm tình nghĩa trị giá gần 104 tỉ đồng. Đồng thời, đã xóa nghèo được trên 16.000 hộ người có công. Những việc làm trách nhiệm và nghĩa tình đó đã thực sự trở thành phong trào quần chúng sâu rộng, góp phần quan trọng củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, nâng cao tinh thần yêu nước, khơi dậy và bồi đắp những giá trị nhân văn sâu sắc của dân tộc, là bằng chứng xác đáng đập tan mọi luận điệu của các thế lực thù địch, phản tử bất mãn luôn tìm mọi âm mưu, thủ đoạn để xuyên tạc, chống phá, hạ thấp sự hy sinh của các anh hùng liệt sĩ, thương binh và chính sách Người có công mà Đảng và Nhà nước ta thực hiện từ trước đến nay.

Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định, cần tiếp tục: “thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của nhân dân”. An sinh xã hội là vấn đề trung tâm trong chiến lược phát triển đất nước. Chăm lo, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân là mục tiêu cao nhất của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Mục tiêu đó đập tan mọi luận điệu của các phần tử cơ hội, các thế lực thù địch, phản động xuyên tạc các chính sách an sinh xã hội để chống phá Đảng, Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa./.

ĐẤU TRANH PHÊ PHÁN CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH VỀ TỰ DO TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM



ThS. NGUYỄN ANH TÂN

Khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt: Những năm gần đây, bằng những thủ đoạn xảo trá, tinh vi, các thế lực thù địch thường xuyên rêu rao, tuyên truyền luận điệu xuyên tạc “Việt Nam không có tự do tôn giáo” hòng phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chống phá Đảng, Nhà nước ta. Một trong những chiêu bài thường được các thế lực thù địch, phản động sử dụng là đăng tải, công bố các thông tin phiến diện, lệch lạc, thù địch, xuyên tạc về tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam. Đấu tranh trên lĩnh vực này là nhiệm vụ thường xuyên, có ý nghĩa quan trọng, góp phần giúp cộng đồng trong nước và quốc tế nắm rõ, nhận thức đúng đắn về tình hình tự do tôn giáo và pháp luật về tôn giáo ở Việt Nam. Vì vậy, việc làm rõ cơ sở khoa học, pháp lý và thực tiễn để phản bác, bẻ gãy những luận điệu xuyên tạc, sai trái, thù địch về tôn giáo là rất cần thiết.

Trong những năm qua, các báo cáo nhân quyền, tôn giáo quốc tế của một số nước phương Tây thường xuyên có nội dung xuyên tạc, vu cáo “chính quyền Việt Nam giới hạn tự do tôn giáo”. Các thế lực thù địch, đối tượng chống đối cả trong và ngoài nước, nhất là phần tử cực đoan trong một số tôn giáo, sử dụng nhiều phương tiện, cách thức, thủ đoạn, như: sử dụng internet, lợi dụng hội nghị, hội thảo, diễn đàn quốc tế, lồng ghép trong các sinh hoạt tôn giáo... để một mặt ra sức tán dương “tự do tôn giáo” ở các nước phương Tây, mặt khác lại trắng trợn vu cáo Việt Nam “vi phạm tự do tôn giáo, dân chủ, nhân quyền”, đòi “hoạt động tôn giáo không cần sự quản lý của Nhà nước”...

Trong Báo cáo thường niên mới nhất của Ủy ban Tự do tôn giáo quốc tế vẫn cho rằng tình trạng vi phạm tự do đức tin và thực hành tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam chưa được cải thiện, rằng việc thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo là trái với các tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế và vi phạm có hệ thống tự do tôn

giáo⁽¹⁾. Báo cáo thường niên của Ủy ban Tự do tôn giáo quốc tế năm 2021, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ trong Báo cáo tự do tôn giáo quốc tế năm 2021 nhận định, luật pháp Việt Nam quy định sự kiểm soát đáng kể của Chính phủ đối với các hoạt động tôn giáo, trong đó bao gồm nhiều điều khoản “mơ hồ” để hạn chế quyền tự do tôn giáo vì lợi ích của an ninh quốc gia và đoàn kết xã hội. Nhiều tổ chức ở Hoa Kỳ liên tục chỉ trích Việt Nam trong vấn đề pháp nhân tôn giáo. Họ cho rằng, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo duy trì một quy trình đăng ký và công nhận với nhiều giai đoạn áp dụng cho các nhóm tôn giáo⁽²⁾, đặc biệt là với các nhóm tôn giáo ở vùng sâu, vùng xa, vùng các dân tộc thiểu số và nhóm tôn giáo mới.

Mặc dù Báo cáo Tự do tôn giáo quốc tế năm 2021 cũng ghi nhận một số cải thiện về tự do tôn giáo ở Việt Nam, song nhìn chung, vẫn cáo buộc Việt Nam hạn chế quyền tự do tôn giáo, cho rằng chính quyền đóng cửa khu vực màu xám (tức các nhóm tôn giáo chưa đăng ký hoạt động) và cáo buộc Việt

Nam hình sự hóa hoạt động tôn giáo. Những luận điệu trên hoàn toàn xa lạ với thực tiễn đời sống tôn giáo đa dạng, phong phú, tự do tôn giáo được tôn trọng và bảo vệ tại Việt Nam. Chúng ta có đầy đủ cơ sở khoa học, pháp lý, thực tiễn để phản bác các luận điệu xuyên tạc này.

Thực tiễn cho thấy, Đảng và Nhà nước ta luôn tạo điều kiện và cam kết thực hiện tự do tôn giáo, tín ngưỡng tại Việt Nam, theo đúng chủ trương của Đảng và Pháp luật Việt Nam. Nhà nước ta ban hành rất nhiều văn bản nhằm thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về tôn giáo, đặc biệt Việt Nam đã công bố Sách trắng “Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam”, minh bạch hóa quan điểm, chủ trương, chính sách của Nhà nước Việt Nam và thành tựu bảo đảm quyền tự do tôn giáo ở nước ta trong thời gian qua. Cuốn sách, một lần nữa khẳng định, Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo, tín ngưỡng; “không một cá nhân, tổ chức tôn giáo nào hoạt động đúng pháp luật mà bị ngăn cấm” nhưng trong cách nhìn nhận của các tổ chức này, việc Chính phủ Việt Nam ban hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo thực chất là nhằm “quản chế” và “trừng phạt” các hoạt động tôn giáo, khiến cho các hoạt động tôn giáo trở nên khó khăn hơn.

Ngày 14/6/1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành Sắc lệnh 234/SL, về chính sách đối với tôn giáo; ngày 11/11/1977, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 297/NQ-CP, về một số chính sách tôn giáo; ngày 20/3/1991, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ra Nghị định số 69/NĐ-HĐBT, về hoạt động tôn giáo; ngày 19/4/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 26/1999/NĐ-CP, về các hoạt động tôn giáo. Đặc biệt, Nghị quyết 25/NQ-TW, ngày 12/3/2003, của Hội nghị Trung ương 7 khóa IX, về công tác tôn giáo, khẳng định: “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; đồng bào các tôn giáo

là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc”. Trên cơ sở nghị quyết, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI ban hành Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo; Chính phủ ban hành Nghị định số 22/2005/NĐ-CP, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo; Nghị định 92/2012/NĐ-CP, Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo. Tiếp đó, ngày 18/11/2016, Quốc hội khóa XIV ban hành Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo; ngày 30/12/2017, Chính phủ ra Nghị định số 162/2017/NĐ-CP, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo.

Từ những quan điểm, chính sách và hệ thống các văn bản pháp luật trên, có thể khẳng định, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam được Đảng, Nhà nước thừa nhận, tôn trọng và bảo hộ. Quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo là để bảo vệ và bảo đảm cho sự phát triển hợp pháp, phù hợp lợi ích quốc gia - dân tộc của tôn giáo. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo không chỉ được Đảng và Nhà nước Việt Nam khẳng định, được pháp luật thừa nhận và thực thi trong thực tế, mà còn có sự tương thích, phù hợp với quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo luật pháp và thông lệ quốc tế.

Trên thực tế, các tôn giáo có điều kiện phát triển vượt bậc. Nếu năm 2003, cả nước có 15 tổ chức thuộc 6 tôn giáo, 17 triệu tín đồ, với khoảng 20.000 cơ sở thờ tự, 34.000 chức sắc, 78.000 chức việc thì đến năm 2021, Nhà nước đã công nhận 43 tổ chức thuộc 16 tôn giáo khác nhau, với trên 26 triệu tín đồ, 54.000 chức sắc, 135.000 chức việc, 29.000 cơ sở thờ tự⁽³⁾. Cơ sở đào tạo của tôn giáo so với năm 1990 đã tăng gấp 3 lần, lên đến hơn 60 cơ sở, với 17 trường đào tạo trình độ đại học. Trước đây, hoạt động in ấn, xuất bản kinh sách tôn giáo của các tôn giáo hạn chế, thì đến nay, đã có khoảng 4.000 đầu sách được xuất bản với hàng chục triệu bản in; có 15 tờ báo và tạp chí của các tổ chức tôn giáo đang hoạt động, in trên các ngôn ngữ khác nhau,

như tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng dân tộc thiểu số... Năm 2009, Nhà nước cho phép và hỗ trợ Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức Hội nghị Nữ giới Phật giáo thế giới lần thứ XI tại Thành phố Hồ Chí Minh, với hơn 2.000 ni sư từ hơn 47 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới tham dự sự kiện này. Năm 2011, Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) và Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) đồng tổ chức lễ kỷ niệm 100 năm đạo Tin Lành có mặt tại Việt Nam, buổi lễ được tổ chức tại Đà Nẵng thu hút khoảng 20.000 người tham dự. Năm 2012, tại Tòa Giám mục Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, Hội nghị toàn thể Liên Hội đồng Giám mục châu Á lần thứ X khai mạc, với hơn 200 giám mục trên khắp thế giới về dự. Năm 2017, nhân dịp kỷ niệm 500 năm Tin Lành cải cách, tại Hà Nội, diễn ra sự kiện với khoảng hơn 20.000 người tham gia. Tháng 5/2019, Giáo hội Phật giáo tổ chức thành công Đại lễ Phật đản Vesak Liên hợp quốc năm 2019 tại chùa Tam Chúc, tỉnh Hà Nam với sự tham dự của trên 3.000 đại biểu chính thức (trong đó có 570 đoàn quốc tế với 1.650 đại biểu đến từ 112 quốc gia và vùng lãnh thổ)...

Trước năm 1990, cả nước có 6 cơ sở đào tạo tôn giáo (Phật giáo: 2, Công giáo: 4). Đến năm 2021, cả nước có 63 cơ sở đào tạo người hoạt động tôn giáo chuyên nghiệp (Phật giáo: 46; Công giáo: 11; Tin lành: 3; Cao Đài: 2; Phật giáo Hòa Hảo: 1), mỗi năm có hàng nghìn người tốt nghiệp. Năm 2021, cả nước có 8.884 người tốt nghiệp ra trường, 13.350 người đang theo học. Ngoài ra, còn có hàng trăm người đang du học tại nước ngoài. Nhờ vậy, số chức sắc, nhà tu hành tăng rất nhanh (từ 31.548 người năm 1995, lên 54.125 người năm 2021). Ngoài ra còn có đội ngũ nhà tu hành đồng đạo (riêng Phật giáo hiện có 54.000 tăng, ni; Công giáo có 6.000 giáo sĩ, 31.000 tu sĩ). Cả nước hiện có trên 108.770 chức sắc, nhà tu hành⁽⁴⁾, cơ bản đáp ứng được nhu cầu hướng dẫn việc đạo cho tín đồ.

Công tác xây dựng cơ sở thờ tự được các tôn giáo quan tâm, đẩy mạnh. Từ năm 1990

đến nay, cơ sở thờ tự được xây dựng, sửa chữa khá mạnh mẽ ở khắp nơi trong cả nước nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của giáo dân. Năm 2000, cả nước có 18.474 cơ sở thờ tự của các tôn giáo, đến năm 2021 tăng lên 30.047 cơ sở⁽⁵⁾, tăng 11.573 cơ sở trong 20 năm, bình quân mỗi năm có thêm 579 cơ sở thờ tự. Hầu hết các cơ sở thờ tự được xây dựng, sửa chữa khang trang to lớn, có công trình lên hàng chục, thậm chí hàng trăm tỷ đồng. Chính quyền địa phương quan tâm giải quyết, cấp đất cho các tổ chức tôn giáo xây dựng cơ sở tôn giáo⁽⁶⁾. Các tôn giáo còn đẩy mạnh việc in ấn, xuất bản, dịch thuật một khối lượng lớn kinh sách, đồ dùng việc đạo. Trong 5 năm (2000 - 2004), Nhà xuất bản Tôn giáo đã in ấn, xuất bản được 719 ấn phẩm tôn giáo với số lượng 4,2 triệu bản, trong đó có nhiều kinh sách được dịch ra tiếng dân tộc thiểu số, như Ba-na, Ê-đê, Gia-rai. Đó là chưa kể một số lượng rất lớn kinh sách in ấn thông qua xuất bản khác hoặc được in ấn ở các cơ sở khác⁽⁷⁾. Bên cạnh kinh, sách, báo chí in ấn, mảng kinh, sách, tài liệu, báo chí điện tử rất đa dạng, phong phú với số lượng không hạn chế cấp không cho tín đồ và những người quan tâm qua các phương tiện truyền thông xã hội. Nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, tìm hiểu về tôn giáo, năm 2022, Bộ Công an cung cấp 17 đầu sách (9 đầu kinh sách, 8 đầu sách tìm hiểu về tôn giáo) với 4.418 cuốn cho 54 trại giam, tạm giam trong cả nước.

Quan hệ Việt Nam - Vatican có bước tiến triển tích cực. Tháng 7/2023, lãnh đạo hai nước đã thống nhất nâng cấp quan hệ lên Đại diện thường trú của Toà thánh Vatican tại Việt Nam, thông qua Thoả thuận Quy chế hoạt động của Đại diện thường trú và Văn phòng đại diện thường trú Toà thánh tại Việt Nam. Sau khi hai bên công bố thỏa thuận nâng cấp quan hệ, Giáo hoàng Francis đã có thư gửi cộng đồng Công giáo Việt Nam thông báo về việc nâng cấp quan hệ Việt Nam - Vatican; ghi nhận những đóng góp của chức sắc, giáo dân và Giáo hội Công giáo Việt Nam để phục

vụ dân tộc và sự phát triển của xã hội; đồng thời, nhắc nhở chức sắc và giáo dân Công giáo Việt Nam thực hiện lời giáo huấn của Giáo hoàng Benedict XVI đối với các Giám mục Việt Nam (năm 2009) “người giáo dân tốt đồng thời là người công dân tốt”; bày tỏ quan điểm cho rằng mối quan hệ giữa Việt Nam và Toà Thánh “tiến tới và sẽ còn tiến nữa, nhờ nhìn nhận những điểm tương đồng và tôn trọng những khác biệt”, qua đó “có thể cùng nhau đi tìm con đường tốt nhất để phục vụ thiện ích của dân tộc Việt Nam và Hội Thánh”.

Những con số trên là minh chứng sinh động cho thấy tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam được pháp luật bảo hộ và luôn được bảo đảm, thực thi trong thực tiễn, các tôn giáo có điều kiện hoạt động thuận lợi và ngày càng phát triển. Sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo diễn ra sôi động ở khắp các vùng, miền, các cộng đồng dân cư, các tầng lớp xã hội, nhất là vào dịp đầu năm, lễ hội truyền thống. Các tôn giáo chung sống hài hòa, đoàn kết, gắn bó đồng hành với dân tộc. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo tích cực tham gia các phong trào xã hội, từ thiện xóa đói, giảm nghèo, đóng góp thiết thực vào sự phát triển đất nước. Cộng đồng tôn giáo ở nước ta không ngừng được củng cố, phát triển trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, ngày càng khẳng định vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Điều ấy càng khẳng định sự đúng đắn trong chính sách, pháp luật về tự do tôn giáo của Việt Nam và sự phù hợp với luật pháp, thông lệ quốc tế, hoàn toàn không thể dựa vào một số hiện tượng nhỏ lẻ để rêu rao rằng, luật pháp Việt Nam “đi ngược với tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế và vi phạm một cách có hệ thống tự do tín ngưỡng”.

Thời gian tới, cơ quan chức năng, nòng cốt là cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở các cấp cần tích cực, chủ động hơn trong công tác thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn để các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở trong và

ngoài nước hiểu, thực hiện đúng chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta; kịp thời phát hiện, đấu tranh, vạch trần âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng chiêu bài “tự do tôn giáo”, “dân chủ”, “nhân quyền”... để chống phá Đảng, Nhà nước Việt Nam, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, qua đó, góp phần định hướng dư luận tích cực và loại bỏ những cách nhìn thiếu khách quan về tình hình tôn giáo ở Việt Nam. Đồng thời, để công tác đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ta trên lĩnh vực tôn giáo, dân tộc có hiệu quả, góp phần làm cho xã hội và cộng đồng quốc tế hiểu rõ hơn luật pháp về tự do tôn giáo và tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam, chúng ta cần chú trọng đến các giải pháp sau:

Thứ nhất: Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác tôn giáo. Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị về công tác tôn giáo. Đa dạng hóa công tác truyền thông, kịp thời và nâng cao chất lượng của công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch nhằm bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trên phương diện tín ngưỡng, tôn giáo. Đi đôi với đấu tranh phản bác các luận điểm sai trái, thù địch cần phải tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển lý luận của Đảng về tôn giáo ngày càng sâu sắc hơn, đáp ứng với yêu cầu của cách mạng trong tình hình mới.

Thứ hai: Quán triệt sâu sắc, đầy đủ những quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước ta về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp khi giải quyết vấn đề tôn giáo cần dựa trên cơ sở Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước ta về tín ngưỡng, tôn giáo. Thường xuyên tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên, Nhân dân, nhất là trong chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn

giáo những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; phát huy vai trò, trách nhiệm của từng thành tố trong hệ thống chính trị cơ sở, đặc biệt là người đứng đầu cơ sở tôn giáo trong hướng dẫn, tổ chức cho các tín đồ, phật tử làm tốt “việc đời, việc đạo”, đồng hành cùng với dân tộc, tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội của địa phương, đẩy mạnh thực hiện các phong trào thi đua yêu nước trong đồng bào các tôn giáo để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vững mạnh.

Thứ ba: Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về tự do tín ngưỡng, tôn giáo cho phù hợp với tình hình thực tế nước ta và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó có đồng bào theo tôn giáo. Quan tâm củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở vùng đồng bào theo tôn giáo; tăng cường công tác bồi dưỡng phát triển đảng viên là người theo đạo; tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của lực lượng cốt cán, chức sắc, chức việc, người có uy tín trong các tôn giáo.

Thứ tư: Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; nắm chắc tâm tư, nguyện vọng của đồng bào theo đạo; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đồng bào giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động tại địa phương; tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho chức sắc, tín đồ tôn giáo và quần chúng nhân dân về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tôn giáo nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội. Tăng cường vận động, đoàn kết đồng bào có tôn giáo phát huy các giá trị đạo đức tốt đẹp của tôn giáo và các nguồn lực tôn giáo

đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Thứ năm: Tiếp tục củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo công tác tôn giáo các cấp và tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác tôn giáo từ tỉnh đến cơ sở. Trong đó tập trung quy hoạch, bố trí sử dụng những cán bộ có phẩm chất, năng lực và trình độ làm công tác tôn giáo. Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, cung cấp thông tin cho đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo.

Thứ sáu: Xử lý nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật đối với tập thể, cá nhân có đạo hay không có đạo lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền, kích động chống phá cách mạng Việt Nam. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các địa phương có cơ sở thờ tự, tín đồ tôn giáo; không để những mâu thuẫn, tranh chấp nhỏ dẫn đến những vụ việc phức tạp, để các thế lực thù địch lợi dụng lôi kéo đồng bào tôn giáo biểu tình, có hành vi chống đối, cản trở quá trình thực thi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương; gây khó khăn cho doanh nghiệp hoạt động và phát triển./.

Chú thích:

1. (United States Commission on International Religious freedom: 2021 annual report, <https://www.uscirf.gov>.)

2. (United States Department of State: 2021 Report on International Religious Freedom, <https://www.state.gov>.)

(3) Hiến pháp năm 2013, <https://thuvienphapluat.vn>.

(4) Ban Tôn giáo Chính phủ, Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2022. tr. 90-91

(5) Ban Tôn giáo Chính phủ: Tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền chính sách pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và công tác tín ngưỡng, tôn giáo, Sdd.

(6), (7) Nguyễn Thanh Xuân: Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2020, tr. 436 - 438.

TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG, THỰC HIỆN CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG



TS. HỒ THANH

Phó Trưởng Phòng QLĐT và NCKH

Tóm tắt: Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, người chiến sĩ cộng sản mẫu mực, tấm gương sáng về đạo đức, nhà lý luận xuất sắc, nhà chính trị bản lĩnh, trí tuệ suốt đời cống hiến cho lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của Nhân dân. Đồng chí đã dành trọn tâm huyết và trí tuệ đúc kết tinh hoa chuẩn mực đạo đức dân tộc và đạo đức của thời đại để xây dựng, thực hành các luận điểm về đạo đức cách mạng trong thời đại mới, góp phần đặc biệt quan trọng trong công tác xây dựng Đảng về đạo đức, cán bộ.

G iáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Phú Trọng Nhà báo, nhà khoa học chính trị, phụ trách công tác lý luận của Đảng trong nhiều năm, đã góp công lớn trong lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, tổng kết, phát triển nhận thức của Đảng ta về đường lối đổi mới, về mô hình chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Đồng chí đã trực tiếp nghiên cứu, công bố nhiều bài viết sâu sắc trên cả phương diện lý luận và thực tiễn về đạo đức cách mạng như: Tác phẩm *Xây dựng chính đốn Đảng - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn* tập trung đúc kết những bài học quan trọng, sâu sắc về công tác xây dựng Đảng về đạo đức; các bài viết khái quát vấn đề về đạo đức, lối sống, ứng xử trong thi hành công vụ: *Nói và làm, Chức vụ và uy tín, Thành tích, Cửa công và của riêng, Móc ngoặc, Cảnh giác,*

“Liên quan”, Thành kiến, Dân chủ và kỷ luật, “Thương anh em để trong lòng”, Cơ chế nói ngược, Tình đồng chí, Cách nhìn, “Phán”, “Tre già yêu lấy măng non”, Làm xiếc, Cái riêng và cái chung, Bí mật của đồng tiền, Xài sang. Vị trí, vai trò tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” được đồng chí nhấn mạnh trong bài: *“Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”*, tiếp tục khẳng định giá trị xuyên suốt của đạo đức cách mạng và yêu cầu thực hành đạo đức cách mạng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Là người lãnh đạo cao nhất của Đảng, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng ký ban hành nhiều văn kiện, nghị quyết về

công tác xây dựng Đảng: Nghị quyết trung ương 4 khóa XI nêu rõ những vấn đề cấp bách trong công tác xây dựng Đảng, đáng chú ý là “một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên... suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc...”; Nghị quyết trung ương 4 khóa XII chỉ ra hạn chế: “...Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước...”; Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định: “Trong những năm tới phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa xây dựng chính đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ”. Xây dựng Đảng về đạo đức là “nền tảng”, “cái gốc”, thực hành không ngừng, không nghỉ làm cho Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền. Giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức cách mạng là khâu then chốt, xứng đáng với mong mỏi của toàn dân, yêu cầu của xây dựng, chính đốn Đảng và hoàn thiện hệ thống chính trị, thực sự tiêu biểu cho “trí tuệ, danh dự và lương tâm của thời đại”, phải “nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các giá trị đạo đức cách mạng theo tinh thần Đảng ta là đạo đức, là văn minh cho phù hợp với điều kiện mới và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc”; Kết luận 21-KL/TW, Khóa XIII cũng chỉ rõ: “Một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý... chưa nêu cao tinh thần

trách nhiệm, thiếu gương mẫu, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, sa vào chủ nghĩa cá nhân, nói chưa đi đôi với làm, vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật... việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên chưa hiệu quả...”. Trước khi “về với thế giới người hiền”, Tổng Bí thư đã ký Quy định số 144-QĐ/TW của Bộ Chính trị “Về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới” làm cơ sở chính trị, pháp lý để toàn Đảng, cán bộ, đảng viên tu dưỡng, tự soi, tự sửa, rèn luyện, thực hành đạo đức cách mạng.

Trong lãnh đạo, chỉ đạo, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng luôn tuân thủ nguyên tắc hoạt động của Đảng, chuẩn mực đạo đức cán bộ, đảng viên, với tinh thần “không ngừng, không dừng, không nghỉ”, “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”, “...dứt khoát không đưa vào cơ quan lãnh đạo những người không xứng đáng, không đủ tiêu chuẩn, nhất là những người đã phạm sai lầm hoặc sa sút về phẩm chất, đạo đức...”. Khi xử lý công việc đồng chí thể hiện tinh thần nhân văn, nhân đạo, vị tha, vì con người, vì lợi ích chung: “Không thích thú gì khi kỷ luật đồng chí, đồng đội của mình, thậm chí rất đau xót, nhưng buộc phải làm”, “Ai không dám làm thì đứng sang một bên cho người khác làm”. Trong cư xử, giao tiếp Tổng Bí thư sử dụng phong cách ngôn ngữ thắm tình dân tộc, đậm chất văn chương, vận dụng nhuần nhuyễn lời lẽ từ đời sống, đặc biệt là ca dao, tục ngữ, thành ngữ, để diễn đạt những vấn đề hệ trọng. Nhiều bài viết, bài phát biểu sâu sắc, gần gũi, có sức lay động, truyền cảm hứng cho mọi người, củng cố niềm tin của Dân với Đảng và Nhà nước. Nói về sự đoàn kết, thống nhất, nỗ lực phấn đấu, chung sức, đồng lòng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, Tổng Bí thư thường dùng những từ

như: “Tiền hô hậu ủng”, “Nhất hô bá ứng”, “Trên dưới đồng lòng”, “Đọc ngang thông suốt”. Bên cạnh đó, Tổng Bí thư còn lấy Kiều, dùng hình ảnh về lao động, thôn quê để ví von, minh họa như: “Nhìn gà hóa cuốc;” “thấy đồ tướng là chín”, “chưa chín làm cho chín”, “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”, “quyền anh, quyền tôi”, “cua cày cày, cá cày vầy”, “Ngoại giao cây tre”, “chặt một cành sâu để cứu cả cái cây”, “Cái lò đã nóng lên rồi thì củi tươi vào đây cũng phải cháy”...

Học tập, rèn luyện, tu dưỡng những chuẩn mực đạo đức cách mạng trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và giá trị lý luận, thực tiễn mà Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, trong giai đoạn hiện nay cần quan tâm những nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất: Nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí, yêu cầu việc thực hành đạo đức đối với cán bộ, đảng viên; cập nhật, bổ sung, hoàn thiện, cụ thể hóa và thực hành các văn kiện của Đảng, pháp luật về đạo đức cán bộ, đảng viên; thấm nhuần sâu sắc quan điểm của Tổng Bí thư: “Đời người chỉ sống có một lần, phải sống sao cho có ý nghĩa, để không phải xót xa ân hận vì những việc làm ti tiện, đốn hèn, vô liêm sỉ; tiền bạc làm làm gì, chết có mang theo được đâu. Danh dự mới là điều thiêng liêng, cao quý nhất!”. Tích cực, chủ động xây dựng, cụ thể hóa chuẩn mực đạo đức cách mạng cho các ngành, các cấp, lĩnh vực, các giới... để có hành vi ứng xử phù hợp và tích cực.

Thứ hai: Thường xuyên đánh giá, tổng kết thực tiễn, chỉ ra khó khăn, bất cập, nguyên nhân của sự xuống cấp về đạo đức; cần nhận thức rõ “sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống thì mới dẫn đến tham nhũng, đây mới là cái gốc, cái cơ bản cần phải chống”. Lựa chọn cán bộ phải là

những hạt nhân ưu tú, những người “phải vừa có Đức vừa có Tài, trong đó Đức là gốc (chữ Tâm kia bằng ba chữ Tài)”; từng bước hoàn thiện thể chế để “nhốt quyền lực trong lồng cơ chế”, đồng thời nghiêm túc trong xử lý những cán bộ, đảng viên vi phạm với quan điểm “xử một vài người để cứu muôn người”.

Thứ ba: Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên “thực sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, ngang tầm nhiệm vụ, tuyệt đối trung thành với lý tưởng của Đảng, với sự nghiệp cách mạng, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân”. Tăng cường giáo dục giá trị tốt đẹp của chuẩn mực đạo đức truyền thống và văn minh nhân loại, “khắc phục tình trạng ngại học, lười học lý luận chính trị, học để đối phó, học cốt để lấy bằng cấp trong Đảng và xã hội”.

Thứ tư: Phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong công việc, trong cuộc sống. Nghiêm túc tự soi, tự sửa, tự phê bình và phê bình; giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tự giác nhận trách nhiệm chính trị lĩnh vực mình phụ trách khắc phục tình trạng “chân mình còn lấm bết. Lại cầm bó đuốc đi rê chân người”. Thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện lối sống, thực hành sống trọng tình nghĩa, khiêm tốn, giản dị, đoàn kết, nói đi đôi với làm và cầu thị trong học tập, lao động...

Thứ năm: Phát huy tối đa vai trò, chức năng của các cơ quan kiểm tra Đảng, Nội chính trong kiểm tra, bảo vệ chính trị nội bộ ngăn chặn từ sớm, từ xa những quan điểm, biểu hiện sai trái, lệch chuẩn về đạo đức, lối sống. Đấu tranh có hiệu quả với các biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của cán bộ, đảng viên. Phát

huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và sự tham gia đánh giá, kiến nghị, phản ánh của Nhân dân để tập trung phát hiện, đề xuất giải pháp thực hiện đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên./.

Chú thích:

1 Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQG, tr.190, HN, 2021.

2 Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQG, T1. tr.184, HN, 2021;

3 Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng phát biểu tại phiên họp đầu tiên Tiểu ban Nhân sự Đại hội XIV, ngày 13.3.2024.

4 Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng phát biểu tại hội nghị tiếp xúc cử tri ngày 23.6.2022 tại Hà Nội.

5 Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng phát biểu tại Hội nghị toàn quốc các cơ quan nội chính triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng vào ngày 15.9.2021.

6 Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng phát biểu tại cuộc họp của Bộ Chính trị cho ý kiến về Đề án “Sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng”, ngày 10.9.2021.

7 Bài viết đăng trên báo *Nhân dân*, số ra ngày 27/4/2020, tr. 1, 3

8 Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tại Lễ kỷ niệm 70 năm truyền thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (1949 - 2019)

9 *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. II, tr. 236.

BẢO VỆ NỀN TẢNG ...

(Tiếp theo trang 11)

đồng thời không ngừng bổ sung, phát triển sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; không ngừng nâng cao trình độ lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên; thường xuyên đấu tranh, ngăn chặn âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Tập trung xây dựng Đảng về đạo đức, tích cực đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ gắn với đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phát huy thật tốt trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên theo phương châm chức vụ càng cao càng phải gương mẫu.

Năm là, huy động và phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của các cơ quan, đơn vị trên mặt trận tư tưởng - lý luận tiến hành phản bác kịp thời, có hiệu quả các quan điểm sai trái, phủ nhận đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; vạch trần thủ đoạn thổi phồng những sơ hở, yếu kém trong công tác xây dựng Đảng, trong quản lý kinh tế - xã hội nhằm kích động tâm lý bất mãn, chống đối, chia rẽ nội bộ, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống; phòng chống tham nhũng, tiêu cực. Xây dựng “thế trận lòng dân”, “thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân trên không gian mạng” để huy động khối đại đoàn kết toàn dân tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác thông tin xấu độc./.

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ VÀ GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ TRONG CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN



ThS. CHU THỊ THU HUỖN

Phó trưởng khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Phụ nữ có vai trò quan trọng trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Giải phóng phụ nữ là tư tưởng nhất quán, xuyên suốt quá trình cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, nhất là trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Đảng ta đã có nhiều Nghị quyết về công tác vận động phụ nữ, xem giải phóng phụ nữ là một bộ phận của cách mạng Việt Nam. Dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng, các tầng lớp phụ nữ nước ta đã góp phần to lớn vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, hăng hái, dũng cảm cùng cả nước chiến đấu chống giặc ngoại xâm, đánh thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, giành độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc.

Với thắng lợi của Cách mạng tháng tám, trải qua 15 năm đấu tranh anh dũng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh tụ Hồ Chí Minh, đất nước ta đã trở thành một đất nước độc lập, tự do, Nhân dân ta từ thân phận người nô lệ trở thành người chủ nước nhà. Cuộc sống của người phụ nữ cũng đã có những thay đổi căn bản. Họ bắt đầu được giải phóng khỏi các hủ tục ràng buộc hàng ngàn năm của chế độ phong kiến để được góp sức mình vào công cuộc bảo vệ và xây dựng chế độ mới. Cùng với sự phát triển, trưởng thành của các đoàn thể quần chúng, vai trò của phụ nữ cũng ngày càng khẳng định, nhất là việc được tham gia vào đời sống chính trị xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người thấy rõ vai trò to lớn của phụ nữ Việt Nam trong quá trình dựng nước, giữ nước. Người dẫn lời của Mác: “Ai đã biết lịch sử thì biết rằng muốn sửa sang xã hội mà không có

phụ nữ giúp vào thì chắc chắn không làm nổi. Xem tư tưởng và việc làm của đàn bà con gái thì biết xã hội tiến bộ thế nào”⁽¹⁾. Là dân của một nước thuộc địa, phụ nữ Việt Nam không chỉ phải chịu sự bóc lột đàn áp như những người dân thuộc địa khác mà họ còn bị “xúc phạm tới phong hóa trinh tiết” một cách cực kỳ vô liêm sỉ. Để tìm chân lý của sự “tự do, bình đẳng, bác ái”, Hồ Chí Minh đã lấy cả cuộc đời mình để trải nghiệm. Chính những năm bôn ba tìm đường cứu nước đã giúp Hồ Chí Minh trả lời cho câu hỏi về con đường cách mạng Việt Nam. Người kết luận: Lịch sử đến nay chỉ có cách mạng Tháng Mười là cuộc cách mạng “đến nơi”, nghĩa là đem lại quyền làm chủ xã hội thực sự cho người dân. “Chính nhờ cuộc cách mạng này mà cơ sở của quyền tự do chân chính và quyền bình đẳng thực sự đã được đặt ra cho loài người. Chính nhờ cuộc cách mạng này mà sự giải phóng phụ nữ sẽ có giá trị và có những ý nghĩa đầy đủ, trọn vẹn”⁽²⁾. Vì vậy,

theo Hồ Chí Minh, lịch sử Việt Nam chỉ có một chọn lựa duy nhất là con đường cách mạng vô sản, nhằm giành lại độc lập hoàn toàn cho dân tộc, ấm no, tự do, hạnh phúc thực sự cho nhân dân và giải phóng phụ nữ thoát khỏi cả ách áp bức dân tộc lẫn ách áp bức xã hội. Vì “dưới chế độ thực dân, phong kiến, nhân dân ta bị áp bức, bóc lột thì phụ nữ ta bị áp bức, bóc lột nặng nề hơn”⁽³⁾. “Điều đó chứng tỏ rằng vì quyền lợi của đàn bà con gái An Nam mà chúng ta làm cách mạng”⁽⁴⁾. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Nói đến phụ nữ là nói đến một nửa xã hội”, cũng như vậy, “Phụ nữ Việt Nam chiếm một nửa tổng số nhân dân ta”. Người chỉ rõ: “Phụ nữ là một lực lượng lao động rất quan trọng”. Vì vậy, “Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người”; “Nếu phụ nữ chưa được giải phóng thì xã hội chưa được giải phóng” và như vậy “xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa”⁽⁵⁾.

Quan điểm của Hồ Chí Minh cho thấy, giải phóng thực sự phụ nữ là một trong những mục tiêu lớn của cách mạng Việt Nam, vừa có tính cấp bách trước mắt, vừa có tính chiến lược lâu dài. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, giải phóng phụ nữ luôn gắn với sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Vì vậy, trong văn kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930, Hồ Chí Minh chỉ rõ nhiệm vụ của cách mạng không chỉ giành lại độc lập cho dân tộc, ruộng đất cho nông dân nghèo, các sản nghiệp lớn cho công nhân, các quyền dân chủ tự do cho nhân dân, mà còn nhằm “thực hiện nam nữ bình quyền”. Luận cương chính trị năm 1930 cũng khẳng định mục tiêu đấu tranh cho nam nữ bình quyền; phụ nữ phải tham gia các đoàn thể cách mạng (công hội, nông hội) và thành lập tổ chức riêng cho phụ nữ để lôi cuốn các tầng lớp phụ nữ tham gia.

Giải phóng phụ nữ là tư tưởng nhất quán, xuyên suốt quá trình cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong giai đoạn đầu của cách mạng giải phóng dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phụ nữ đã sớm được giác ngộ, tham gia đấu tranh chống đàn áp, khủng bố, giữ gìn và bảo vệ lực lượng cách mạng của Đảng, khôi phục phong trào. Tháng 10/1930, Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết về “Phụ nữ vận động”. Nghị quyết nêu rõ: Phụ nữ Đông Dương chiếm một phần lớn trong giai cấp vô sản và đóng vai trò quan trọng trong quá trình đấu tranh cách mạng. “Lực lượng cách mạng của phụ nữ là một cái lực lượng rất trọng yếu. Nếu quảng đại quần chúng phụ nữ không tham gia vào những cuộc tranh đấu cách mạng thì cách mạng không thắng lợi được”⁽⁶⁾. Với quan điểm đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo lực lượng phụ nữ tham gia giành chính quyền trong cuộc cách mạng vĩ đại của dân tộc.

Tuy nhiên, vừa mới giành được độc lập, nhân dân Việt Nam đã phải đối mặt với âm mưu quay trở lại của thực dân Pháp. Sau nhiều lần nỗ lực hòa bình không đạt kết quả, Việt Nam đã bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp từ 1945 đến 1954. Chính quyền non trẻ phải một lúc chống chọi với cả “giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm”. Phát huy ưu thế chính trị của các tầng lớp nhân dân để giữ vững và củng cố chính quyền, bảo vệ thành quả cách mạng, Đảng chủ trương: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc”⁽⁷⁾. Trên tinh thần đó, cùng với cả dân tộc, phụ nữ Việt Nam lại chia sẻ nhiệm vụ chính trị lớn lao là

kháng chiến chống Pháp. Trong đường lối chiến lược của mình, Đảng luôn đánh giá cao vai trò của người phụ nữ và vận động, định hướng, giao nhiệm vụ cho họ để cùng gánh vác trách nhiệm vừa nặng nề, vừa cao cả là chiến đấu và chiến thắng kẻ thù. Với tư cách là Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Hồ Chí Minh đã nhiều lần tuyên bố với thế giới và quốc dân rằng “phụ nữ Việt Nam đã đứng ngang hàng với đàn ông để được hưởng chung mọi quyền tự do của một công dân”. Tư tưởng đó được thể hiện rõ trong Điều 2 Sắc lệnh 51: Tất cả công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên không phân biệt nam nữ đều có quyền bầu cử và ứng cử trên nguyên tắc tự do: Không chia gái trai, giàu nghèo, tôn giáo, nòi giống, giai cấp, đảng phái, hễ là công dân Việt Nam thì đều có hai quyền đó⁽⁸⁾. Sắc lệnh về Tổng tuyển cử quy định nguyên tắc bầu cử bình đẳng trong những ngày đầu tiên của nền Cộng hòa dân chủ nhân dân ở nước ta có ý nghĩa và giá trị tiến bộ, nhân văn sâu sắc, nâng địa vị người phụ nữ Việt Nam lên ngang hàng với nam giới và sánh vai cùng phụ nữ các nước có nền pháp lý dân chủ, văn minh, tiến bộ đương thời, khẳng định quyền và khả năng tham chính của phụ nữ Việt Nam.

Trên tinh thần lấy những thành tích về vang của cách mạng để xây dựng nguyên tắc “Đoàn kết toàn dân, không phân biệt giống nòi, gái trai, giai cấp, tôn giáo”⁽⁹⁾, Hiến pháp đầu tiên của Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1946) đã quy định: “Tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa”. Điều này đã nói lên rằng: việc bình đẳng nam nữ, quyền tham gia vào các hoạt động chung của cộng đồng, dân tộc ở Việt Nam là một điều tất yếu. Sự

ra đời của nhà nước mới và bản Hiến pháp đầu tiên là một khẳng định về mặt pháp lý, “đàn bà ngang quyền đàn ông về mọi phương diện.” (Điều 9). Thế nên, việc họ đấu tranh bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, thiết thân của chính họ được pháp luật quy định và bảo vệ.

Sau Cách mạng tháng Tám và trong kháng chiến chống thực dân Pháp, các quyền của phụ nữ được khẳng định và đảm bảo, đó là thành quả của cuộc đấu tranh của nhân dân ta trong đó có phụ nữ và cũng là sự ghi nhận của Đảng đối với những đóng góp của họ trong đời sống chính trị đất nước.

Sau năm 1954, vai trò của người phụ nữ được nhấn mạnh hơn. Đảng ta tiếp tục khẳng định vai trò to lớn của phụ nữ Việt Nam đối với cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và là chủ thể quan trọng trong đời sống chính trị Việt Nam. Giai đoạn này, chủ trương, hành động cụ thể của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề phụ nữ tiếp tục thể hiện tính hệ thống, toàn diện và nhất quán, phát huy thế mạnh của phụ nữ, đoàn kết toàn dân tộc nhằm mục đích hướng tới thống nhất nước nhà. Trong giai đoạn này, phụ nữ không chỉ tham gia trong lao động sản xuất mà còn tham gia tự giác, tích cực với cương vị quản lý, lãnh đạo, đầu tiên trong xí nghiệp, công ty... Vấn đề cán bộ nữ trong công tác phụ vận là một nội dung được Đảng chú trọng đặc biệt. Thông tri của Ban Bí thư về tăng cường công tác vận động phụ nữ ra đời tháng 8/1957, nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác vận động phụ nữ: “Trong quần chúng, phụ nữ là lớp người đông đảo nhất và cũng do sự áp bức nặng nề của chế độ thực dân (...) nên trình độ giác

ngộ của quần chúng nữ còn kém. Kinh nghiệm các cuộc vận động cách mạng lớn từ trước đến nay đã chỉ rõ quần chúng phụ nữ chưa được giáo dục và phát động là một trở ngại rất lớn cho công tác cách mạng. Ngược lại, khi đã huy động được phụ nữ thì vừa có lực lượng quần chúng to lớn, lại lôi cuốn được các giới quần chúng khác”⁽¹⁰⁾. Với quan điểm chỉ đạo “đặt công tác phụ vận trong toàn bộ công tác cách mạng của Đảng”, tháng 12/1957, Ban Bí thư ra nghị quyết một số vấn đề công tác vận động phụ nữ, chấn chỉnh lại cơ quan lãnh đạo phụ nữ các cấp, “nghiên cứu kế hoạch toàn diện đào tạo, đề bạt cán bộ phụ nữ, mạnh dạn đưa cán bộ phụ nữ tham gia các cấp ủy Đảng, các cấp chính quyền và các ngành khác”.

Thực hiện Chỉ thị 137-CT/TW ngày 10/4/1959 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường lãnh đạo công tác vận động phụ nữ, Hội LHPN Việt Nam đã phối hợp với các cơ quan Nhà nước, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các chính sách, chế độ liên quan đến quyền lợi của phụ nữ và trẻ em, đồng thời chủ động nghiên cứu đề xuất với Đảng và Nhà Nước ban hành những chính sách, chế độ phù hợp. Sự bình đẳng giữa nam và nữ là quyền hiến định và là quy tắc ứng xử của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Hiến pháp 1959 quy định rõ: Công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, không phân biệt dân tộc, nòi giống, nam nữ, từ mười tám tuổi trở lên đều có quyền bầu cử, từ hai một tuổi trở lên đều có quyền ứng cử, bình đẳng trong sinh hoạt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình... (Điều 23, 24). Cùng với Hiến Pháp 1959, Luật hôn nhân và gia đình 1960 là bộ luật quan trọng đối với phụ nữ. Hồ Chí Minh khẳng định: “Luật lấy vợ, lấy chồng nhằm

giải phóng phụ nữ, tức là giải phóng phần nửa xã hội”.

Tính nhất quán trong quan điểm của Đảng ta về vấn đề bình đẳng nam nữ và những cơ sở pháp lý cơ bản để bảo đảm quyền lợi cho người phụ nữ khi họ tham gia vào các hoạt động của cộng đồng, cũng như thụ hưởng thành quả mà nó mang lại. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (1960) đã khẳng định: “...phụ nữ nước ta là lực lượng quan trọng trong cách mạng. Đảng có nhiệm vụ lớn đối với sự nghiệp giải phóng phụ nữ và phát huy năng lực dồi dào của phụ nữ...”. Vì vậy, “Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phải đoàn kết hơn nữa tất cả các tầng lớp phụ nữ, giáo dục và cổ vũ phụ nữ ra sức phấn đấu cho sự nghiệp cách mạng”.

Ngày 6/6/1965 Ban Bí thư đã ra nghị quyết số 122-NQ/TW về tăng cường lãnh đạo, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng chi bộ cơ sở 4 tốt. Nghị quyết xác định rõ: “Xây dựng, củng cố, lãnh đạo tốt hoạt động của các tổ chức quần chúng nhất là đoàn thanh niên, công đoàn, Hội LHPN, chú trọng lãnh đạo phong trào Ba sẵn sàng, ba đảm đang, ba điểm cao, kết hợp chặt chẽ với việc xây dựng chi đoàn, công đoàn bốn tốt, phụ nữ năm tốt,...”⁽¹¹⁾ nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức đoàn thể và hướng phụ nữ vào các tổ chức, gắn với từng phong trào cụ thể để thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Chỉ riêng năm 1966, Bộ chính trị và Ban Bí thư trung ương Đảng có 11 nghị quyết và chỉ thị có đề cập đến phong trào “Ba đảm đang”, trong đó nhấn mạnh đến việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ và đẩy mạnh phong trào “Ba đảm đang”. Tại Hội nghị cán bộ cao cấp nghiên cứu nghị quyết

Hội nghị Trung ương lần thứ 12 của Đảng, chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “đặc biệt phải chú ý cất nhắc cán bộ phụ nữ vào các cơ quan lãnh đạo, nhất là các ngành hoạt động thích hợp với phụ nữ”⁽¹²⁾.

Để làm tròn nghĩa vụ hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn, quân và dân miền Bắc đã chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu để đập tan mọi âm mưu của đế quốc Mỹ. Năm 1972, do thất bại trên chiến trường miền Nam, đế quốc Mỹ leo thang trở lại bắn phá miền Bắc. Trước tình hình mới, thực hiện sự chỉ đạo của Đảng, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, phụ nữ miền Bắc lại bước vào cuộc chiến đấu chống lại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ. Để đáp ứng nhiệm vụ cách mạng mới chỉ thị số 207-CT/TW (22/4/1974) về tăng cường công tác vận động công nhân, thanh niên, phụ nữ trong giai đoạn cách mạng mới và Nghị quyết số 238-NQ/TW, ngày 02/11/1974, về việc tổng kết phong trào phụ nữ Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng ra đời. Một trong những nội dung cần tổng kết là: “Làm rõ công cuộc vận động giải phóng phụ nữ Việt Nam gắn liền với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, xây dựng đất nước”, với mục đích phát huy thế mạnh của phụ nữ và phong trào phụ nữ để thực hiện nhiệm vụ chính trị mới.

Tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước, dũng cảm và gan dạ của thế hệ đi trước, Phụ nữ Việt Nam ngày nay tiếp tục tỏ rõ năng lực và trí tuệ của mình, không ngừng nghiên cứu, trau dồi tri thức, kỹ năng và không ít người đã đạt đến những địa vị rất cao trong mọi lĩnh vực. Phụ nữ Việt Nam luôn là niềm tự hào của dân tộc

Việt Nam, đã và sẽ tiếp tục phát huy được truyền thống “anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang” để đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước./.

Chú thích:

- (1). (2). Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. tr 228, tr6.
- (3). Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. tr 256.
- (4). Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. tr 443.
- (5). Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. tr 523.
- (6). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, Tập 2, tr.188
- (7). Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.tr480
- (8). Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.tr133
- (9) Vũ Thị Minh Thắng (2007), *Vai trò của phụ nữ trong đời sống chính trị Việt Nam (1945-1975) qua sự đánh giá của Đảng cộng sản Việt Nam và chủ tịch Hồ Chí Minh*, Trường Đại học Khoa học xã hội, nhân văn, ĐHQG HN
- (10) Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 18, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.tr515, 742
- (11) Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 26, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.tr267
- (12) Hồ Chí Minh (1999), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.tr21

XÂY DỰNG PHONG CÁCH LÀM VIỆC DÂN CHỦ, GẮN BÓ MẬT THIẾT VỚI QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

✧ ThS. NGUYỄN THỊ LAM
Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Di sản Hồ Chí Minh để lại cho Đảng và Nhân dân là vô cùng to lớn, trong đó có phong cách làm việc dân chủ gắn bó mật thiết với quần chúng Nhân dân. Người đã từng nói: khi đảng viên giữ được mối quan hệ mật thiết với Nhân dân sẽ làm cho dân tin, dân phục, dân yêu. Ngược lại, đảng viên hư hỏng, thoái hóa, biến chất thì niềm tin của dân đối với Đảng bị xói mòn, sức mạnh của Đảng bị giảm sút. Vì vậy, mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn rèn luyện, xây dựng phong cách làm việc dân chủ, gần dân, gắn bó mật thiết với Nhân dân để phát huy được trí tuệ tập thể, sự sáng tạo trong Nhân dân từ đó trang bị cho bản thân những kiến thức, kỹ năng, phong cách lãnh đạo, quản lý để có thể giải quyết hiệu quả những vấn đề thực tiễn đặt ra.

Phong cách Hồ Chí Minh là phong cách của một con người với tâm trong sáng, đức cao đẹp, trí mẫn tiệp, hành mực thước; là phong cách của một lãnh tụ, một chiến sỹ cộng sản chân chính, công dân mẫu mực của Việt Nam. Phong cách Hồ Chí Minh vừa thấm nhuần sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin, vừa mang đậm bản sắc văn hóa, tâm hồn, cốt cách con người Việt Nam, tạo nên nét độc đáo, đặc sắc, phong phú. Phong cách lãnh đạo của Hồ Chí Minh chính là sự thống nhất đạt đến đỉnh cao giữa trình độ hiểu biết sâu rộng về lý luận và thực tiễn cách mạng với khả năng thành thạo về tổ chức thực hiện; là sự kết hợp hài hòa lòng nhiệt tình cách mạng với lý tưởng cộng sản chân chính và bộ óc mẫn tiệp, cách làm việc thiết thực, hiệu quả.

Phong cách dân chủ gắn bó mật thiết với quần chúng Nhân dân được xem là phong cách thể hiện được giá trị phổ biến, là động lực tạo nên đặc trưng riêng có của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người khẳng định: “Cách mạng là việc chung của cả dân chúng, chứ không phải việc một hai người”¹... “Công nông là người chủ cách mạng”². Nhận thức rõ vai trò quan trọng và sức mạnh to lớn của quần chúng Nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hòa mình vào mọi tầng lớp Nhân dân, quy tụ thành sức mạnh tổng hợp, tổ chức, giáo dục, huấn luyện quần chúng làm cách mạng, mạnh dạn giao việc cho quần chúng. Từ những việc nhỏ hàng ngày đến việc lớn liên quan đến đất nước, Người đều quán triệt sâu sắc quan điểm lấy dân làm gốc, hướng về quần chúng, hòa mình vào quần

chúng. Người cho rằng phải tôn trọng, tin yêu quần chúng, không được coi thường quần chúng, vì quần chúng là lực lượng đông đảo, thông minh, sáng tạo và tích lũy được nhiều kinh nghiệm. Người thường xuyên căn dặn cán bộ, đảng viên nếu trong mọi việc đều biết dựa vào quần chúng, dựa vào tập thể, từ việc to đến việc nhỏ, từ việc sản xuất ruộng vườn đến nhận xét, đánh giá, đề bạt cán bộ đều tranh thủ được ý kiến quần chúng, lắng nghe quần chúng thì kết quả thu được sẽ tốt hơn, tránh được những sai sót không đáng có. Cho nên, để cho dân chúng phê bình cán bộ, dựa theo ý kiến họ mà cân nhắc cán bộ thì “nhất định không xảy ra việc thiên tư, thiên vị, nhất định hợp lý và công bằng”³. Người đòi hỏi cán bộ đảng viên phải luôn gương mẫu và thực sự khiêm tốn trước quần chúng, để đi sâu, đi sát quần chúng, lắng nghe và học hỏi quần chúng, phát huy dân chủ trong quần chúng, thường xuyên quan tâm, chăm lo đời sống quần chúng.

Ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, nét nổi bật trong phong cách của người là sự gương mẫu làm trước, làm nhiều hơn nói và viết, khiêm tốn tiếp thu ý kiến của mọi người với thái độ ân cần và trân trọng. Người rất coi trọng nguyên tắc làm việc tập thể. Mọi vấn đề Người nói và viết đều hướng về quần chúng, rất dễ hiểu, dễ nhớ và dễ thực hiện. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Vì vậy, để tập hợp được lực lượng, vận động được quần chúng, được quần chúng tin tưởng, sẵn sàng tham gia và hy sinh cho sự nghiệp cách mạng, thì người đảng viên, người cán bộ lãnh đạo phải nêu gương: “Trước mặt quần chúng không phải ta cứ viết lên trán hai chữ “cộng sản” mà ta được mọi người yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo

đức. Muốn hướng dẫn Nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”⁴. Người cũng khẳng định: “một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”⁶; trước hết mình phải tự làm gương, cán bộ “gắng làm gương trong anh em và khi đi công tác gắng làm gương cho dân”⁵. Ở cương vị cao nhất của Đảng và Nhà nước, dù bận rất nhiều công việc, Người vẫn dành thời gian đi thăm và làm việc với cơ sở, gặp gỡ và trao đổi với quần chúng, Người hòa vào cuộc sống ở đó. Người tìm hiểu cuộc sống mọi mặt của đồng chí, đồng bào mình: bếp ăn, thùng gạo, nhà ở, nhà vệ sinh, quần áo, chăn màn, giấy bút, thuốc chữa bệnh... Người đến từng phân xưởng sản xuất, từng thửa ruộng, bắt tay thân ái với mọi người. Người nói chuyện ngắn gọn, giản dị nhưng vô cùng súc tích và sâu sắc. Ở Người, lối sống cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư luôn luôn được đề cao và tôn trọng triệt để. Đó là thái độ tôn trọng tiền của, sức lực của Nhân dân, là ý thức làm lợi cho dân, cho nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ, đảng viên làm việc gì cũng phải vì lợi ích của Nhân dân, phải chịu trách nhiệm trước Nhân dân. Cách làm việc mà gây phiền hà cho quần chúng Nhân dân thì phải kiên quyết khắc phục, sửa chữa. Người phê phán nghiêm khắc một số cán bộ cứ khư khư giữ nếp cũ, cái không hợp cũng không dám sửa, cái đúng cũng không dám làm. Người coi đó là thái độ không dám phụ trách và đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải tăng cường mối quan hệ với quần chúng, “phải lắng nghe ý kiến của đảng viên, của Nhân dân, của những người không quan trọng”⁷, để kịp thời phát hiện ra những cái mới và đúng, đồng thời nhận rõ những thiếu sót, sai lầm để có phương hướng sửa chữa, khắc phục.

Chủ tịch Hồ Chí Minh kịch liệt lên án lối sống ích kỷ, cá nhân, Người cho đó là thứ vi trùng phá hoại cơ thể người cộng sản, làm cho họ dù có tài giỏi mấy cũng không làm được gì có lợi cho cách mạng. Người chỉ rõ: “Vô luận lúc nào, vô luận việc gì, đảng viên và cán bộ phải đặt lợi ích của Đảng ra trước, lợi ích của cá nhân lại sau. Đó là nguyên tắc cao nhất của Đảng. Đó là tính Đảng”⁸

Hiện nay một bộ phận đội ngũ cán bộ, đảng viên có thái độ lên mặt “quan cách mạng”, độc đoán, chuyên quyền, thiếu tu dưỡng rèn luyện để trở thành “đầy tớ của dân”; một số người trong cuộc sống thường kiêu ngạo, tự phụ, coi thường hoặc bỏ qua ý kiến của tập thể và quần chúng; một số chưa thật sự gương mẫu về lối sống, đạo đức cách mạng chỉ lo vun vén cho lợi ích cá nhân, làm xói mòn mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với Nhân dân. Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về xây dựng Đảng đã nhận định: “Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc...”⁹. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên làm suy giảm lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, gây tác hại lớn tới mối quan hệ vốn gắn bó giữa Đảng với Nhân dân.

Công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa đang được Đảng ta lãnh đạo thực hiện, điều đó đòi hỏi người cán bộ lãnh đạo phải rèn luyện phẩm chất, năng lực và phong cách lãnh đạo giải quyết có hiệu quả những vấn

đề thực tiễn đặt ra. Đề xây dựng phong cách dân chủ, gắn bó với quần chúng cho cán bộ đảng viên trong giai đoạn hiện nay cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Thứ nhất, phải đi sâu, đi sát thực tế, dựa vào quần chúng, kiên quyết chống bệnh quan liêu, bệnh hình thức. Mỗi cán bộ, đảng viên phải xây dựng chương trình, công tác một cách khoa học, dành nhiều thời gian cho việc đi cơ sở, lắng nghe tâm tư nguyện vọng, những trăn trở của quần chúng Nhân dân về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; phát huy trí tuệ của quần chúng Nhân dân, lắng nghe ý kiến của quần chúng, kịp thời phát hiện gương người tốt việc tốt để biểu dương, nhân rộng điển hình tiên tiến.

Thứ hai, trong lãnh đạo quản lý điều hành công việc phải tuân thủ triệt để nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao vai trò tập thể gắn với trách nhiệm cá nhân nhất là người đứng đầu. Đặc biệt chú ý phát huy trí tuệ của cán bộ, đảng viên, tranh thủ ý kiến của cơ sở, của cấp dưới và kinh nghiệm của quần chúng Nhân dân trước khi ban hành các chương trình, kế hoạch về kinh tế - xã hội... Dân chủ tập thể phải gắn liền với chế độ trách nhiệm cá nhân, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Mở rộng dân chủ nhưng phải giữ vững nguyên tắc, kỷ luật. Năng động sáng tạo phải trên cơ sở đường lối, chính sách, Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Kiên quyết khắc phục những biểu hiện tự do vô kỷ luật, làm bừa, làm ẩu.

Thứ ba, nêu cao tính chiến đấu, nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình của cán bộ đảng viên. Tự phê bình và phê bình phải trung thực, khách quan, phê bình cho đúng. Kết hợp hài hòa giữa tính nguyên

tắc và tình đồng chí, đồng đội. Phải kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tìm rõ nguyên nhân và biện pháp sửa chữa. Cán bộ lãnh đạo của cơ quan, đơn vị phải gương mẫu tự phê bình và phê bình trước làm gương cho cấp dưới. Tự phê bình và phê bình để nhằm hoàn thiện nhân cách người cộng sản, góp phần củng cố phong cách dân chủ, gắn bó với quần chúng của cán bộ, đảng viên.

Thứ tư, cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp cần có những quy định cụ thể về chế độ làm việc của cán bộ, đảng viên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn mà họ được giao. Chú ý xây dựng các quy định, chương trình nội dung đi cơ sở, tiếp xúc với quần chúng, trả lời đơn thư khiếu nại, tố cáo, ý kiến thắc mắc của Nhân dân.

Thứ năm, phải gắn lý luận với thực tiễn, nói đi đôi với làm. Trước hết đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải quán triệt sâu sắc tất cả các vấn đề đều xuất phát từ thực tiễn của cơ quan, đơn vị. Vì vậy, phải tìm tòi suy nghĩ, đề xuất các chủ trương, biện pháp lãnh đạo phù hợp, mang lại hiệu quả thiết thực. Đồng thời phải nhìn thẳng và sự thật, kiên quyết sửa chữa những sai lầm khuyết điểm để xây dựng cơ quan, đơn vị ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Để xây dựng được phong cách dân chủ, gắn bó với quần chúng nhân dân, Đảng phải xây dựng được đội ngũ cán bộ cách mạng có bản lĩnh, ít lòng ham muốn về vật chất, không háo danh, không kiêu ngạo, nói đi đôi với làm, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư đủ đức, đủ tài, đủ uy tín. Phẩm chất đạo đức, tư cách của người cán bộ, đảng viên làm nên tính tiên phong của Đảng. Đảng ta như một cơ thể sống, từng tổ chức đảng, từng cán bộ, đảng viên có đức và thực tài sẽ làm cho Đảng mạnh

và ngược lại, những hành vi vi phạm dân chủ, quan liêu, xa dân của người cán bộ, đảng viên sẽ làm suy yếu Đảng, hệ thống chính trị và phong trào cách mạng. Vì vậy, người cán bộ cách mạng phải thật sự là công bộc, tận tụy hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, giữ mối quan hệ giữa đảng viên với quần chúng Nhân dân. Đây cũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng hiện nay./.

Tài liệu tham khảo:

- (1). Hồ Chí Minh toàn tập tập 2.tr.283 (2011), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
- (2). Hồ Chí Minh toàn tập tập 2.tr.88 (2011), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
- (3). Hồ Chí Minh toàn tập tập 5.tr.366 (2011), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
- (4). Hồ Chí Minh Toàn tập, t.6, tr.16 (2011), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
- (5). Hồ Chí Minh Toàn tập t.4, tr.171 (2011) Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
- (6). Hồ chí Minh Toàn tập, Nxb. Chính chí quốc gia, H, 1995 - Sdd, t.5, tr.263
- (7). Hồ Chí Minh toàn tập tập 5.tr.325 (2011), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
- (8). Hồ Chí Minh toàn tập tập 5.tr.290, 291 (2011), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
- (9). *Đảng Cộng sản Việt Nam, Tài liệu nghiên cứu Nghị quyết hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Nxb CTQG, H. 2012, tr. 27-28*

QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ TÍNH TẤT YẾU CUỘC CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ SỰ VẬN DỤNG SÁNG TẠO VÀO THỰC TIỄN CÁCH MẠNG VIỆT NAM



ThS. PHAN THỊ ÁI VÂN

Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Tính tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa là một nội dung cơ bản thuộc phạm trù cách mạng xã hội chủ nghĩa của chủ nghĩa xã hội khoa học; là công cụ, phương tiện tạo sự cải biến xã hội một cách toàn diện, triệt để, căn bản về chất, đánh dấu bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Tính tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa được C.Mác và Ph.Ăngghen khái quát từ thực tiễn phong trào cộng sản và công nhân quốc tế và sau được V.I.Lênin tiếp tục bổ sung, phát triển trong thời đại đế quốc chủ nghĩa.

Dưới ánh sáng của lý luận cách mạng xã hội chủ nghĩa nói chung, tính tất yếu cách mạng xã hội chủ nghĩa nói riêng, với sự lãnh đạo của lãnh tụ V.I.Lênin đã đưa cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa - cách mạng vô sản ở Nga nổ ra và thành công, trở thành ngọn đuốc soi đường cho cách mạng các dân tộc thuộc địa trên con đường đấu tranh giải phóng dân tộc, trong đó có cách mạng Việt Nam. Để phát hiện tính tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và lập trường cộng sản chủ nghĩa, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã tiến hành nghiên cứu những mâu thuẫn trong lòng xã hội hiện thực, đặc biệt là nghiên cứu phương thức sản xuất của chủ nghĩa tư bản. Đây được coi là cơ sở quan trọng đi đến những kết luận chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa nói chung và tính tất yếu của cách

mạng xã hội chủ nghĩa nói riêng.

Quá trình phân tích phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ ra cách mạng xã hội chủ nghĩa có nguyên nhân sâu xa là do lực lượng sản xuất đã đạt trình độ xã hội hóa cao mâu thuẫn gay gắt với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất chủ yếu. Chủ nghĩa Mác- Lênin cho rằng, nguyên nhân sâu xa của những cuộc cách mạng xã hội là do sự phát triển của lực lượng sản xuất. Theo quy luật chung của sự phát triển xã hội, khi lực lượng sản xuất không ngừng phát triển mâu thuẫn với quan hệ sản xuất đã lỗi thời, kìm hãm nó, tất yếu phải thay thế quan hệ sản xuất lỗi thời bằng một quan hệ sản xuất mới tiên tiến hơn. C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ rõ: “Từ chỗ là những hình thức phát triển của các lực lượng sản xuất, những quan hệ ấy trở thành xiềng

xích của các lực lượng sản xuất. Khi đó bắt đầu thời đại một cuộc cách mạng xã hội¹. Dưới chủ nghĩa tư bản, nhất là từ khi máy hơi nước ra đời, lực lượng sản xuất ngày càng phát triển, ngày càng mang tính chất xã hội hoá cao, mâu thuẫn với quan hệ sản xuất mang tính chất tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. C. Mác đã viết: “Sự tập trung tư liệu sản xuất và xã hội hoá lao động đạt đến cái điểm mà chúng không còn thích hợp với cái vỏ tư bản chủ nghĩa của chúng nữa... nền sản xuất tư bản chủ nghĩa lại đẻ ra sự phủ định bản thân nó, với tính tất yếu của một quá trình tự nhiên”².

Biểu hiện mâu thuẫn trong lĩnh vực kinh tế là tính tổ chức, tính kế hoạch trong từng doanh nghiệp ngày càng tăng với tính vô tổ chức của sản xuất toàn xã hội do tính cạnh tranh của nền sản xuất hàng hoá tư bản chủ nghĩa gây ra. Quy luật cạnh tranh, tính chất vô chính phủ trong sản xuất dẫn tới khủng hoảng thừa, buộc một số doanh nghiệp phải ngừng sản xuất. Dưới chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân sống bằng việc bán sức lao động. Do vậy, một khi sản xuất đình trệ làm cho công nhân không có việc làm, họ đã đứng lên đấu tranh chống lại các nhà tư sản và giai cấp tư sản.

Để khắc phục tình trạng trên, giai cấp tư sản đã tổ chức ra các xã hội, công xã, công xã và nhà nước tư bản ngày càng can thiệp sâu vào kinh tế, bằng việc quốc hữu hoá một số ngành khi khó khăn, tư hữu hoá khi thuận lợi. Tuy rằng, mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong chế độ tư bản ngày càng gay gắt, nhưng quy luật xã hội không tự nó xảy ra mà phải thông qua hoạt động của con người. Cách mạng xã hội chủ nghĩa muốn nổ ra, giai cấp công nhân phải nhận thức được sứ mệnh lịch sử của mình, thực hiện việc tuyên truyền vận động nhân dân lật đổ chính quyền nhà nước của giai cấp tư sản để giành lấy chính quyền, giành lấy dân chủ.

Mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất biểu hiện thành mâu thuẫn xã hội giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Mâu thuẫn ấy biểu hiện thành mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản. Nó diễn ra ngày càng sâu sắc không thể điều hoà và đòi hỏi phải được giải quyết. Khi chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc, những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản càng trầm trọng bao gồm: mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản trong từng nước; mâu thuẫn giữa các nước đế quốc và các dân tộc thuộc địa; Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với nhau. Chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù của giai cấp công nhân, nhân dân lao động ở các chính quốc và cũng là kẻ thù của nhân dân các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc. Để đánh đổ chủ nghĩa đế quốc, cách mạng vô sản ở các nước chính quốc phải liên hiệp với cách mạng ở các nước thuộc địa, hình thành một mặt trận thống nhất quốc tế rộng lớn, chống lại liên minh phản cách mạng của giai cấp tư sản thế giới. Đến giai đoạn này, cách mạng xã hội chủ nghĩa đã chín muồi trên phạm vi thế giới. Lênin chỉ rõ: Chủ nghĩa đế quốc là đem trước, là phòng chờ của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cách mạng xã hội chủ nghĩa tất yếu sẽ nổ ra và có thể nổ ra ở những khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền đế quốc chủ nghĩa. Cách mạng xã hội chủ nghĩa không thể diễn ra tự phát mà là kết quả của quá trình đấu tranh giai cấp lâu dài, gian khổ, đầy hy sinh của giai cấp vô sản và nhân dân lao động chống giai cấp tư sản. Cuộc cách mạng đó diễn ra với nhiều hình thức, bước đi phong phú và đa dạng. Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, giai cấp vô sản trong mỗi nước từng bước đưa cách mạng tiến lên. Khi đã có tình thế cách mạng, khi những điều kiện khách quan và chủ quan đã chín muồi, nếu phát động được phong trào quần chúng rộng rãi, chọn đúng thời cơ thì cuộc đấu tranh sẽ “nổ bùng thành cách mạng công

khai”. Giai cấp vô sản sẽ dùng cách mạng, dưới hình thức này hoặc hình thức khác, lật đổ ách thống trị của giai cấp tư sản, giành lấy chính quyền; tiến hành cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới.

Ngoài yếu tố khách quan, C.Mác cũng nhấn mạnh rằng, việc xoá bỏ chủ nghĩa tư bản không phải được thực hiện một cách tự phát mà cần phải trải qua hoạt động tích cực, tự giác của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa muốn nổ ra và giành thắng lợi, giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản phải nhận thức được sứ mệnh lịch sử của mình; thực hiện việc tuyên truyền vận động, tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân lao động và các lực lượng tiên bộ tạo thành liên minh giai cấp, tầng lớp vững mạnh chiến đấu trên cơ sở cương lĩnh cách mạng xã hội chủ nghĩa để lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản, thiết lập chính quyền của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đồng thời sử dụng chính quyền đó để thực hiện cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa.

Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tính tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa đã được minh chứng trong thực tiễn tại cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga đã mở ra một thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Đồng thời, có ý nghĩa định hướng cho các Đảng cộng sản, trong đó có Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc tiếp tục nhận thức và vận dụng trong quá trình thực hiện, đưa sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thắng lợi cuối cùng.

Là một nhà Mác-xít sáng tạo, nhà hoạt động thực tiễn năng động, Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực về việc vận dụng, phát triển một cách sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn nước ta. Trên cơ

sở bảo vệ và vận dụng một cách sáng tạo các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, tính tất yếu quy định cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa nói riêng để phân tích các mâu thuẫn cơ bản, cụ thể xã hội Việt Nam trong điều kiện một dân tộc thuộc địa, nửa phong kiến. Qua thực tiễn phân tích các mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã phát hiện ra hai mâu thuẫn chủ yếu của cách mạng Việt Nam những năm đầu và giữa thế kỷ XX: Mâu thuẫn giai cấp (giữa nông dân với địa chủ phong kiến tay sai); mâu thuẫn dân tộc (toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp xâm lược). Trong đó, mâu thuẫn dân tộc là mâu thuẫn nổi lên hàng đầu, giành độc lập dân tộc, thực hiện dân chủ cho nhân dân, hoàn thành thắng lợi cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tạo ra các tiền đề chính trị căn bản, thiết yếu để chuyển sang thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa. Người khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”³. Chủ nghĩa xã hội là kết quả tất yếu của cách mạng Việt Nam. Sợi chỉ đỏ xuyên suốt tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Đảng Cộng sản Việt Nam, dưới sự dẫn dắt của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được tôi luyện và lãnh đạo cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, lãnh đạo kháng chiến chống Pháp thắng lợi; lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đồng thời lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước. Đó là kết quả tất yếu của việc lựa chọn đường lối đúng đắn ngay từ đầu của cách mạng Việt Nam. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội

Xem tiếp trang 55

QUY ĐỊNH SỐ 144-QĐ/TW VỀ CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRONG GIAI ĐOẠN MỚI - BƯỚC ĐỘT PHÁ TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VỀ ĐẠO ĐỨC



ThS. TRẦN THỊ BÍCH THUY

Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Xây dựng Đảng về đạo đức trong giai đoạn hiện nay là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng, làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, xứng đáng với sự tin cậy của Nhân dân, hoàn thành những trọng trách của mình trước nhân dân và dân tộc. Ngày 09/05/2024, Bộ Chính trị ban hành Quy định số 144-QĐ/TW về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới (sau đây gọi là Quy định 144-QĐ/TW). Quán triệt và thực hiện Quy định sẽ góp phần quan trọng trong công tác xây dựng Đảng về đạo đức trong giai đoạn hiện nay.

Quy định 144-QĐ/TW là bước cụ thể hóa Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; khẳng định sự quan tâm đặc biệt của Trung ương về tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng về đạo đức, nhất là trong bối cảnh Đảng ta đang đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh, để Đảng ta “là đạo đức, văn minh”. Chủ đề của Quy định 144-QĐ/TW thể hiện 2 điểm mới: Một là, xác định các chuẩn mực đạo đức cách mạng cùng các tiêu chí đánh giá việc

thực hiện chuẩn mực; hai là, phù hợp với giai đoạn mới của sự nghiệp cách mạng nước ta.

Quy định 144-QĐ/TW nêu cụ thể các tiêu chí, chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên cần thực hiện, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, gồm 6 điều trong đó có 5 điều quy định những chuẩn mực cụ thể với 19 tiêu chí để đánh giá việc thực hiện chuẩn mực, 5 mối quan hệ và các nghĩa vụ, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong các mối quan hệ đó. Trong mỗi điều lại được cụ thể hóa thành các khoản tương ứng với các mệnh đề của tên điều.

Tại Điều 1 Yêu nước, tôn trọng Nhân dân, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc: Nội dung cụ thể của Điều này thể hiện chuẩn mực đạo đức của cán bộ,

đảng viên trong mối quan hệ với Đảng - Nước - Dân, thể hiện nội hàm về lòng tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và Nhân dân.

Điều 2. Bản lĩnh, đổi mới, sáng tạo, hội nhập: Nội dung điều này thể hiện chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên trong mối quan hệ với cơ quan, tổ chức, cộng đồng, xã hội. Với những tiêu chí rõ ràng, Điều 2 thể hiện sự năng động, sáng tạo, ý chí, quyết tâm vươn lên trong học tập và công tác, lao động sản xuất, xây dựng, phát triển cơ quan, tổ chức, cộng đồng xã hội, quốc gia giàu mạnh.

Điều 3. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư: Đây là tiêu chuẩn thứ hai trong chuẩn mực đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh được tiếp thu, kế thừa nguyên vẹn, bởi xuất phát từ sự cần thiết của những chuẩn mực này là các tố chất cần phải có, mang tính cốt lõi của cán bộ, đảng viên trong mối quan hệ với công việc, với sự nghiệp cách mạng trong mọi thời kỳ, bảo đảm thực thi, hoàn thành nhiệm vụ, trọng trách Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó.

Điều 4. Đoàn kết, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm: Bài học rút ra trong quá trình dựng nước và giữ nước cho thấy, để dành và giữ được độc lập dân tộc, ngoài việc thức tỉnh, tập hợp, tổ chức, đoàn kết với Nhân dân thì yếu tố cốt lõi là tinh thần đoàn kết, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong mối quan hệ với đồng chí, đồng nghiệp. Nội dung này khẳng định tính tổ chức, tính pháp lý, qua đó thể hiện được đạo lý truyền thống tương thân, tương ái, đoàn kết, chung sức, đồng lòng của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam.

Điều 5. Gương mẫu, khiêm tốn, tu dưỡng rèn luyện, học tập suốt đời: Điều này thể hiện chuẩn mực đạo đức của cán

bộ, đảng viên trong mối quan hệ với bản thân, thể hiện vai trò gương mẫu, đi đầu trong công tác, lối sống, tu dưỡng, rèn luyện, học tập, giữ gìn bản thân trong sạch, không ngừng hoàn thiện bản thân.

Riêng Điều 6, bên cạnh nội dung về tổ chức thực hiện, trách nhiệm của các cấp, các ngành các cơ quan đơn vị, Quy định 144-QĐ/TW cũng yêu cầu “Cán bộ, đảng viên nêu cao tinh thần gương mẫu, thực hiện nghiêm Quy định này”.

Vai trò của đạo đức cách mạng đối với sự nghiệp thành bại của cách mạng được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập từ rất sớm. Cách đây 66 năm (1958), khi đất nước đang tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, với bút danh Trần Lực, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết về bài về đạo đức cách mạng. Người quan niệm đạo đức là nền tảng và là sức mạnh của người cách mạng, coi đó là cái gốc của cây, ngọn nguồn của sông suối. Làm cách mạng là công việc vẻ vang nhưng gian khổ, hy sinh nên người cách mạng cần có đạo đức cách mạng mới hoàn thành được nhiệm vụ của mình. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại khoảng 50 tác phẩm nói về đạo đức cách mạng. Đặc biệt, Người đã xây dựng nên một nền đạo đức mới ở Việt Nam, đồng thời chỉ ra các nguyên tắc để rèn luyện, tu dưỡng đạo đức phù hợp với thời cuộc. Bản thân Chủ tịch Hồ Chí Minh là người mẫu mực, thực hành những chuẩn mực đạo đức ấy nghiêm túc nhất.

Tiếp thu tư tưởng của C.Mác, V.I.Lênin về đổi mới, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng vào hoàn cảnh thực tế của Việt Nam và đưa ra những quan điểm hết sức sâu sắc về đạo đức cách mạng. Người nhận định, “trong hàng chục vạn cán bộ và đảng viên xứng đáng, còn lẫn vào một số

người thấp kém về tinh thần và đạo đức cách mạng. Họ còn mang nặng chủ nghĩa cá nhân trong mình. Đứng trong hàng ngũ chiến đấu của Đảng mà họ không có dũng khí cách mạng, ít lo nghĩ về trách nhiệm của mình, không quyết tâm vươn lên phía trước. Họ hững hờ như những người không có lý tưởng, đến đâu hay đó, qua tháng qua ngày. Đối với công việc của cách mạng, không có thái độ người làm chủ tập thể, dám nghĩ dám làm, mà thường bị động ngồi chờ¹. Vì vậy, Đảng phải thường xuyên đổi mới, chỉnh đốn; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về đạo đức, nâng cao bản lĩnh chính trị và sức chiến đấu của Đảng, khắc phục những hạn chế, sai lầm khuyết điểm là đòi hỏi khách quan và cũng là yêu cầu sống còn để bảo đảm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng trong bất kỳ giai đoạn lịch sử nào. Thực hành đạo đức cách mạng cũng là tạo môi trường và điều kiện để mỗi đảng viên và cán bộ hoàn thiện nhân cách, trở thành người cộng sản chân chính, người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân.

Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những bước phát triển nhận thức quan trọng về vai trò, tiêu chí mới của đạo đức cách mạng. Bên cạnh những thành quả được ghi nhận, thực tiễn thực hành công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên ở một số nơi chưa được coi trọng, quan tâm đúng mức; một số cán bộ, đảng viên chưa nêu gương về tu dưỡng đạo đức cách mạng; phai nhạt về lý tưởng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, thậm chí vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật, xử lý hình sự trong đó có cả cán bộ cao cấp do trung ương quản lý. Mặt khác, bối cảnh, tình hình hiện nay cũng như những yêu cầu mới đặt ra đối với công tác

xây dựng Đảng về đạo đức, việc ban hành Quy định 144-QĐ/TW nêu cụ thể các tiêu chí, chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên cần thực hiện, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Có thể thấy rằng, sau 94 năm thành lập và lãnh đạo Nhân dân, đây lần đầu tiên Đảng ta ban hành một quy định riêng về chuẩn mực đạo đức cách mạng nhằm thực hiện mục tiêu: Đẩy mạnh thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, đưa công cuộc đổi mới toàn diện của Đảng lên một tầm cao mới; kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Việc ban hành Quy định 144-QĐ/TW là một bước tiến mới nhằm cụ thể hóa hơn nữa các quy định đối với cán bộ, đảng viên mà Đảng ta đã ban hành trước đó. Đồng thời, một lần nữa khẳng định quyết tâm của Đảng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, xây dựng Đảng về đạo đức ngang hàng với các thành tố về tư tưởng, chính trị, tổ chức, cán bộ.

Để nhanh chóng đưa Quy định 144-QĐ/TW vào cuộc sống, góp phần đưa công tác xây dựng Đảng về đạo đức đạt kết quả cao cần phải đặc biệt quan tâm và triển khai quyết liệt một số nội dung sau:

Trước hết, nhận thức đúng đắn, đầy đủ vị trí, vai trò, ý nghĩa xây dựng Đảng về đạo đức của cấp ủy và đội ngũ đảng viên là nhân tố cơ bản, đầu tiên đảm bảo nâng cao hiệu quả việc xây dựng Đảng về đạo đức. Đưa công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc

quán triệt, triển khai thực hiện thành nền nếp thường xuyên. Yêu cầu hàng đầu là cấp ủy, tổ chức đảng các cấp phải thường xuyên quán triệt Quy định 144-QĐ/TW của Bộ Chính trị; các nội dung về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới phải được quán triệt đầy đủ, sâu sắc tới toàn thể cán bộ, đảng viên, xác định rõ những chủ trương, biện pháp lãnh đạo phù hợp với đặc điểm, tình hình, nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Thứ hai, đề các nội dung trong Quy định 144-QĐ/TW của Bộ Chính trị đi vào thực tiễn cuộc sống, làm chuyển biến thực chất về nhận thức và hành động thực hành chuẩn mực đạo đức của mỗi cán bộ, đảng viên trên từng cương vị công tác, các cấp ủy, tổ chức đảng phải lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc xác định mục tiêu phấn đấu chung của tập thể cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện các nội dung cụ thể về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên.

Thứ ba, đề cao vai trò của người đứng đầu, tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong thực hiện Quy định 144-QĐ/TW. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rằng: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải là người mực thước cho người ta bắt chước”. Trong thực hiện nêu gương, cần áp dụng đúng nguyên tắc “trên trước, dưới sau, trong trước, ngoài sau”.

Thứ tư, xây dựng cơ quan, đơn vị điểu về đạo đức cách mạng; xây dựng chi bộ trong sạch vững mạnh, đội ngũ đảng viên vững mạnh. Mỗi địa phương, mỗi ngành, lĩnh vực nên lựa chọn mô hình xây dựng cơ quan, đơn vị điểu về thực hiện chuẩn

mực đạo đức cách mạng theo Quy định 144-QĐ/TW. Theo đó, cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ ở các cơ quan, đơn vị được xác định làm điểu cần chủ động, tích cực trong việc xây dựng kế hoạch, xác định nội dung điểu và triển khai thực hiện quy định về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên ở cơ quan, đơn vị mình; quá trình thực hiện phải phát huy tốt vai trò chủ động, sáng tạo của các tổ chức, các lực lượng trong cơ quan, đơn vị nhằm tìm ra những cách làm hay, cách làm mới, những điểu hình về chuẩn mực đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên để nhân rộng ra toàn cơ quan, đơn vị, có như vậy mới tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ và thực chất về chuẩn mực đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Quy định số 144-QĐ/TW đã đáp ứng yêu cầu từ thực tiễn đối với việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị nói chung, xây dựng Đảng về mặt đạo đức nói riêng; góp phần loại bỏ những vướng mắc, bất cập nảy sinh từ thực tế nhưng chưa có quy định để điều chỉnh; thiết thực đưa chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới vào cuộc sống. Đặc biệt, thực hiện tốt Quy định 144-QĐ/TW còn là điểu kiện tiên quyết cho việc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ đầy mạnh hơn nữa công tác xây dựng Đảng, trong đó xây dựng Đảng về đạo đức là “nền tảng”, là “cái gốc” cho Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng./.

Chú thích:

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, tập 14, tr.468.

THỰC HÀNH “LIÊM CHÍNH” VÀ “TỰ TRỌNG” THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH



ThS. NGUYỄN THỊ LAN ANH

Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học

Tóm tắt: “Liêm chính” và “Tự trọng” là một trong những đức tính tốt đẹp của người cán bộ, đảng viên. Trong giai đoạn hiện nay, nhu cầu vật chất để phục vụ cuộc sống của cá nhân ngày càng lớn, tiền tài, địa vị, danh vọng, vật chất luôn là những cám dỗ thách thức bản lĩnh của người cán bộ, đảng viên. Hệ thống chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước mặc dù đã được ban hành, bổ sung thường xuyên song chưa theo kịp để điều chỉnh những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn lãnh đạo, quản lý. Một số tổ chức Đảng chưa quan tâm đúng mức công tác giáo dục đạo đức cách mạng; bản thân mỗi cán bộ, đảng viên chưa nêu cao ý thức rèn luyện đạo đức, nhất là thực hành “Liêm chính”, ý thức tự tôn, “Tự trọng”.

Hiện đây, cụm từ “Liêm chính”, “Tự trọng” được nhắc đến trong nhiều diễn đàn, hội nghị của Đảng, Chính phủ cho thấy tầm quan trọng, ý nghĩa thời sự của những chuẩn mực này đối với người cán bộ, đảng viên. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có đức “Liêm chính”, có lòng “Tự trọng”, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân là yêu cầu tất yếu khách quan đòi hỏi trách nhiệm của tổ chức đảng, ý thức tự thân của mỗi cá nhân.

Theo Từ điển Tiếng Việt thì “Liêm” là “trong sạch, không tham lam”, “Chính” là “ngay thẳng, đúng đắn, trái với tà”, “Liêm chính” được hiểu là “trong sạch và ngay thẳng”. “Tự trọng” là “coi trọng và giữ gìn phẩm cách, danh dự của mình. Người có lòng tự trọng là người biết điều chỉnh hành vi phù hợp với các chuẩn mực văn hóa, đạo đức, pháp luật”. Giữa “liêm chính” và

“tự trọng” có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. “Liêm chính” là nền tảng quan trọng xây đắp lòng tự tôn, tự trọng, giúp con người vượt qua bất cứ thử thách, khó khăn gì cũng như không lung lay trước bất cứ cám dỗ nào. “Tự trọng” được xem như “giới hạn” để giúp con người giữ vững chính trực, thanh liêm, không màng tư lợi, không cho phép mình quyết định, hành xử sai nguyên tắc, đi ngược lại lẽ phải, luân thường đạo lý. Tóm lại, một người có “tự trọng” sẽ luôn giữ mình “liêm chính” và ngược lại.

Không phải đến bây giờ, những tiêu chuẩn đạo đức này mới được đề cập mà nó đã trở thành giá trị hướng tới của các chế độ xã hội. “Liêm chính” và “tự trọng” là phẩm chất đạo đức được các triều đại phong kiến từ xưa đề cao, xem đây là yêu cầu quan trọng cần thiết để xây dựng bộ

máy thanh liêm, trong sạch. Bộ máy mà ở đó các bậc vua quan tuyệt đối không bớt công quỹ, không nhận bất cứ một đồng biếu xén của Nhân dân. Trải qua các thời kỳ lịch sử, “Liêm Chính”, “Tự trọng” trở thành một giá trị đạo đức được nhiều bậc minh quân, tướng lĩnh, anh hùng gìn giữ, hướng tới như nhiều tên tuổi được người đời khắc ghi, ngưỡng mộ. Đó là Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn yêu nước căm thù giặc sâu sắc, không chịu khuất phục trước kẻ thù, không chấp nhận để lòng tự tôn dân tộc, lòng tự trọng của một tướng võ triều đại nhà Trần bị chà đạp. Đó là Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm lui về ở ẩn để giữ gìn khí tiết, không vương danh lợi và đồng tiền khi sống trong xã hội...

Kế thừa, chọn lọc những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc, tinh hoa văn hóa đạo đức nhân loại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm một cuộc cách mạng trên lĩnh vực đạo đức, đề xuất những tư tưởng, đạo đức mới, phù hợp với yêu cầu của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới. Người gọi là đạo đức mới, đạo đức cách mạng, không vì danh vọng cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người. Theo Người, đạo đức là gốc, là nguồn, là nền tảng, bởi muốn làm cách mạng trước hết con người phải có cái tâm trong sáng, cái đức cao đẹp đối với giai cấp công nhân, nhân dân lao động, với cả dân tộc mình. Từ thực tiễn hoạt động cách mạng, Người đã khái quát những phẩm chất, chuẩn mực chung nhất của nền đạo đức mới, đạo đức cách mạng để giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên. Một trong bốn phẩm chất cốt lõi tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức đó là “Cần”, “Kiệm”, “Liêm”, “Chính”, “Chí công vô tư”. Đối với cán bộ, đảng viên, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm bồi dưỡng phẩm chất “Liêm”, “Chính”. Theo Người, “Liêm” là trong sạch, không tham

lam, luôn tôn trọng giữ gìn của công và của dân, không xâm phạm một đồng xu, hạt thóc của Nhà nước và của Nhân dân. Không tham địa vị, tiền tài, không tham sung sướng, không ham người tâng bốc mình. Người cách mạng luôn quang minh chính đại, không bao giờ hủ hóa, chỉ có một thứ “ham” là “ham” học, “ham” làm, “ham” tiến bộ. Để mọi người hiểu rõ hơn về “Liêm”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi sâu phân tích khái niệm “bất liêm”. Tức là “tham” tiền của, “tham” địa vị, “tham” danh tiếng, “tham” ăn ngon, sống yên. Để tránh xa những thói hư tật xấu do sự “bất liêm” thì cán bộ phải thực hành chữ “liêm” trước, để làm kiểu mẫu cho dân.

Bên cạnh chữ “Liêm”, người cán bộ, đảng viên cũng cần phải rèn luyện đức “Chính”. Theo Người, “Chính” là không tà, nghĩa là thẳng thắn, đứng đắn”. Người có đức “Chính” là người chính trực, đúng mực, công tâm, luôn hành động theo lẽ phải, kiên quyết bảo vệ lẽ phải và chính nghĩa. Trong “tứ đức” Cần, Kiệm, Liêm, Chính thì “Chính” giữ thứ bậc cao nhất. “Cần, Kiệm, Liêm” là gốc của “Chính”. “Chính” đòi hỏi con người phải bản lĩnh, dũng cảm đấu tranh với cái xấu bảo vệ lẽ phải. “Chính” là đức tính khó thực hiện, là yếu tố cần để khẳng định người đó có thực sự có nhân cách hay không. Một người mới có “Cần, Kiệm, Liêm” chưa đủ mà phải “Chính” nữa mới là người được đánh giá là có nhân cách thực sự. “Chính” là cơ sở để phân định việc và người. Hồ Chí Minh cho rằng: “Trong xã hội, tuy có trăm công, nghìn việc. Song những công việc ấy có thể chia làm hai thứ: Việc “Chính” và việc “Tà”. Vì con người thì phụ thuộc vào việc họ làm mà chia ra thành người “thiện” và người “ác”. Đức “Chính” thâm sâu, hiển hiện, chi phối mọi công việc, mọi con người trong xã hội. Ý nghĩa của “Chính” vô cùng

sâu rộng, nhưng vươn tới sự “Chính” thì rất khó khăn vì con người vốn “nhân vô thập toàn”. Người còn chỉ ra những biểu hiện cụ thể của đức “Chính”. Mỗi người luôn có 3 mối quan hệ là với mình, với người, với việc, người có đức “Chính” phải hành xử theo nguyên tắc. Đối với mình thì không tự cao, tự đại, luôn chịu khó học tập cầu tiến bộ, luôn tự phê bình và lắng nghe phê bình để phát triển điều hay, sửa đổi điều dở của bản thân. Đối với người thì phải yêu quý, kính trọng, giúp đỡ, không nịnh hót người trên, không xem khinh người dưới, luôn có thái độ chân thành, khiêm tốn, thật thà, đoàn kết. Đối với việc thì phải đề việc công, lợi chung lên trước việc tư, lợi tư, đã phụ trách việc gì thì quyết làm cho kỳ được, làm đến nơi đến chốn, “việc thiện thì dù nhỏ mấy cũng làm”, “việc ác thì dù nhỏ mấy mình cũng tránh”.

Cùng với đức “Liêm chính”, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng rất quan tâm đến lòng “Tự trọng” của mỗi người. Người từng nói: “Ai cũng có lòng tự trọng, tự tin. Không có lòng tự trọng, tự tin là người vô dụng”. Lòng tự trọng là ý thức luôn biết gìn giữ phẩm chất, nhân cách của mình ở trong mọi hoàn cảnh và biết coi trọng giá trị của bản thân. Người có lòng tự trọng có biểu hiện rất tích cực trong cuộc sống, họ luôn là những người góp phần cho xã hội thêm tốt đẹp. Người có lòng tự trọng biểu hiện trước tiên là họ luôn làm chủ được bản thân không bị cám dỗ vật chất mua chuộc. Người có lòng tự trọng sẽ không vì tiền bạc, địa vị mà bất chấp mọi thủ đoạn đê tiện để giành lấy thứ không thuộc về mình. Họ biết nhận khuyết điểm của bản thân trước mọi người thay vì né tránh hay đùn đẩy trách nhiệm. Họ ý thức được mình là ai, mình có thể làm được điều gì, giữ vị trí trong bộ máy bằng chính năng lực của bản thân. Ngược lại, người không có lòng tự trọng chính là

người trốn tránh trách nhiệm, thờ ơ với mọi người, việc xung quanh, phát ngôn thiếu chuẩn mực, vi phạm pháp luật, đạo đức xã hội, ưu nịnh, thích được tâng bốc, tự nhận thành quả và công lao về phía mình, tự cao, tự đại, xem thường dư luận, người khác, sống xa hoa, lãng phí, tự tôn quá mức, tự ái trước góp ý, phê bình đúng của người khác. Nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít, nói hay làm dở, ích kỷ, hẹp hòi. Khi được giao trách nhiệm, quyền uy thì cao ngạo, chèn ép cấp dưới, xu nịnh cấp trên, gây khó dễ cho những người phụ thuộc nhằm trục lợi. Khi uy tín thấp, không hoàn thành nhiệm vụ thì không nhận trách nhiệm, đổ lỗi khách quan, ngại khó, ngại khổ, tìm mọi cách “chạy” để hồng “giữ ghế”.

Trong giai đoạn hiện nay, nhu cầu vật chất để phục vụ cuộc sống của cá nhân ngày càng lớn, tiền tài, địa vị, danh vọng, vật chất luôn là những cám dỗ thách thức bản lĩnh của người cán bộ, đảng viên. Hệ thống chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước mặc dù đã được ban hành, bổ sung thường xuyên song chưa theo kịp để điều chỉnh những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn lãnh đạo, quản lý. Một số tổ chức Đảng chưa quan tâm đúng mức công tác giáo dục đạo đức cách mạng; bản thân mỗi cán bộ, đảng viên chưa nêu cao ý thức rèn luyện đạo đức, nhất là thực hành “liêm chính”, ý thức tự tôn, “tự trọng”. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ, quản lý, cán bộ cao cấp suy thoái, có lối sống xa hoa, thờ ơ, vô cảm với Nhân dân, coi khinh người dưới, xu nịnh người trên, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, tư duy nhiệm kỳ, lợi ích nhóm, cấu kết thâm tóm quyền lợi. Không ít cán bộ, đảng viên năng lực có hạn nhưng tham vọng chức quyền thì vô hạn, bằng mọi giá để “chui sâu” vào vị trí quyền lực cao. Tình trạng tham nhũng trở nên nghiêm trọng, tinh vi và mức độ ảnh

hưởng ngày càng nặng nề trong các cấp, các ngành. Điều đáng nói là tham nhũng, vi phạm nghiêm trọng đạo đức, lối sống không chỉ rơi vào những trường hợp cán bộ trẻ, có tài năng, có triển vọng, mà còn rơi vào những cán bộ trưởng thành, kinh qua nhiều vị trí công tác, có kinh nghiệm, từng rèn luyện thử thách trong thực tiễn, có những trường hợp từng khoác lên vai màu áo lính, qua các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc. Bản thân họ đã từng dũng cảm vượt qua nanh vuốt, bom đạn của kẻ thù nhưng thật đáng tiếc lại không chiến thắng được lòng tham, giá trị vật chất cám dỗ.

“Trong 10 năm (2012 - 2022), cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật 2.740 tổ chức đảng, 167.700 cán bộ, đảng viên, trong đó có hơn 190 cán bộ diện Trung ương quản lý (có 4 Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, 36 ủy viên Trung ương, 27 nguyên ủy viên Trung ương; hơn 50 sĩ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang); qua thanh tra, kiểm toán kiến nghị xử lý trách nhiệm gần 44.700 tập thể, cá nhân, chuyển cơ quan điều tra, xử lý gần 1.200 vụ việc có dấu hiệu tội phạm”⁽¹⁾. Đáng chú ý là nhiều vụ án khiến dư luận, Nhân dân bất bình như vụ án tham nhũng, tiêu cực xảy ra tại Công ty Việt Á là một vụ án hình sự điển hình về tham nhũng có hệ thống, đặc biệt nghiêm trọng về các tội vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, gây lãng phí, lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ, đưa hối lộ và nhận hối lộ xảy ra tại Công ty Việt Á, CDC các tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế và các đơn vị, địa phương liên quan; vụ án chuyển bay giải cứu, đưa công dân Việt Nam về nước trong đại dịch Covid-19, hàng loạt quan chức cấp cao của Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao và một số đơn vị liên

quan đã bị khởi tố tội đưa hối lộ, môi giới trong thi hành công vụ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản; vụ án thao túng thị trường chứng khoán xảy ra tại tập đoàn FLC, vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại tập đoàn Tân Hoàng Minh... Xử lý nghiêm những vụ án này là minh chứng cho quyết tâm phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của Đảng, đáp ứng yêu cầu xây dựng tổ chức bộ máy trong sạch, vững mạnh và sự kỳ vọng của Nhân dân.

Để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải tích cực nghiên cứu, chuyển tải những quan điểm tư tưởng Hồ Chí Minh về đức “Liêm chính”, “Tự trọng” thành cách thức ứng xử thường xuyên trong thực tiễn công tác, mối quan hệ với đồng nghiệp, cấp dưới và với Nhân dân. Tổ chức Đảng cần quan tâm giáo dục đạo đức, tăng cường kiểm tra, giám sát, thực hiện nghiêm kỷ luật kỷ cương, xây dựng, nhân rộng tấm gương mẫu mực thực hành đạo đức công vụ có sức lan tỏa, ảnh hưởng trong bộ máy, nhất là gương người đứng đầu. Tác phong của người đứng đầu, không những liên quan đến phẩm chất, đạo đức, hành vi và hình ảnh của họ mà còn tác động đến việc hình thành nếp sống xã hội.

Vấn đề mấu chốt để khắc phục sự suy thoái, nêu cao đức “Liêm chính”, lòng “Tự trọng” là thực hiện tốt công tác cán bộ, như khẳng định của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: “Cần làm tốt hơn nữa công tác cán bộ, nhất là việc quản lý, nhận xét, đánh giá cán bộ để lựa chọn, bố trí đúng những người thật sự có đức, có tài, thật sự “cần, kiệm, liêm, chính”, “chí công vô tư”, thật sự tâm huyết vì nước, vì dân vào các vị trí lãnh đạo của bộ máy Chính phủ và chính quyền các cấp. “Đừng “nhìn gà hóa cuốc”, “đừng thấy đỏ tường là chín”, đừng bị cám dỗ bởi những lợi ích xấu xa, những việc

làm vô liêm sỉ... Tiên bạc lắm làm gì, chết có mang theo đợc đầu. Danh dự mới là điều thiêng liêng, cao quý nhất”⁽²⁾.

Theo đó, các khâu của công tác cán bộ cần phải được tiến hành khách quan, công tâm và phải dựa trên hai nền tảng đó là đạo đức và chuyên môn. Yêu cầu về chuyên môn đòi hỏi phải có cả quá trình đào tạo của tổ chức và tự đào tạo, học hỏi để hoàn thiện của mỗi cá nhân. Cán bộ muốn vượt qua cám dỗ trước tiên phải tự mình khơi dậy, thực hành đức “Liêm chính”, “Tự trọng”, biết xấu hổ chịu trách nhiệm, điều chỉnh trước việc làm sai, biết từ chức khi không còn xứng đáng với vị trí công tác. Rèn luyện đạo đức “Liêm chính”, “Tự trọng” đòi hỏi sự bền bỉ, chịu khó như việc leo núi mà Bác Hồ đã từng căn dặn cán bộ tại lớp học chính trị giữa núi rừng Việt Bắc năm 1953: “Trèo lên núi thì khó và mệt nhưng lên tới đỉnh thì khoan khoái nhẹ nhàng, lặn xuống núi rất dễ, rất mau, nhưng lặn xong rồi thì tan xương nát thịt”.

Bên cạnh đó, để thực hành những phẩm chất “Liêm chính” và “Tự trọng” đòi hỏi Đảng, Nhà nước phải không ngừng bổ sung, hoàn thiện các chế tài, quy định kiểm soát quyền lực chặt chẽ để cán bộ, đảng viên không dám, không thể vi phạm. Cùng với đó là các chính sách tiền lương đãi ngộ, trọng dụng nhân tài, bảo vệ cán bộ “dám nghĩ, làm, chịu trách nhiệm, nói, đột phá sáng tạo, đương đầu khó khăn thử thách” theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng để cán bộ yên tâm cống hiến./.

Chú thích:

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.
2. Nguyễn Phú Trọng, *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, HN, tr.26.

QUAN ĐIỂM CỦA...

(Tiếp theo trang 46)

là cơ sở đảm bảo vững chắc cho độc lập dân tộc.

Lịch sử thế giới đã, đang và sẽ còn trải qua những bước quanh co, phức tạp, mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển, và thậm chí có mặt còn sâu sắc, “bản thân thị trường tự do của chủ nghĩa tư bản không thể giúp giải quyết được những khó khăn, và trong nhiều trường hợp còn gây ra những tổn hại nghiêm trọng cho các nước nghèo; làm sâu sắc thêm mâu thuẫn giữa lao động và tư bản toàn cầu”⁴. Thực tiễn đó đang đặt ra yêu cầu đối với mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân phải luôn giữ vững lập trường, tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin; kiên trì giữ vững nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin về tính tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa; chủ nghĩa xã hội là kết quả tất yếu của cách mạng Việt Nam nhằm xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh./.

Chú thích:

1. C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội, 1993, tập 13, tr.15.
2. C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội, 2002, tập 23, tr.1059.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.12, tr.30.
4. Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ TUYÊN TRUYỀN LUẬT AN NINH MẠNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



NGUYỄN TRỌNG MINH QUÂN

Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học

Tóm tắt: An ninh mạng đang là một vấn đề cấp thiết không chỉ tại Việt Nam mà trên toàn thế giới. Để đối phó với những thách thức và nguy cơ tiềm tàng từ không gian mạng, Việt Nam đã ban hành Luật An ninh mạng. Tuy nhiên, hiệu quả của luật này phụ thuộc phần lớn vào nhận thức và sự tuân thủ của cá nhân và tổ chức trong xã hội. Thời gian vừa qua, công tác tuyên truyền Luật An ninh mạng tuy đã đạt được một số kết quả tích cực nhưng vẫn còn có những khó khăn, bất cập. Vì vậy, việc đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền Luật an ninh mạng là yêu cầu bức thiết trong giai đoạn hiện nay.

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã chứng kiến sự bùng nổ về số lượng người dùng Internet và các dịch vụ trực tuyến. Số liệu từ các báo cáo cho thấy, tính đến đầu năm 2024, Việt Nam đã có hơn 75% dân số sử dụng Internet, với hơn 69 triệu người dùng mạng xã hội. Điều này phản ánh một cách rõ nét sự phát triển mạnh mẽ của không gian mạng ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Vì vậy, việc tuyên truyền Luật An ninh mạng tại Việt Nam hiện nay đang trở thành một trong những vấn đề được Nhà nước quan tâm hàng đầu.

Luật An ninh mạng đã được Quốc hội Việt Nam thông qua vào tháng 6/2018 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2019. Mục tiêu của luật này là nhằm bảo vệ chủ quyền không gian mạng quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân, đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế số bền vững. Tuy nhiên, để đạt được những mục

tiêu này, việc tuyên truyền, giáo dục và phổ biến nội dung của Luật An ninh mạng đến từng người dân và doanh nghiệp là điều cần thiết. Chỉ khi mỗi cá nhân hiểu rõ về quyền và nghĩa vụ của mình trên không gian mạng, cũng như các biện pháp bảo vệ bản thân khỏi những nguy cơ an ninh, thì luật mới thực sự phát huy hiệu quả.

Trước yêu cầu của thực tiễn, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều văn bản đề cập đến bảo vệ an ninh quốc gia trong không gian mạng: Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị khóa XII “Về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng”; Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị “Về Chiến lược an ninh mạng quốc gia”. Có thể thấy, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, cũng như các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước đều thống nhất quan điểm chỉ đạo về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và tuyên truyền luật trên không gian mạng.

Việc tuyên truyền pháp luật về an ninh mạng đến người dân Việt Nam hiện nay đã đạt được nhiều kết quả tích cực, đóng góp quan trọng vào việc xây dựng một môi trường mạng an toàn và văn minh. Nổi bật là sự gia tăng nhận thức của cộng đồng về các vấn đề liên quan đến an ninh mạng. Thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng như báo chí, truyền hình, và mạng xã hội, người dân đã được tiếp cận với thông tin chính thống về luật An ninh mạng, từ đó nhận biết rõ hơn về quyền lợi và trách nhiệm của mình khi tham gia không gian mạng. Cụ thể, theo Báo cáo Chỉ số An ninh mạng Quốc gia năm 2023 do tổ chức ITU công bố, Việt Nam đứng thứ 25 trên thế giới về nhận thức an ninh mạng, tăng từ vị trí thứ 50 vào năm 2020⁽¹⁾. Năm 2023, Việt Nam đã tổ chức hơn 500 hội thảo và sự kiện về an ninh mạng, thu hút sự tham gia của hơn 100.000 người từ các tổ chức và doanh nghiệp. Các sự kiện này không chỉ diễn ra tại các thành phố lớn mà còn mở rộng tới các tỉnh, thành trên cả nước. Theo một khảo sát của Nielsen Việt Nam, có 65% người dùng mạng xã hội tại Việt Nam đã có ý thức nhận diện tin giả và lừa đảo trực tuyến, tăng từ 50% vào năm 2019⁽²⁾. Điều này cho thấy sự gia tăng đáng kể trong khả năng phân biệt thông tin chính thống và thông tin sai lệch. Trung tâm Ứng cứu Khẩn cấp Máy tính Việt Nam (VNCERT) đã có thống kê số lượng các cuộc tấn công mạng thành công vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam đã giảm 30% trong năm 2023 so với năm 2020. Những số liệu trên đây cho thấy sự gia tăng nhận thức rõ rệt của cộng đồng Việt Nam về an ninh mạng, nhờ vào nỗ lực tuyên truyền và giáo dục từ phía các cơ quan chức năng, tổ chức và doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc duy trì và nâng cao hơn nữa nhận thức này vẫn

là một thách thức, đòi hỏi sự phối hợp liên tục và chặt chẽ giữa các bên liên quan.

Việc tuyên truyền luật an ninh mạng tại Việt Nam, dù đã có những nỗ lực đáng kể, vẫn còn tồn tại những hạn chế, dẫn đến một số hậu quả nghiêm trọng đối với an ninh mạng và đời sống của người dân. Theo Trung tâm Ứng cứu Khẩn cấp Máy tính Việt Nam (VNCERT), trong nửa đầu năm 2024, đã có hơn 7,500 vụ vi phạm an ninh mạng được ghi nhận⁽³⁾. Con số này cho thấy một sự gia tăng đáng kể so với 6,300 vụ trong cùng kỳ năm 2023. Theo Kaspersky báo cáo, từ năm 2020 đến 2023, Việt Nam đã trở thành mục tiêu hàng đầu cho các cuộc tấn công mạng trong khu vực Đông Nam Á, với hơn 1 triệu vụ vi phạm an ninh được ghi nhận chỉ riêng trong năm 2023⁽⁴⁾. Một trong những hạn chế lớn nhất dẫn đến điều này là thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng như Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, các tổ chức phi chính phủ, và các doanh nghiệp. Mặc dù có nhiều chương trình và chiến dịch tuyên truyền được triển khai, nhưng sự thiếu đồng bộ và nhất quán giữa các cơ quan đã làm giảm hiệu quả của những nỗ lực này. Ngoài ra, việc tuyên truyền luật an ninh mạng hiện tại chủ yếu dựa vào các phương tiện truyền thông truyền thống như báo chí, truyền hình, và hội thảo. Trong khi đó, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số và mạng xã hội mở ra nhiều kênh mới để tiếp cận người dân. Tuy nhiên, các chiến dịch tuyên truyền vẫn chưa tận dụng hết các kênh truyền thông mới như mạng xã hội, ứng dụng di động, hoặc các nền tảng trực tuyến khác. Điều này dẫn đến việc thông điệp về luật an ninh mạng không đến được với toàn bộ các nhóm đối tượng trong xã hội, đặc biệt là thanh thiếu niên và người dùng mạng xã hội. Mặc dù đã có nhiều nỗ

lực tuyên truyền, nhận thức của người dân về luật an ninh mạng hiện nay vẫn còn hạn chế. Theo các số liệu được thống kê, nhiều người dân vẫn chưa hiểu rõ các quy định của luật an ninh mạng và không nắm vững quyền lợi cũng như trách nhiệm của mình trong không gian mạng. Điều này dẫn đến việc nhiều người dễ bị lừa đảo, mất thông tin cá nhân, hoặc không tuân thủ các biện pháp bảo mật cơ bản. Sự thiếu hiểu biết này không chỉ làm gia tăng nguy cơ bị tấn công mạng mà còn ảnh hưởng đến sự bảo vệ thông tin cá nhân và an ninh quốc gia. Những hạn chế trong việc tuyên truyền luật an ninh mạng tại Việt Nam cần được khắc phục để nâng cao hiệu quả và sự lan tỏa của các chương trình tuyên truyền.

Để nâng cao hiệu quả tuyên truyền luật an ninh mạng đến người dân Việt Nam hiện nay, cần thực hiện một số giải pháp đồng bộ và toàn diện. Những giải pháp này không chỉ giúp cải thiện nhận thức và hiểu biết của người dân về luật an ninh mạng mà còn góp phần bảo vệ thông tin cá nhân và an ninh quốc gia trong môi trường số ngày càng phát triển.

Một là, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trong việc tuyên truyền Luật An ninh mạng. Trong bối cảnh hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đóng vai trò lãnh đạo và định hướng, xây dựng và ban hành các chủ trương, chính sách liên quan đến an ninh mạng, từ đó tạo nền tảng pháp lý và chính trị cho việc thực thi luật. Đảng lãnh đạo trong việc xác định các mục tiêu và chiến lược tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về sự cần thiết của việc bảo vệ an ninh mạng. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước cần xây dựng các chiến lược quốc gia về an ninh mạng, xác định các ưu tiên và mục

tiêu cụ thể trong việc bảo vệ thông tin và an ninh quốc gia. Chính sách này phải đồng bộ với các quy định pháp luật hiện hành và cập nhật thường xuyên để đối phó với các thách thức mới.

Hai là, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng. Để đảm bảo các thông điệp tuyên truyền được nhất quán và hiệu quả, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng như Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, và Trung tâm Ứng cứu Khẩn cấp Máy tính Việt Nam (VNCERT). Các cơ quan này nên thiết lập các nhóm công tác liên ngành để xây dựng và triển khai các chiến dịch tuyên truyền đồng bộ. Việc chia sẻ thông tin và tài nguyên giữa các cơ quan sẽ giúp tạo ra các chiến dịch tuyên truyền mạnh mẽ hơn và giảm thiểu tình trạng chồng chéo, thiếu nhất quán. Việc cải thiện sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng là bước quan trọng để nâng cao nhận thức và bảo vệ an ninh mạng. Những nỗ lực này không chỉ giúp bảo vệ thông tin cá nhân của người dân mà còn góp phần bảo đảm an ninh quốc gia và phát triển bền vững trong môi trường số

Ba là, đa dạng hoá phương thức tuyên truyền luật an ninh mạng. Việc sử dụng các phương tiện truyền thông truyền thống như báo chí và truyền hình vẫn rất quan trọng, nhưng cần phải mở rộng ra các kênh truyền thông mới. Các chiến dịch tuyên truyền nên được thiết kế phù hợp với từng nền tảng để đạt được hiệu quả tối ưu. Việc sử dụng các kênh truyền thông mới như mạng xã hội, video trực tuyến, và ứng dụng di động là rất quan trọng để tiếp cận đa dạng đối tượng người dùng. Các chiến dịch tuyên truyền nên được phát động qua các nền tảng phổ biến như Facebook, YouTube, Instagram,

Xem tiếp trang 68

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH HÀ TĨNH

✧ ThS. NGUYỄN THẮNG MỸ

Trưởng phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu

Tóm tắt: Hà Tĩnh là một tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ, có tiềm năng và vị trí quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, đối ngoại của cả nước. Trong quá trình phát triển của tỉnh, các doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng giữ vai trò quan trọng, hạt nhân chủ yếu của nền kinh tế, nhất là trong tạo được việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, qua đó góp phần chuyển dịch cơ cấu của nền kinh tế theo hướng năng động hiệu quả, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện các mục tiêu về phát triển bền vững của tỉnh trong những năm tới.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa là những doanh nghiệp có quy mô nhỏ bé về mặt vốn, lao động hay doanh thu, có thể chia thành ba loại đó là doanh nghiệp siêu nhỏ (micro), doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa. Theo tiêu chí của Nhóm Ngân hàng Thế giới, doanh nghiệp siêu nhỏ là doanh nghiệp có số lượng lao động dưới 10 người, doanh nghiệp nhỏ có số lượng lao động từ 10 đến dưới 50 người, còn doanh nghiệp vừa có từ 50 đến 300 lao động. Theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ, doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 3 tỷ đồng. Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia

bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 10 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 3 tỷ đồng; Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 20 tỷ đồng, doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 50 người và tổng doanh thu của năm không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 50 tỷ đồng; Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ

đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 100 tỷ đồng. Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 300 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 100 tỷ đồng.

Hiện nay trên địa bàn toàn tỉnh Hà Tĩnh có gần 12.800 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc (đạt 85% chỉ tiêu Nghị quyết 08/NQ-TU⁽¹⁾), trong đó có khoảng 8.660 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn đăng ký bình quân 7 tỷ đồng/doanh nghiệp. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có 1.039 hợp tác xã và hơn 2.942 tổ hợp tác, trên 60.000 hộ kinh doanh (trong đó có 52.430 hộ có đăng ký kinh doanh), thành lập mới gần 900 doanh nghiệp, tổng vốn đăng ký gần 3.700 tỷ đồng, bằng 52,4% so với cùng kỳ năm 2022; 282 doanh nghiệp hoạt động trở lại, bằng 90% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ hồ sơ đăng ký qua mạng điện tử tăng cao, chiếm khoảng 82% hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2022. Sự phát triển doanh nghiệp đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng, trong đó lĩnh vực nông, lâm và thủy sản có 346 doanh nghiệp hoạt động, chiếm 4%; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng có 3.118 doanh nghiệp, chiếm 36%; lĩnh vực thương mại và dịch vụ có 5.196 doanh nghiệp, chiếm 60% (giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ). Trong năm 2023, UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư 12 dự án trong nước và 01 dự án nước ngoài với tổng vốn đầu tư gần 3.000 tỷ đồng (số dự án và số vốn tương đương cùng kỳ năm trước). Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có khoảng 1.450 dự án đầu tư trong nước với tổng mức đầu tư khoảng 140.000 tỷ đồng và 69 dự án đầu tư nước ngoài với tổng mức đầu tư khoảng 16,1 tỷ USD. Tháng 8/2023, Thủ

trưởng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu Công nghiệp Bắc Thạch Hà (giai đoạn 1)” của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore (VSIP) với tổng mức đầu tư 1.555 tỷ đồng (64,8 triệu USD); là một trong 4 dự án của cả nước được trao quyết định chấp thuận tại Hội nghị hợp tác Việt Nam - Singapore. Doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ đóng góp của khu vực doanh nghiệp vào nguồn ngân sách tỉnh chiếm gần 79% tổng thu ngân sách và khoảng 81% tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.⁽²⁾

Doanh nghiệp nhỏ và vừa cung cấp chủng loại mặt hàng phong phú, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu xã hội, góp phần khai thác tiềm năng của tỉnh để phát triển kinh tế, đặc biệt trong việc phát triển ngành nghề truyền thống, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Sự phát triển doanh nghiệp đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng (giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ), hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào cho nền kinh tế được cải thiện đáng kể. Tận dụng và huy động mọi nguồn vốn của dân cư, doanh nghiệp nhỏ và vừa là nơi thu hút lao động từ nông thôn, bổ sung cho các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Doanh nghiệp nhỏ và vừa tạo việc làm cho người lao động, giải quyết việc làm cho gần 88.000 lao động. Cùng với những đóng góp quan trọng cho nền kinh tế, trong thời gian qua các doanh nghiệp đã thể hiện rõ nét vai trò, trách nhiệm cùng với các cấp, các ngành và cộng đồng giải quyết tốt vấn đề an sinh xã hội, ủng hộ người nghèo, thiên tai bão, lụt, dịch bệnh với số tiền hàng trăm tỷ đồng. Những hoạt động xã hội, từ thiện của các doanh nghiệp, doanh nhân trong thời gian qua góp

phân tạo hình ảnh đẹp của doanh nghiệp, doanh nhân trong xã hội, được chính quyền địa phương và nhân dân ghi nhận, đánh giá cao. Tuy nhiên, doanh nghiệp nhỏ và vừa còn gặp những khó khăn, thách thức như: Số doanh nghiệp thành lập mới, quay trở lại hoạt động tăng đáng kể nhưng tỷ lệ doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động, rút khỏi thị trường vẫn còn ở mức cao, trong 9 tháng năm 2023, có 500 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, 160 doanh nghiệp giải thể. Doanh nghiệp tuy đăng ký thành lập nhiều, song tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động, có phát sinh doanh thu, nộp thuế so với doanh nghiệp đăng ký thành lập còn thấp (chỉ đạt 41% so với tổng số doanh nghiệp đang hoạt động), số doanh nghiệp gia nhập thị trường và tái gia nhập thị trường giảm 1,8 lần so với năm 2022; các doanh nghiệp trong ngành kinh doanh bất động sản khó khăn về tiếp cận nguồn vốn. Số doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, bất động sản rút lui khỏi thị trường có xu hướng tăng. Một số doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm, hàng tồn kho nhiều, nguồn nguyên liệu đầu vào; một số doanh nghiệp có tâm lý sản xuất cầm chừng, ngại mở rộng quy mô sản xuất, chưa phục hồi quy mô như trước dịch, thậm chí còn phải cắt giảm sản lượng sản xuất. Một số dự án đầu tư trên địa bàn chưa triển khai kịp thời, đúng tiến độ gây lãng phí nguồn lực, tài nguyên đất đai. Hầu hết, các doanh nghiệp trên địa bàn khả năng cạnh tranh, hội nhập và hiệu quả hoạt động chưa cao; chưa liên kết được với nhiều đối tác đầu ra lớn trong và ngoài nước để mở rộng thị trường tiêu thụ, đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Kết quả hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn ở mức khiêm tốn, một số chính sách chưa triển khai được mặc dù đã có nguồn lực. Cơ cấu tổ chức và kinh doanh còn nhiều bất cập, chưa tập trung vào những ngành, lĩnh vực

có tiềm năng và lợi thế của tỉnh; công nghệ còn lạc hậu, hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng suất lao động thấp; chưa tạo được nhiều sản phẩm có uy tín, thương hiệu để chiếm lĩnh và mở rộng thị trường, thiếu sức cạnh tranh.

Để phát huy vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phát triển kinh tế, xã hội, phù hợp với mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025, theo đó tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân trên 8,5%. Phân đầu giai đoạn 2021-2030 đạt 9,5%/năm, Cơ cấu kinh tế: nông nghiệp dưới 10%, công nghiệp - xây dựng trên 50% (trong đó công nghiệp chiếm trên 47%); dịch vụ trên 39%, thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2025 đạt trên 28 nghìn tỷ đồng, trong đó thu nội địa trên 16 nghìn tỷ đồng, thu nhập bình quân đầu người trên 60 triệu đồng, phân đầu đưa GDRP bình quân đầu người năm 2025 của Hà Tĩnh đạt trên 100 triệu đồng (trên 4.200 USD). Trong thời gian tới, doanh nghiệp nhỏ và vừa cần từng bước phát triển về số lượng, củng cố chất lượng quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, cùng với các loại hình doanh nghiệp khác thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, trước mắt cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, tiếp tục triển khai đồng bộ các biện pháp, đưa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 22/11/2021 về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo; Chương trình hành động của UBND tỉnh về phát triển Doanh nghiệp trong đó có doanh nghiệp nhỏ và vừa. Phân đầu đến năm 2025 toàn tỉnh có trên 15000 doanh nghiệp, khu vực doanh nghiệp đóng góp khoảng 60% - 65% GRDP của tỉnh; đóng góp vào ngân sách của khu vực doanh nghiệp chiếm khoảng 65% -70% tổng thu

ngân sách nội địa trên địa bàn tỉnh; tổng vốn đầu tư từ khu vực doanh nghiệp chiếm từ 60% - 65% tổng vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh; phần đầu trên 80% doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ số trong điều hành, quản lý, sản xuất và kinh doanh trên sàn thương mại điện tử; phần đầu 100% doanh nghiệp đủ điều kiện thành lập tổ chức đảng, đoàn thể theo quy định của Điều lệ Đảng, đoàn thể.

Hai là, xây dựng quy hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Là bộ phận quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh, góp phần tích cực trong việc thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, vì vậy việc xây dựng quy hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trước hết phải gắn vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế, góp phần cải thiện, nâng cao các chỉ số đo lường về môi trường đầu tư như: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI). Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND huyện, thành phố, thị xã (DDCI) trên địa bàn tỉnh.

Ba là, định hướng quy hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh Hà Tĩnh cần tập trung phát triển rộng khắp các cơ sở sản xuất nhỏ và vừa ở thành thị và nông thôn, ở vùng sản xuất tập trung với vùng nông nghiệp. Đồng thời, để đảm bảo phát triển bền vững, bên cạnh phát triển về số lượng, cần chú trọng nâng cao chất lượng các doanh nghiệp. Ưu tiên phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực công nghiệp, chế biến nông, lâm, thủy hải sản, xuất khẩu, các lĩnh vực trọng điểm, du

nhập nghề mới, khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp với loại hình doanh nghiệp nhằm thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển, ưu tiên phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở vùng sâu, vùng xa nhằm xóa bỏ cách biệt giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh; đổi mới công nghệ, thiết bị theo hướng tiên tiến, hiện đại. Đẩy mạnh liên doanh liên kết giữa các khu vực kinh tế, các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp để tăng cường vai trò hỗ trợ phát triển. Song song với việc chỉ đạo phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa, cần xây dựng kế hoạch, biện pháp để tập trung phát triển một số doanh nghiệp đủ mạnh trên các lĩnh vực như công nghiệp, lâm nghiệp, xây dựng, giao thông thủy lợi, thủy hải sản để làm đối tác, đối trọng liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước vừa tạo tiền đề thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Quan tâm phát triển các ngành nghề, lĩnh vực sản xuất vật chất, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng chuyên môn hóa với quy mô tập trung.

Bốn là, đẩy mạnh cải cách hành chính hướng tới nền hành chính minh bạch, thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin để công khai, minh bạch thông tin hỗ trợ doanh nghiệp, người dân tiếp cận đầy đủ các quy hoạch, cơ chế, chính sách, tạo điều kiện cho doanh nghiệp giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước qua môi trường mạng. Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư, nhất là xúc tiến đầu tư tại chỗ thông qua việc giữ ổn định môi trường đầu tư kinh doanh, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc để các doanh nghiệp, nhà đầu tư đang hoạt động duy trì và mở rộng đầu tư kết hợp với huy động đa dạng các

nguồn lực cho hoạt động xúc tiến đầu tư. Tăng cường phối hợp giữa các ngành, các cấp trong quản lý phát triển doanh nghiệp. Duy trì thường xuyên các cuộc trao đổi, đối thoại thực chất, cởi mở giữa lãnh đạo tỉnh, các sở ban ngành với các doanh nghiệp, doanh nhân để cùng tháo gỡ, xử lý dứt điểm những tồn tại, vướng mắc.

Năm là, thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Xác định rõ mục tiêu trợ giúp là nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi sự doanh nghiệp và phát triển trong một môi trường thuận lợi, giúp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao năng lực, tăng sức cạnh tranh trong kinh tế thị trường để sản xuất kinh doanh có hiệu quả, từ đó phát huy được vai trò và tác dụng đối với nền kinh tế Hà Tĩnh. Với phương thức hỗ trợ trực tiếp và gián tiếp làm cho doanh nghiệp tiếp cận với các thủ tục hành chính, thủ tục pháp lý và thủ tục vay vốn có hiệu quả. Tỉnh thực hiện các hoạt động cụ thể nhằm tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại; hỗ trợ tư vấn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa về các kiến thức kinh doanh, cách tiếp cận thị trường; cung cấp các thông tin về thị trường, giá cả; tích cực và chủ động mở rộng quan hệ với Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt nam, trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của Liên minh hợp tác xã Việt Nam; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào các dự án lớn trên địa bàn; khuyến khích các mối quan hệ kinh tế giữa các doanh nghiệp lớn như Tổng công ty khoán sản Thương mại Hà Tĩnh, Công ty TNHH Gang, Thép Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh có thể hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua việc ký kết các hợp đồng cung ứng nguyên vật liệu, phân phối sản phẩm, làm thầu phụ, làm đại lý... nhằm có tác dụng vừa đảm bảo thị trường, công ăn việc làm ổn định, vừa

tạo điều kiện thuận lợi để chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản lý từ doanh nghiệp lớn sang doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tỉnh cần tăng cường các biện pháp hỗ trợ trong chính sách đất đai như: Xây dựng hệ thống thông tin về đất, công khai quy hoạch, đẩy nhanh tiến độ đền bù giải phóng mặt bằng, xây dựng quỹ đất, tiến hành nhanh, gọn các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện triệt để việc giao đất lâu dài nhằm tạo cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa có điều kiện thuận lợi để ổn định và mở rộng mặt bằng, đồng thời có đủ giấy tờ hợp pháp về đất đai để làm thủ tục thế chấp vay vốn. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần xây dựng các phương án sản xuất kinh doanh mang tính khả thi cao làm cơ sở vay vốn. Thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo, tuyển dụng, nâng cao trình độ của đội ngũ quản lý. Tăng cường nhận thức, hiểu biết và chấp hành pháp luật và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ và nhân viên của doanh nghiệp.

Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Hà Tĩnh và các ngân hàng thương mại tiếp tục xây dựng và kiện toàn Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; khuyến khích tổ chức tín dụng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa dựa trên xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp. Tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp; tăng cường công tác thanh tra, giám sát hoạt động tín dụng, đặc biệt việc tổ chức thực hiện các chương trình tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp tại các tổ chức tín dụng đảm bảo các doanh nghiệp đáp ứng điều kiện đều được thụ hưởng chính sách. Tạo điều kiện thuận lợi, vận dụng linh hoạt các thủ tục cho doanh nghiệp thế chấp, tín chấp để tiếp cận các nguồn vốn tín dụng thương mại, đáp ứng nhu cầu vay vốn đầu tư; chi nhánh Ngân hàng phát triển thực hiện hỗ trợ lãi suất sau đầu tư và ưu tiên nguồn vốn ưu đãi cho các dự án trọng điểm, các dự án đủ điều kiện.

UBND Tỉnh cần chỉ đạo các sở, ban ngành chức năng hướng dẫn doanh nghiệp lập dự án đạt tính khả thi cao, đảm bảo điều kiện vay vốn các ngân hàng; khuyến khích các doanh nghiệp cùng góp vốn để hình thành các Quỹ tự hỗ trợ lẫn nhau. Căn cứ vào Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 về việc trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản hướng dẫn, các sở ngành liên quan hoàn thiện Quy chế bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa, sớm đưa quỹ đi vào hoạt động để tạo điều kiện cho doanh nghiệp vay vốn. Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các chính sách của Tỉnh về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đã ban hành. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến của quốc tế, khu vực và quốc gia, đăng ký bản quyền sở hữu công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa và xây dựng thương hiệu hàng hóa. Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật và chính sách thuế để các doanh nghiệp nhỏ và vừa nắm được đầy đủ các thông tin về thuế và các ưu đãi về thuế. Cơ quan thuế phối hợp với các cơ quan liên quan giúp đỡ và thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện tốt chế độ sổ sách kế toán. Đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa có điều kiện thực hiện đầy đủ, đúng đắn chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ cân đối sổ phương thức tính và thu thuế hợp lý. Thực hiện tốt chương trình hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Hàng năm, tổng hợp nhu cầu đào tạo của các doanh nghiệp để xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện chương trình và hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp.

Sáu là, phát triển các tổ chức đại diện, tổ chức tư vấn và tổ chức quản lý đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên cơ sở

thành lập tổ chức xúc tiến đầu tư phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh. Khuyến khích thành lập các tổ chức trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa như Hiệp hội, câu lạc bộ doanh nghiệp. Tăng cường cán bộ quản lý các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong các Sở, ban Ngành cấp tỉnh, huyện và tăng cường chức năng của bộ máy quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Bản thân các doanh nghiệp cần phải nắm bắt cơ hội để tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tuân thủ pháp luật, luôn đổi mới công nghệ và mở rộng đầu tư. Quan tâm đến người lao động, bảo đảm an sinh xã hội và bảo vệ môi trường; đón đầu các xu hướng kinh doanh mới; tiên phong thực hiện đổi mới mô hình, đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp; tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp để nâng tầm hoạt động, kết nối các doanh nghiệp, tập đoàn, các dự án đầu tư lớn đã và đang triển khai trên địa bàn; từng bước tham gia vào chuỗi giá trị khu vực công nghiệp, dịch vụ phụ trợ, là khu vực có tiềm năng phát triển lớn của tỉnh ta thời gian tới./.

Tài liệu tham khảo:

1. Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Tỉnh ủy Hà Tĩnh về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo.
2. Báo cáo tình hình phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2023.
3. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020 trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.
4. Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, ngày 26/8/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số Điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU THỰC TẾ CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

✧ ThS. NGUYỄN TRỌNG VINH

Trưởng khoa Nhà nước và Pháp luật

Tóm tắt: Quán triệt phương châm lý luận gắn liền với thực tiễn trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, những năm vừa qua, Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh đã đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu thực tế của giảng viên và bước đầu đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, đến nay, hoạt động nghiên cứu thực tế của giảng viên theo hình thức có kỳ hạn vẫn chưa được triển khai thực hiện một cách khoa học, kịp thời do nhiều nguyên nhân cả chủ quan lẫn khách quan. Trong bài viết này, tác giả đề cập một số vấn đề cần quan tâm nhằm nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu thực tế của giảng viên Trường Chính trị Trần Phú, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động này trong thời gian tiếp theo.

Nghiên cứu thực tế là hoạt động chuyên môn có tính chất thường xuyên, là yêu cầu tất yếu và bắt buộc đối với giảng viên các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Hoạt động này giữ vai trò quan trọng trong việc cung cấp tri thức thực tiễn phong phú, đa dạng và kịp thời cho quá trình giảng dạy và nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên. Xuất phát từ nhận thức đó, tại Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG, ngày 21/12/2021 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế giảng viên của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG) đã quy định nghiên cứu thực tế là một nhiệm vụ chuyên môn bắt buộc của giảng viên.

Trường Chính trị Trần Phú có nhiệm vụ đào tạo trung cấp lý luận chính trị, bồi dưỡng chương trình ngạch chuyên viên chính, ngạch chuyên viên, chương trình lãnh đạo, quản lý cấp phòng,... cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc hệ thống chính trị trong tỉnh. Hiện nay, tổng số giảng viên của nhà trường có 29 giảng viên. Về trình độ chuyên môn: 04 tiến sĩ; 25 thạc sĩ. Về lý luận chính trị: 26 cử nhân, cao cấp lý luận chính trị; 03 trung cấp lý luận chính trị - hành chính. Về hạng ngạch: 01 chuyên viên cao cấp; 20 giảng viên chính; 08 giảng viên. Về độ tuổi: Dưới 40 tuổi: 9 người; trên 40 tuổi: 21 người. Về thời gian công tác: Từ 5 đến 10 năm: 05 người; từ 10 năm đến dưới 15 năm: 10 người; từ 15 năm đến

dưới 20 năm: 08 người; từ 20 năm trở lên: 07 người.

Với đội ngũ cán bộ giảng viên có trình độ đào tạo tương đối cao và tuổi đời còn tương đối trẻ, trước yêu cầu của hoạt động giảng dạy đòi hỏi giảng viên trường chính trị phải thường xuyên cập nhật thông tin, quy định, văn bản pháp luật, kiến thức mới, số liệu xác thực và những kiến thức thực tiễn để bổ sung vào nội dung bài giảng và xử lý tốt các tình huống trong hoạt động chuyên môn. Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu thực tế, trong những năm qua, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Chính trị Trần Phú đã lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành hoạt động này theo hướng thực chất hơn, bám sát hơn yêu cầu công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên theo từng khoa chuyên môn, nhất là đội ngũ giảng viên trẻ. Ban Giám hiệu đã chỉ đạo các giảng viên chủ động xây dựng kế hoạch nghiên cứu thực tế của mình gắn với công tác giảng dạy và chủ nhiệm lớp mở tại các huyện; yêu cầu giảng viên khi về giảng dạy tại các huyện phải liên hệ thực tế về tình hình kinh tế - xã hội của địa phương; các giáo viên chủ nhiệm được cử về tại các huyện, phải luôn liên hệ chặt chẽ với địa phương, phối hợp trao đổi thông tin giữa nhà trường và địa phương, kết nối cùng với nhà trường tổng kết thực tiễn, tham mưu chủ trương, tư vấn hoạch định chính sách cho địa phương. Trong việc tổ chức cho các lớp đi nghiên cứu thực tế, Ban Giám hiệu chủ trương khuyến khích đi nghiên cứu thực tế ở các địa phương trong tỉnh và yêu cầu cán bộ giảng viên khi dẫn đoàn đi cần xây dựng kế hoạch khoa học, thiết thực và hiệu quả.

Bên cạnh hoạt động nghiên cứu thực tế hằng năm, Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG cũng quy định hoạt động nghiên cứu thực tế có kỳ hạn của giảng viên, đây

được xem là hoạt động nghiên cứu thực tế có chiều sâu và có ý nghĩa thiết thực đối với giảng viên. Hiện nay, trường Chính trị Trần Phú đã tiến hành tham mưu Tỉnh ủy xây dựng và ban hành Đề án đưa cán bộ, giảng viên đi nghiên cứu thực tế có kỳ hạn (Biệt phái) về cơ sở giai đoạn 2020 - 2030. Đây là một trong những điểm sáng trong lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động nghiên cứu thực tế nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên, góp phần vào thực hiện mục tiêu xây dựng trường chính trị chuẩn mức 1 giai đoạn 2020 - 2025 và tiến đến trường chính trị chuẩn mức 2 vào năm 2030.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động nghiên cứu thực tế của đội ngũ giảng viên trong những năm qua vẫn còn tồn tại một số bất cập và hạn chế cần sớm được nhận thức và khắc phục.

Thứ nhất, nhận thức của đội ngũ cán bộ giảng viên, đặc biệt là giảng viên trẻ về vai trò tầm quan trọng, sự cần thiết của việc nghiên cứu thực tế nhằm nâng cao chất lượng bài giảng và công tác nghiên cứu khoa học của bản thân chưa thực sự cao. Nhiều cán bộ giảng viên có biểu hiện sớm thỏa mãn với những kiến thức hiểu biết hiện có của mình, thiếu chủ động, tự giác trong nghiên cứu thực tế. Việc xây dựng kế hoạch tích lũy kiến thức thực tế cho bản thân chưa được chú trọng.

Thứ hai, hoạt động nghiên cứu thực tế của giảng viên mới chỉ dừng lại ở yêu cầu và khuyến khích, chưa có cơ chế ràng buộc, trách nhiệm phải đi. Mặt khác, việc đi thực tế của cán bộ giảng viên mới chỉ dừng lại ở kết hợp trong công tác giảng dạy, công tác chủ nhiệm lớp hoặc dẫn đoàn các lớp đi nghiên cứu thực tế với thời gian ngắn 5 ngày theo quy định, vì vậy kết quả của việc đi nghiên cứu thực tế mới chỉ dừng lại ở quan sát, nghe báo cáo và thăm các mô

hình, việc trực tiếp làm, tham mưu, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm giữa cán bộ giảng viên và địa phương chưa được nhiều.

Thứ ba, mặc dù Nhà trường đã nhiều lần tham mưu cho Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan về Đề án biệt phái, luân chuyển cán bộ giảng viên nhất là giảng viên có tuổi đời, tuổi nghề còn ít về cơ sở, tích lũy kiến thức thực tế để vững vàng hơn trong giảng dạy nhưng đến nay Đề án và đề nghị vẫn chưa được xem xét thông qua. Việc sớm thông qua đề án biệt phái, luân chuyển cán bộ giảng viên về cơ sở sẽ tạo cơ sở pháp lý, cơ hội cho cán bộ giảng viên được trực tiếp điều hành, tham mưu, xử lý những tình huống trong thực tế đặt ra.

Như vậy, nhiệm vụ nghiên cứu thực tế của giảng viên không chỉ để tích lũy kiến thức thực tiễn, nâng cao năng lực của giảng viên, góp phần tìm ra những phương pháp, cách thức để truyền đạt tri thức đến người học một cách sinh động nhất và hiệu quả nhất góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường mà còn góp phần quảng bá hình ảnh, thương hiệu, văn hóa Trường Đảng đến gần hơn với các cá nhân, tổ chức và toàn xã hội. Trước yêu cầu đòi hỏi đó xuất phát từ vai trò, tầm quan trọng của việc đi nghiên cứu thực tế của đội ngũ cán bộ, giảng viên, tác giả xin đề xuất một số giải pháp và đề xuất, kiến nghị triển khai thực hiện tại trường trong thời gian đến như sau:

Thứ nhất: Đối với Đảng ủy, Ban Giám hiệu và lãnh đạo các khoa, phòng. Đảng ủy, Ban Giám hiệu cần tiếp tục quán triệt sâu sắc đối với giảng viên, viên chức về yêu cầu, nhiệm vụ đi nghiên cứu thực tế và coi đây là hoạt động đào tạo, bồi dưỡng có tính bắt buộc đối với đội ngũ giảng viên, viên chức của trường; mỗi cá nhân xây dựng kế hoạch đi nghiên cứu thực tế lộ trình rõ ràng, khuyến khích giảng viên chủ động đăng ký tham gia nghiên cứu thực tế có kỳ hạn để

nâng cao kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm. Lãnh đạo các khoa chuyên môn, các phòng tham mưu tiếp tục nghiên cứu và đề xuất những kiến nghị, giải pháp thực hiện hoạt động nghiên cứu thực tế của giảng viên theo dự thảo Đề án đã trình, trong đó chú trọng các giải pháp về đảm bảo các điều kiện thời gian, công việc và cơ chế chính sách cho đội ngũ giảng viên tham gia nghiên cứu thực tế tại địa phương. Đặc biệt, sau khi Đề án cử giảng viên đi nghiên cứu thực tế có kỳ hạn của Nhà trường giai đoạn 2020 - 2030 được thông qua, các khoa, phòng chủ động xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể từ nay đến năm 2030 triển khai cử giảng viên, viên chức đi nghiên cứu thực tế có kỳ hạn tại địa phương, cơ sở trong đó có các giải pháp cụ thể đảm bảo hoạt động, công tác của Nhà trường trong thời gian giảng viên khoa đi nghiên cứu thực tế, đảm bảo chủ động các nội dung công tác.

Thứ hai: Đối với cán bộ, giảng viên của nhà trường. Giảng viên khi đi nghiên cứu thực tế cần trao đổi thông tin với đơn vị tiếp nhận để được phân công nhiệm vụ theo khả năng và gần với công tác chuyên môn, tạo điều kiện hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công ở đơn vị tiếp nhận. Đặc biệt, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở, giảng viên phải chấp hành nghiêm các quy định, nội quy, quy chế tại cơ sở; tăng cường mối quan hệ hòa đồng, hợp tác, thân thiện với cán bộ, công chức, người dân... ở cơ sở đồng thời tích cực, chủ động trong công việc, góp phần quảng bá hình ảnh văn hóa, thương hiệu trường chính trị tinh. Giảng viên chủ động cân đối thời gian, sắp xếp công việc, bên cạnh tham gia, giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên môn, vị trí công tác khi được phân công tại cơ sở, giảng viên phải nghiên cứu, bổ sung, phát triển lý luận và kiểm nghiệm lý luận với thực tiễn để hoàn thành mục tiêu của

chuyên nghiên cứu thực tế tại địa phương, cơ sở.

Hàng năm, mỗi giảng viên căn cứ vào nhiệm vụ cụ thể của mình xây dựng kế hoạch nghiên cứu thực tế cá nhân, khoa sẽ tổng hợp lại thành kế hoạch nghiên cứu thực tế của khoa và gửi về Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học tổng hợp trình Hiệu trưởng phê duyệt. Sau khi kế hoạch được phê duyệt Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học cùng với các khoa chuyên môn sẽ phối hợp xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo như kế hoạch đã được phê duyệt. Kết thúc chuyến đi nghiên cứu thực tế, mỗi giảng viên viết bài báo cáo trình qua Hội đồng Khoa học nhà trường đánh giá và phê duyệt sau đó gửi về Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học lưu trữ.

Thứ ba: Đối với Tỉnh ủy, HĐND, UBND và các cơ quan liên quan. Cần sớm ban hành Đề án, ban hành cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho cán bộ giảng viên Trường Chính trị trần Phú được luân chuyển, biệt phái về cơ sở. Phải xem việc đưa giảng viên trường Đảng về cơ sở là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là cơ hội để đào tạo những giảng viên vừa giỏi về lý luận vừa có kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quản lý./.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ...

(Tiếp theo trang 58)

và TikTok. Sử dụng hình thức nội dung hấp dẫn như video ngắn, infographics, và các bài viết tương tác có thể giúp truyền tải thông tin một cách sinh động và dễ tiếp cận.

Bốn là, tổ chức các buổi đào tạo và hội thảo. Tổ chức các buổi đào tạo và hội thảo về an ninh mạng là một cách hiệu quả để nâng cao nhận thức và kỹ năng của người dân. Các buổi đào tạo có thể được tổ chức tại cộng đồng, trường học, và doanh nghiệp, và nên được thiết kế theo dạng thực hành để người dân có thể áp dụng ngay những kiến thức học được. Các hội thảo nên bao gồm các chủ đề như bảo mật thông tin cá nhân, nhận diện các nguy cơ trực tuyến, và cách bảo vệ dữ liệu.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp trên sẽ giúp nâng cao hiệu quả tuyên truyền luật an ninh mạng tại Việt Nam, từ đó cải thiện nhận thức và hành vi của người dân về bảo mật thông tin và an ninh mạng. Việc áp dụng đồng bộ và sáng tạo các giải pháp này không chỉ góp phần bảo vệ thông tin cá nhân mà còn nâng cao an toàn mạng và phát triển bền vững trong môi trường số tại Việt Nam hiện nay./.

Danh mục tài liệu tham khảo:

1. Công ty cổ phần Công nghệ An ninh mạng quốc gia Việt Nam, “*Tổng kết An ninh mạng Việt Nam năm 2023 và dự báo năm 2024*”, Truy cập lần cuối: 13h43’ ngày 16/7/2024.

2. DataReportal - Global Digital Insights, “*Digital 2024: VietNam*”, truy cập lần cuối: 15h30’ ngày 16/7/2024.

3. Tạp chí Điện tử Luật sư Việt Nam, “*Mỗi tháng có gần 1200 vụ tấn công mạng vào các hệ thống tại Việt Nam*”, truy cập lần cuối: 19h56’ ngày 17/7/2024.

4. Kaspersky, 18:20 ngày 24/6/2024 - “*Mỗi ngày có hơn 36.000 cuộc tấn công trực tuyến nhắm vào các doanh nghiệp Đông Nam Á trong năm 2023*”, truy cập lần cuối: 20h54’ ngày 17/7/2024.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG GIẢNG DẠY CHUYÊN ĐỀ KỸ NĂNG RA QUYẾT ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH Ở CƠ SỞ

✧ TS. NGUYỄN DUY LONG
Khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt: Lãnh đạo và quản lý là những hoạt động xuất hiện một cách tất yếu khi nhiều người cùng làm việc với nhau nhằm thực hiện một công việc chung nào đó. Mỗi cá nhân khi tham gia tổ chức đều có mục tiêu, lợi ích và khả năng nhất định nhưng để đạt được mục tiêu chung của tổ chức, tất cả họ đều phải phối hợp với nhau, làm việc cùng nhau. Vì vậy, để hoạt động đạt được hiệu quả cao, cần có một người, nhóm người đứng ra làm nhiệm vụ điều phối các bộ phận, cá nhân trong tổ chức để họ phối hợp với nhau nhịp nhàng hơn, hiệu quả hơn. Trong đó ra quyết định là sản phẩm của lãnh đạo và quản lý, tuy nhiên, kỹ năng ra quyết định lãnh đạo và kỹ năng ra quyết định quản lý có những điểm chung, nhưng có sự khác nhau. Vì vậy, khi giảng dạy kỹ năng ra quyết định và tổ chức thực hiện quyết định cần thiết phải làm rõ nội dung này.

Môn học Kỹ năng lãnh đạo, quản lý là một trong những môn học trong học phần Quản lý hành chính Nhà nước và Kỹ năng lãnh đạo, quản lý của Chương trình Trung cấp lý luận chính trị. Môn học này bao gồm 11 chuyên đề với mục tiêu trang bị kiến thức, kỹ năng và hình thành tư tưởng cho học viên về các nội dung: Hoạt động lãnh đạo, quản lý ở cơ sở; kỹ năng thu thập và xử lý thông tin trong lãnh đạo, quản lý ở cơ sở; kỹ năng điều hành công sở ở cơ sở; kỹ năng phối hợp công tác ở cơ sở; kỹ năng xây dựng, tổ chức thực hiện đề án, dự án, chương trình hành động, kế hoạch công tác ở cơ sở; kỹ năng đánh giá và sử

dụng cán bộ, công chức, viên chức ở cơ sở; kỹ năng xử lý tình huống trong lãnh đạo, quản lý ở cơ sở; kỹ năng tuyên truyền, vận động ở cơ sở; kỹ năng tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân ở cơ sở; kỹ năng soạn thảo và ban hành văn bản ở cơ sở. Môn học hướng tới kỹ năng lãnh đạo, quản lý trên một số lĩnh vực chủ yếu.

Tuy nhiên, nội dung chuyên đề Kỹ năng ra quyết định và tổ chức thực hiện quyết định ở cơ sở chưa bảo đảm tính thống nhất với chuyên đề Hoạt động lãnh đạo, quản lý ở cơ sở. Ngay trong chuyên đề thứ nhất đã có sự phân biệt giữa lãnh đạo và quản lý, mặc dù sự phân biệt này

có tính tương đối, trong lãnh đạo có quản lý và ngược lại, trong quản lý có lãnh đạo; giữa lãnh đạo và quản lý có sự giống nhau nhưng lại có sự khác nhau. Mục đích của chuyên đề thứ nhất là giúp cho học viên áp dụng trong thực tiễn lãnh đạo, quản lý: lúc nào thì lãnh đạo và lúc nào thì quản lý, bởi hiện nay, có sự nhất thể hóa về chức danh. Chính vì vậy, kỹ năng ra quyết định lãnh đạo và kỹ năng ra quyết định quản lý ở trong một chừng mực nhất định nào đó có điểm chung, nhưng có sự khác nhau. Vì vậy, khi giảng dạy chuyên đề Kỹ năng ra quyết định và tổ chức thực hiện quyết định ở cơ sở cũng cần phân biệt giữa quyết định lãnh đạo và quyết định quản lý.

Một trong những hoạt động trọng tâm của người lãnh đạo là ra các quyết định. Thành công của hoạt động lãnh đạo được thể hiện ở các quyết định kịp thời, sáng suốt. Quyết định lãnh đạo được xem xét như là một kết quả, một sản phẩm của hoạt động lãnh đạo. Đó là những “văn bản” hoặc “tuyên bố bằng lời” thể hiện các phương án giải quyết thách thức lãnh đạo, trong đó chỉ ra phương hướng xử lý và cam kết về các nguồn lực để thực hiện theo phương hướng đó. Giữa quyết định lãnh đạo và quyết định quản lý có sự giống và khác nhau, cụ thể:

Thứ nhất, sự khác nhau về chức năng của hoạt động lãnh đạo và hoạt động quản lý. Chức năng của hoạt động lãnh đạo là thiết lập và định hướng tầm nhìn, chiến lược và tương lai của tổ chức, là tạo sự thay đổi có ý nghĩa lâu dài và quan trọng. Vì vậy, quyết định lãnh đạo thường là các quyết định tạo ra sự thay đổi, với nghĩa là tạo ra một tình trạng mới, kiến tạo tương lai mới cho tổ chức. Đó là các quyết

định mang tính căn bản, toàn diện và lâu dài, có ý nghĩa sống còn tới sự thành bại, thịnh suy của tổ chức. Còn chức năng của hoạt động quản lý là tổ chức và duy trì các hoạt động một cách thông suốt, hiệu quả, nhằm thực hiện các nhiệm vụ, chiến lược đã được người lãnh đạo hoạch định. Vì vậy, quyết định quản lý thường là các quyết định để xử lý các công việc hàng ngày, nhằm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cụ thể, định kỳ.

Thứ hai, sự khác biệt ở tính chất của vấn đề cần phải ra quyết định giải quyết. Việc phân biệt vấn đề nan giải (wicked problems) và các vấn đề thông thường (tame problems) đã xuất hiện trong nghiên cứu của Rittel và Weber. Việc nhìn nhận và phân loại hai nhóm vấn đề này cũng là cơ sở để nhìn nhận sự khác biệt tương đối giữa hoạt động “lãnh đạo” và “quản lý” trong nghiên cứu hiện nay.

Trong tổ chức, các vấn đề thông thường (tame problems) là các vấn đề có thể được giải quyết một cách tuần tự theo các quy trình có sẵn và thủ tục hợp lý, với sự phân công và phân quyền thích hợp. Những vấn đề thông thường, tuy phức tạp và thậm chí có thể mới về quy mô, phạm vi, song vẫn có các trường hợp tương tự đã được giải quyết. Các vấn đề thông thường có một số tính chất quan trọng là: có thể xác định được rõ bản chất của nó; có thể xác định được quy trình và thủ tục cũng như các phương án khả thi để giải quyết các vấn đề đó, hoặc từ các trường hợp sẵn có, hoặc mô phỏng các quy trình, tổ chức tương tự trong lịch sử; có thể đánh giá được về tính tối ưu của các cách giải quyết theo các tiêu chí khách quan. Các quyết định liên quan đến việc xử lý các

vấn đề thông thường như vậy thường là quyết định quản lý. Các quyết định về kế hoạch hoạt động của tổ chức theo những mục tiêu đã được bàn bạc thống nhất là những quyết định loại này.

Bên cạnh những vấn đề thông thường, người lãnh đạo còn phải đương đầu với các thách thức mới, phải đối diện với những vấn đề mang tính phức hợp, bất định và chưa có tiền lệ, đó là vấn đề nan giải (wicked problems, vấn đề nan giải có nguồn gốc từ bối cảnh phức hợp của đời sống xã hội. Đó là các vấn đề mang tính mở cao, sự tương tác nhanh, mạnh, diễn biến khó lường, chưa có tiền lệ trong xử lý. Các vấn đề này xuất hiện ngày càng nhiều hơn trong bối cảnh mới của đời sống xã hội hiện đại, trong bối cảnh của các hệ thống động ngày càng kết nối và tương tác chặt chẽ. Về tổng quát, quyết định để xử lý các vấn đề nan giải được gọi là quyết định lãnh đạo. Các quyết định lãnh đạo có đặc điểm là phạm vi cần giải quyết rộng, có mối quan hệ phức tạp nhiều chiều (trên - dưới, trong - ngoài, quá khứ - hiện tại - tương lai), cần xử lý một lượng lớn thông tin (nhưng đôi khi vẫn thiếu thông tin). Điều đáng lưu ý là, không có mô hình lý luận sẵn có hoặc tiền lệ nào để dễ dàng mô phỏng, bắt chước hoàn toàn, mà cần dựa nhiều vào năng lực tư duy, sự miễn cảm, nhạy bén và năng lực sáng tạo của người ra quyết định. Những quyết định liên quan tới lựa chọn chiến lược phát triển, lựa chọn mô hình phát triển của một tổ chức, các quyết định xử lý khủng hoảng... được xếp là những quyết định lãnh đạo.

Nói tóm lại, thực tiễn giảng dạy môn kỹ năng lãnh đạo, quản lý nói chung và chuyên đề kỹ năng ra quyết định và tổ

chức thực hiện quyết định ở cơ sở nói riêng, giảng viên cần làm rõ hơn về quyết định lãnh đạo và quyết định quản lý, nhằm trang bị cho người học có một tầm nhìn bao quát hơn./.

Tài liệu tham khảo:

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị: Kỹ năng lãnh đạo, quản lý, Nxb.Lý luận chính trị, H.2021.
2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: Giáo trình Khoa học lãnh đạo (Dùng cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị), Nxb.Lý luận chính trị, H.2021.
3. Đặng Phong: Phá rào trong kinh tế vào đêm trước đổi mới, Nxb.Tri thức, H.2013.
4. Tài liệu lưu hành nội bộ: Lãnh đạo vì sự phát triển bền vững, Viện Lãnh đạo học và Chính sách công, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, H.2012.
5. Daniel Kahneman: Tư duy nhanh và chậm - nên hay không nên tin vào trực giác, Nxb.Thế giới và Alphabooks.
6. David J. Snowden and Mary E.Boone: A Leader's Framework for Decision Making, Harvard business review, November, 2007.
7. Martin Rama - dựa trên các cuộc nói chuyện với cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt cùng GS Đặng Phong và Đoàn Hồng Quang: Những quyết sách khó khăn: Việt Nam trong giai đoạn chuyển đổi, i,
8. Tài liệu lãnh đạo công vì phát triển bền vững ở Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hợp tác với Viện Khoa học lãnh đạo và Quản lý (ELI), Trường Quản lý nhà nước Mark O.Hatfield, Đại học Tổng hợp Portland (PSU).

XÂY DỰNG VĂN HÓA, CON NGƯỜI HÀ TĨNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

✧ ThS. NGUYỄN THỊ THẢO LINH
Phòng QLĐT&NCKH

Tóm tắt: Thời gian qua, nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò của văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, mục tiêu, động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh, cấp uỷ, chính quyền các cấp ở Hà Tĩnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư nguồn lực xây dựng và phát triển văn hoá, con người. Nhiều giá trị, chuẩn mực văn hóa, con người mới được bổ sung, phát triển, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Tuy nhiên, kết quả phát triển văn hóa, con người nhìn chung chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu của sự phát triển. Vì vậy, trong thời gian tới, cần tiếp tục khơi thông nguồn lực xây dựng, phát triển văn hóa, con người Hà Tĩnh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững tỉnh nhà.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhìn nhận đúng đắn về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của văn hóa, con người đối với sự phát triển của đất nước. Người viết: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”¹. Người cũng chỉ rõ, văn

hóa là nguồn lực nội sinh, nguồn động lực cho sự phát triển đất nước. Nguồn động lực văn hóa mạnh mẽ hay không phụ thuộc vào nhân tố con người - chủ thể sáng tạo của văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, Người luôn chú trọng phát triển văn hóa giáo dục, diệt “giặc dốt”, nâng cao dân trí. Với quan điểm: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”, nên “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”².

Thực hiện những di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta luôn kiên định và quan tâm lãnh đạo xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Đảng ta đã ban hành Nghị

quyết số 03-NQ/TW ngày 16-7-1998 về Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Hội nghị khẳng định, bên cạnh việc xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, cần xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống... Xây dựng và phát triển văn hóa, con người là tiền đề trong phát triển xã hội. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước xác định mục tiêu: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định đường lối xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, con người Việt Nam phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Đại hội xác định mục tiêu: “Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc”. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định vai trò, ý nghĩa đặc biệt của việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực

sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”. Văn hóa là động lực phát triển đất nước và con người với “tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”.

Hà Tĩnh là vùng địa linh nhân kiệt, có bề dày truyền thống văn hóa. Hệ thống các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đa dạng và rất phong phú; vừa được phân bố khá đồng đều trên địa bàn toàn tỉnh, vừa có tính tập trung ở một số vùng là cái nôi văn hóa như: Can Lộc, Nghi Xuân, Đức Thọ, Hương Sơn... Với hơn 1.800 di tích lịch sử - văn hóa được xây dựng rộng khắp 13 địa phương trên toàn tỉnh và có sự tập trung cao ở một số địa phương, tạo thành cái nôi văn hóa với những đặc tính riêng biệt như: Can Lộc, Đức Thọ, Nghi Xuân, Hương Sơn... Con người Hà Tĩnh với những tính cách đặc trưng không chỉ tạo nên những bản sắc riêng của văn hóa Hà Tĩnh mà còn góp phần tạo nên căn cứ để định hình đặc trưng của tiểu vùng văn hóa Xứ Nghệ. Trên cơ sở quán triệt các quan điểm chỉ đạo, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong thời kỳ mới và kế thừa, phát huy truyền thống lịch sử văn hóa của một vùng đất “địa linh nhân kiệt”, trong những năm qua, sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự tham gia tích cực của các ngành, các cấp, các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở, sự hưởng ứng nhiệt tình của quần chúng nhân dân và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Các địa phương, đơn vị đã có nhiều cách làm sáng tạo, lựa chọn các hình thức

tuyên truyền phong phú, hiệu quả; quan tâm phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị, đội ngũ báo cáo viên, hệ thống thông tin đại chúng, cổ động trực quan... trong tuyên truyền các chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển văn hóa, con người. Xác định con người là chủ thể, giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển; phát triển văn hóa, xây dựng con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp đổi mới, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã tập trung đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân. Tỉnh luôn chú trọng công tác giáo dục truyền thống văn hóa, cách mạng của quê hương, đất nước cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Đặc biệt thường xuyên quan tâm giáo dục về truyền thống “tôn sư, trọng đạo”, “đền ơn đáp nghĩa”, truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái vì cộng đồng.

Những đức tính cần cù, hiếu học, trọng nghĩa tình, đoàn kết, tương thân tương ái của con người Hà Tĩnh ngày càng được khẳng định và phát huy trong công cuộc xây dựng và phát triển quê hương. Nhiều nét mới trong giá trị văn hóa và chuẩn mực đạo đức người Hà Tĩnh từng bước được hình thành, phát triển. Nhận thức về chính trị, tư tưởng, phẩm chất đạo đức, lối sống, truyền thống hiếu học, yêu nước, trình độ hiểu biết xã hội của người dân được nâng cao; ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm của công dân đối với đất nước, với cộng đồng được khơi dậy và phát huy mạnh mẽ, niềm tin của nhân

dân đối với sự lãnh đạo của Đảng ngày càng được củng cố và tăng cường.

Những năm qua, Tỉnh ủy, HĐND, UBND đã ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết, cơ chế, chính sách đúng đắn nhằm gắn chặt với phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện các mũi đột phá, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh đưa phong trào tỉnh nhà có những bước phát triển toàn diện. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với phong trào xây dựng Nông thôn mới được đẩy mạnh. Cuối năm 2023, toàn tỉnh đã có 93,8% gia đình được công nhận gia đình văn hóa. Câu lạc bộ Gia đình hạnh phúc ở các địa phương hoạt động thường xuyên đã góp phần xây dựng gia đình ngày càng no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, tạo môi trường giáo dục, nuôi dưỡng con người phát triển toàn diện, giảm tình trạng bạo lực gia đình; phát huy vai trò của gia đình trong xây dựng môi trường văn hóa, làm cho văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người hoàn thiện nhân cách. Phong trào thể thao quần chúng ngày càng phát triển, liên tục nằm trong 10 tỉnh dẫn đầu toàn quốc; thể thao thành tích cao giành nhiều kết quả nổi bật. Việc xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội đạt kết quả thiết thực. Nhiều lễ hội truyền thống được khôi phục, phát huy.

Các thiết chế văn hóa được đầu tư khá quy mô, phát huy hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội. Đến nay, 100% làng văn hóa, khối phố văn hóa trên toàn tỉnh xây dựng nhà văn hóa với diện tích từ 100m² - 250m².

Là địa phương có bề dày về hệ thống di tích với hơn 1.800 di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, Hà Tĩnh luôn

quan tâm bảo tồn và phát huy các di sản gắn với phát triển du lịch. Công tác nghiên cứu, khai quật khảo cổ học được quan tâm triển khai. Văn hóa phi vật thể và các hình thức sinh hoạt cộng đồng được quan tâm, phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng. Nhiều lễ hội truyền thống được bảo tồn và phát huy. Dân ca ví, giặm Nghệ Tĩnh được UNESCO ghi vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; ca trù ghi vào di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại cần được bảo vệ khẩn cấp; Mộc bản Trường học Phúc Giang và Hoàng Hoa sứ trình đồ được ghi vào danh mục di sản tư liệu ký ức thế giới khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Hà Tĩnh hiện có khoảng 30 dân tộc thiểu số cùng chung sống với người Kinh. Việc bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số luôn được tỉnh quan tâm. Nhờ đó, nhận thức và trình độ hiểu biết của đồng bào các dân tộc ngày càng được nâng lên, đa số đều đã biết đọc, biết viết tiếng Việt. Đồng bào dân tộc Chứt ở xã Hương Liên (Hương Khê) đã thành lập được chi bộ Đảng.

Bên cạnh đó, hệ thống thông tin đại chúng phát triển nhanh từ tỉnh đến cơ sở. Hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin tiếp tục được đầu tư phát triển, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Đội ngũ văn nghệ sỹ tỉnh nhà luôn sáng tạo, say mê cống hiến, tạo ra nhiều tác phẩm nghệ thuật có giá trị. Các chính sách văn hóa đối với tôn giáo và hợp tác quốc tế đạt nhiều kết quả. Thông qua các cuộc giao lưu đã mở ra nhiều cơ hội tiếp cận, tiếp thu tinh hoa văn hóa của các vùng miền, khu vực và góp phần quảng bá, giới thiệu mảnh đất, con người và văn hóa Hà Tĩnh với bạn bè quốc tế.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình phát triển văn hóa, con người Hà Tĩnh còn bộc lộ những hạn chế nhất định: Quan điểm xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp chưa được triển khai mạnh mẽ, chưa thật sự thấm sâu trong các tầng lớp xã hội. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, bước đầu được ngăn chặn nhưng chưa triệt để. Một số mặt đạo đức xã hội có biểu hiện xuống cấp nghiêm trọng, lối sống thực dụng, hưởng thụ vật chất, khoảng cách giàu - nghèo, phân hóa xã hội đã và đang ảnh hưởng không tốt đến giáo dục lý tưởng, đạo đức, nhân cách con người. Thiếu chiến lược dài hạn về công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ khoa học, chuyên gia nghiên cứu trên các lĩnh vực văn hóa, văn nghệ. Phong trào xây dựng đời sống văn hoá cơ sở, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” chưa toàn diện. Tiềm năng văn hóa ở một số địa phương, đơn vị chưa được khai thác, phát huy; công tác phát triển, sưu tầm và lưu giữ các giá trị bản sắc văn hoá truyền thống như lễ hội, các làn điệu dân ca, nhạc cụ truyền thống... chưa được quan tâm. Lĩnh vực văn học, nghệ thuật phát triển chưa tương xứng với truyền thống văn hóa, con người Hà Tĩnh và yêu cầu phát triển của tỉnh; công tác tuyên truyền, vận động xây dựng văn hóa, con người Hà Tĩnh chưa thường xuyên, liên tục; môi trường văn hóa vẫn chưa thực sự văn minh, lành mạnh...

Để xây dựng và phát triển văn hóa, con người Hà Tĩnh theo hướng bền vững trong giai đoạn hiện nay, cần tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, Tiếp tục thực hiện hiệu quả Kết luận số 76/KL-TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Chương trình hành động của Chính phủ và của tỉnh Hà Tĩnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; Nghị quyết Số 18 - NQ/TU ngày 22/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng, phát triển văn hóa và con người Hà Tĩnh trong giai đoạn mới. Cần xác định rõ xây dựng và phát triển văn hóa, con người là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển văn hóa và xây dựng con người với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị. Đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho con người và cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.

Hai là, chăm lo xây dựng con người Hà Tĩnh phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống, nhân cách, tâm hồn. Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, xây dựng gia đình thực sự là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hóa và giáo dục nếp sống cho con người. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Xây dựng và phát huy lối sống “Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người”.

Ba là, tập trung ưu tiên cho nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hoá cơ sở, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, tốt đẹp, phong phú. Nâng cao chất lượng và tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” bằng những hình thức và biện pháp mới. Chỉ đạo xây dựng mô hình huyện, xã điển hình văn hóa để nhân rộng trên quy mô toàn tỉnh. Tiến hành đồng bộ và sâu rộng cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hoá, gia đình văn hoá trong đó chú trọng việc phát hiện, biểu dương những điển hình tiên tiến đi đôi với phê phán những thói hư tật xấu, những biểu hiện tiêu cực trong xã hội. Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh từ cơ sở, xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống lành mạnh trong mỗi cá nhân, gia đình, cộng đồng, cơ quan, đơn vị; tạo môi trường văn hóa văn minh đô thị, văn hóa trong xây dựng Nông thôn mới. Tích cực đấu tranh bài trừ các sản phẩm văn hóa độc hại, phản động, đồi trụy; khắc phục thái độ xem nhẹ vai trò văn hóa và các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

Bốn là, chú trọng giáo dục, ngăn chặn những suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên trên cơ sở thực hiện nghiêm và có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII, khóa XIII gắn với tiếp tục đẩy mạnh “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Xây dựng người cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng, đạo đức công vụ trong sáng, có kỷ luật, gương mẫu, năng động, giỏi chuyên môn, làm việc khoa học, hết lòng phục vụ Nhân dân. Phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu trong thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước khi thi hành công vụ.

Năm là, chú trọng bảo tồn và phát huy tốt các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể. Tiếp tục khai thác, huy động các nguồn lực cho công tác trùng tu tôn tạo. Phấn đấu 100% di tích lịch sử văn hóa và danh thắng được đầu tư, trùng tu, tôn tạo. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa tiêu biểu, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế, xã hội; gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch. Phát huy các di sản được UNESCO công nhận, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Hà Tĩnh. Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu văn hóa địa phương. Khơi dậy các nhân tố tích cực, nhân văn trong các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, đồng thời đấu tranh phê phán, ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện tiêu cực, lạc hậu, núp bóng tôn giáo để thực hành mê tín, dị đoan.

Sáu là, khuyến khích văn nghệ sĩ sáng tạo các tác phẩm văn học nghệ thuật tiêu biểu có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật, tương xứng với sự nghiệp cách mạng và công cuộc đổi mới của quê hương Hà Tĩnh. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội Liên hiệp văn học, nghệ thuật nhằm tập hợp, tạo điều kiện để văn nghệ sĩ hoạt động tích cực, hiệu quả. Có cơ chế khuyến khích văn nghệ sĩ, nghệ nhân phát huy tài năng, năng lực sáng tác, quảng bá văn học, nghệ thuật với ý thức đầy đủ về trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của mình. Trọng dụng, tôn vinh trí thức, văn nghệ sĩ, nghệ nhân trên cơ sở cống hiến cho tỉnh. Chú trọng phát triển năng khiếu và tài năng trẻ. Tạo mọi điều kiện để đội ngũ văn nghệ sĩ sáng tạo, có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ

thuật cao. Đẩy mạnh sáng tác, quảng bá tác phẩm, công trình về đề tài cách mạng, kháng chiến, lịch sử dân tộc, công cuộc đổi mới của tỉnh nhà.

Bảy là, tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa, tập trung cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng thành chương trình, đề án cụ thể phù hợp với thực tiễn. Đổi mới phương thức lãnh đạo và quản lý đối với sự nghiệp phát triển văn hóa sáng tạo, thiết thực, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, giải tỏa những “điểm nghẽn”, khơi thông để “mạch nguồn” văn hóa lưu thông thuận lợi, phát triển bền vững.

Tám là, xây dựng cơ chế, chính sách phát triển văn hóa đối ngoại phù hợp. Chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các tỉnh của Lào và Thái Lan, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa quốc gia và thế giới, làm phong phú thêm văn hóa địa phương. Chú trọng truyền bá văn hóa Hà Tĩnh, dạy tiếng Việt cho người Hà Tĩnh ở nước ngoài và người nước ngoài ở Hà Tĩnh. Tổ chức các sự kiện văn hóa nghệ thuật quốc gia tại Hà Tĩnh trở thành các sự kiện thường niên, thu hút sự tham gia của các nghệ sĩ và các tổ chức văn hóa nghệ thuật có uy tín, được đông đảo công chúng quan tâm./.

Chú thích:

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.458
2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, t.4, tr.7 (3) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, t.11, tr.528.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TẠI HÀ TĨNH



ThS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY

Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt: Ngân sách địa phương là nguồn lực quan trọng phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội của mỗi địa phương, giúp chính quyền các cấp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của mình. Cơ cấu thu ngân sách địa phương được xác định bảo đảm tính bền vững khi các nguồn thu được dựa trên nền tảng bền vững. Trong giai đoạn hiện nay, để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, Hà Tĩnh cần xác định cơ cấu, tỷ trọng, nguồn gốc của các khoản thu ngân sách địa phương, từ đó chú trọng thực hiện những giải pháp hướng đến tăng thu ngân sách một cách bền vững.

Ngân sách địa phương là các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp địa phương hưởng, thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp địa phương... Ngân sách địa phương chính là nguồn lực để duy trì sự tồn tại và hoạt động của bộ máy chính quyền đồng thời là công cụ giúp chính quyền địa phương các cấp giải quyết các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng... trên địa bàn. Bên cạnh đó ngân sách địa phương còn đóng góp vào sự ổn định và phát triển bền vững của tài chính quốc gia. Vì vậy, hoạt động thu ngân sách địa phương luôn được các cấp chính quyền đặc biệt quan tâm.

Thu ngân sách địa phương bao gồm: Các khoản thu ngân sách địa phương được hưởng 100%; các khoản thu phân chia theo

tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương, thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang¹. Trong đó, các khoản thu ngân sách địa phương được hưởng 100% gồm: Thuế tài nguyên; thuế sử dụng đất nông nghiệp; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; tiền sử dụng đất; tiền cho thuê đất, thuê mặt nước; tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; lệ phí môn bài; lệ phí trước bạ; thu từ hoạt động xổ số kiến thiết... Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương gồm: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế bảo vệ môi trường.

Hà Tĩnh là tỉnh thành có nguồn thu ngân sách khá, năm 2022 và năm 2023 Hà

Tỉnh xếp thứ ba của khu vực Bắc Trung Bộ. Theo các nghị quyết phê duyệt quyết toán hàng năm của tỉnh, năm 2021 thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Hà Tĩnh đạt 16.900 tỷ đồng, trong đó: Thu nội địa đạt 9.324 tỷ đồng, thu hoạt động xuất nhập khẩu đạt 7.566 tỷ đồng². Năm 2022 đạt 18.057 tỷ đồng, trong đó: Thu nội địa đạt 8.769 tỷ đồng, thu hoạt động xuất nhập khẩu đạt 9.249 tỷ đồng³. Năm 2023 ước

tính đạt 17.946 tỷ đồng, trong đó: Thu nội địa đạt 9.168 tỷ đồng, thu hoạt động xuất nhập khẩu đạt 8.778 tỷ đồng. Theo quy định tại Luật ngân sách nhà nước 2015, khoản thu từ hoạt động xuất nhập khẩu là khoản thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn tỉnh và thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương, do vậy khoản thu này không được tính vào thu ngân sách địa phương của tỉnh Hà Tĩnh.

Bảng số liệu quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022
	Thu ngân sách nhà nước	16,900,069	18,056,562
I	Thu nội địa	9,323,973	8,768,621
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	1,107,828	1,004,280
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	90,467	93,628
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1,051,403	1,387,693
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	801,280	896,366
5	Lệ phí trước bạ	630,828	574,610
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	15,059	18,690
7	Thuế thu nhập cá nhân	346,838	488,029
8	Thuế bảo vệ môi trường	788,349	509,569
9	Phí, lệ phí	162,709	139,574
10	Tiền sử dụng đất	3,804,821	3,128,376
11	Thu tiền thuê đất, mặt nước	155,697	127,253
12	Thu tiền sử dụng khu vực biển	12,565	1,092

13	Thu từ bán tài sản nhà nước	48	
14	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		2,148
15	Thu khác ngân sách	264,672	276,036
16	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	47,946	90,091
17	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	34,087	15,204
18	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	1,047	1,244
19	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	8,329	14,738
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	7,566,101	9,248,877
III	Thu Viện trợ		16,397
IV	Các khoản huy động, đóng góp	9,995	22,667

Từ bảng số liệu trên cho thấy, trong cơ cấu thu nội địa của ngân sách địa phương tỉnh Hà Tĩnh, nguồn thu tiền từ cấp quyền sử dụng đất chiếm tỷ trọng khá lớn. Năm 2021 là 3,804 tỷ đồng trên 9.324 tỷ đồng (41%), năm 2022 là 3,128 tỷ đồng trên 8.769 tỷ đồng (36%), năm 2023 là 2,295 tỷ đồng trên 9,168 tỷ đồng (22%). Không riêng Hà Tĩnh, tỉ lệ thu ngân sách từ đất đai những năm gần đây ở các địa phương cũng đang tăng lên nhanh chóng. Năm 2023, tại Quảng Bình thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 5,703 tỷ đồng, trong đó thu từ tiền cấp quyền sử dụng đất là 2,100 tỷ đồng (37%); Nghệ An thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2023 ước đạt 18.136 tỷ đồng, trong đó thu từ tiền cấp quyền sử dụng đất là 5.456 tỷ đồng (30%).

Theo Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, 100% các khoản thu từ đất gồm thu tiền sử dụng đất, thuê đất, thuế sử dụng đất nông nghiệp và phi nông nghiệp được

để lại cho ngân sách địa phương, phục vụ nhiệm vụ chi đầu tư phát triển cho chương trình, dự án theo từng lĩnh vực cụ thể như an ninh quốc phòng, giáo dục đào tạo, y tế dân số, văn hóa, kinh tế... Kinh tế tỉnh Hà Tĩnh đang bước vào giai đoạn phát triển, các khoản thu ngân sách không cao. Do đó, các khoản thu từ đất đóng vai trò khá quan trọng, là nguồn kinh phí thực hiện các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng trên địa bàn Tỉnh và hoàn thành các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tạo nguồn thu lớn cho ngân sách địa phương, góp phần nâng cao chất lượng sống cho người dân trên địa bàn. Tuy nhiên, các khoản thu từ đất là nguồn thu không ổn định, trong đó, tiền sử dụng đất là nguồn thu một lần, bằng cách giao đất cho các cá nhân và các tổ chức khác, Nhà nước đang thực hiện việc bán quyền tài sản của mình cho người sử dụng đất. Nguồn thu này sẽ giảm khi quỹ đất ngày càng giảm, nhiều đất được phân

bỏ cho khu vực tư nhân, từ đó sẽ tác động theo chiều hướng giảm đến nguồn thu ngân sách những năm tiếp theo. Đây chính là bài toán nan giải không chỉ của Hà Tĩnh. Ngoài ra, để có số thu cao, nhiều địa phương ưu tiên tập trung mọi nguồn lực xã hội vào quy hoạch, xây dựng hạ tầng để bán đất, chưa quan tâm đúng mức phát triển các nguồn thu ngân sách khác; chú trọng vào số lượng thu, chưa thật sự chú trọng định hướng đa dạng hoá các nguồn thu bền vững từ các hoạt động kinh tế, xã hội, các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh. Đây là biểu hiện của sự phát triển không bền vững, bởi thực tiễn cho thấy, tập trung nguồn lực xã hội vào lĩnh vực dễ dãi nhất về dài hạn rất nguy hiểm, đất đai là nguồn tài nguyên không thể tái tạo, quỹ đất không còn đồng nghĩa cũng không còn nguồn thu.

Để phát triển thu ngân sách địa phương một cách bền vững, cân đối được thu, chi ngân sách, cần thoát ly tư tưởng thụ động dựa vào đất để có thu, trong lộ trình phát triển tỉnh Hà Tĩnh cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tập trung phát triển kinh tế, xã hội địa phương gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Hà Tĩnh xác định mục tiêu phát triển cơ cấu kinh tế đến năm 2030: ngành công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 60,3%; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 7,9%; ngành dịch vụ chiếm 26,6% và thuế sản phẩm 5,14%. Theo đó, cần tập trung phát triển vào các sản phẩm có tiềm năng lợi thế như công nghiệp luyện thép, dệt may, công nghiệp hỗ trợ, chế tạo sau thép và sản xuất điện, phải duy trì tốc độ tăng trưởng cao, xác định là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế tỉnh. Tăng cường thu hút đầu tư vào công nghiệp trên nền tảng lợi thế về hạ tầng cảng

biên và các khu kinh tế, công nghiệp... Phát triển đa dạng các loại hình, sản phẩm du lịch, trong đó tập trung phát triển các khu du lịch ven biển, đầu tư khai thác hiệu quả các sân gôn, dịch vụ thể thao, giải trí... Tập trung phát triển dịch vụ logistics đưa Hà Tĩnh trở thành cửa ngõ, trung tâm trung chuyển hàng hóa, kho bãi đáp ứng đa phát triển thương mại, xuất nhập khẩu của vùng Bắc Trung bộ.

Thứ hai, phát triển nguồn thu bền vững từ thuế, phí, lệ phí. Cục Thuế tỉnh cần khai thác triệt để các nguồn thu, tăng cường công tác thanh, kiểm tra, chống thất thu thuế; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, thực hiện tốt công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế. Bên cạnh đó, đẩy mạnh cải cách hành chính thuế, hiện đại hóa ngành thuế, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thuế; tập trung rà soát, chuẩn hóa dữ liệu nợ thuế trong toàn ngành, tăng cường các biện pháp giải quyết dứt điểm nợ thuế. Nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ thuế trong thực thi công vụ, thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động cơ quan thuế... Đồng thời quyết liệt chống chuyển giá, tăng cường phối hợp giữa cơ quan thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách với các sở, ngành, địa phương trong thu hồi nợ thuế. Thường xuyên rà soát, đánh giá lại các nguồn thu nhằm xác định rõ những nguồn thu không ổn định, nguồn thu chưa khai thác hết, còn thất thu; hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới.

Thứ ba, chú trọng nuôi dưỡng nguồn thu thông qua việc tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Môi trường đầu tư thuận lợi là một trong những yếu tố then chốt ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư. Cần tạo lập môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn, có tính cạnh tranh cao để thu hút các đối tác đầu tư mới, giữ chân đối tác hiện có thông qua việc giữ vững môi trường chính trị ổn định, không để phát sinh các điểm nóng về chính trị; môi trường pháp lý công bằng, minh bạch, rõ ràng; xây dựng kết cấu hạ tầng phù hợp, dùng đầu tư công để thu hút đầu tư, đồng thời tạo môi trường văn hóa thuận lợi, khuyến khích, tôn vinh làm giàu, đóng góp cho quê hương; tạo quỹ đất sạch để mời gọi các nhà đầu tư, tập đoàn lớn, có uy tín tham gia vào những dự án chiến lược; tiếp tục hoàn thiện những chính sách “trải thảm đỏ” để mời gọi các nhà đầu tư. Nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Duy trì các kênh thông tin, giữ mối liên hệ thường xuyên với các nhà đầu tư nhằm nắm bắt và đề xuất giải quyết kịp thời vướng mắc, khó khăn cho nhà đầu tư, doanh nghiệp. Tăng cường giám sát, cập nhật tiến độ thực hiện các dự án. Những dự án đầu tư chậm, sử dụng không hiệu quả các nguồn lực, nhất là nguồn lực đất đai, cơ sở hạ tầng, để kịp thời tháo gỡ khó khăn, điều chỉnh các biện pháp quản lý hiệu quả hơn, xây dựng nguồn thu ngân sách ổn định.

Thứ tư, Tiếp tục cải cách lại hệ thống thuế nhà đất, thu thuế tài sản với nhà đất. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, Hà Tĩnh cần kiến nghị Trung ương cải cách lại hệ thống thuế nhà đất, thu thuế tài sản với nhà đất. Cụ thể thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất chuyển sang thành thu thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp. Hiện nay mức thu dựa trên

tiền bán đất chứ không thu dựa trên thu nhập hay chênh lệch giá nên sai về nguyên lý thuế. Nhiều người có thể sở hữu hàng chục nhà đất, giá trị cả trăm tỉ đồng nhưng không thu được thuế vì họ không thực hiện giao dịch, chuyển nhượng.

Thu ngân sách nhà nước bền vững kết hợp với chi ngân sách nhà nước có tính chiến lược là hai nội dung trọng yếu của chính sách tài khóa bền vững. Cơ cấu thu ngân sách địa phương được xác định bảo đảm tính bền vững khi các nguồn thu được dựa trên nền tảng vững chắc là một nền kinh tế khỏe mạnh, có năng lực, sức cạnh tranh và có hiệu quả, được thể hiện ở tiêu chí có mức tích lũy và giá trị gia tăng cao; đồng thời, số thu ngân sách không hoặc ít bị phụ thuộc vào nguồn khai thác tài nguyên thiên nhiên, bán đất đai công sản. Năm 2023, Hà Tĩnh là một trong 10 địa phương thu hút vốn FDI lớn nhất cả nước, đồng thời tăng 10 bậc về chỉ số cải cách hành chính, kết quả này cho thấy sự nỗ lực vào cuộc quyết liệt của chính quyền địa phương các cấp trong công tác chỉ đạo, điều hành xây dựng môi trường đầu tư thuận lợi, tạo điều kiện tối đa phát triển kinh tế xã hội, góp phần tăng thu ngân sách địa phương Hà Tĩnh một cách bền vững./.

Tài liệu tham khảo:

1. Luật Ngân sách nhà nước 2015.
2. Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh về Phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2021.
3. Nghị quyết số 143/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh về Phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2022.

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

✧ ThS. THÁI THỊ HIỀN

Phòng Quản lý đào tạo và Nghiên cứu khoa học

Tóm tắt: Trong bối cảnh hiện nay, việc tiết kiệm, chống lãng phí đang trở thành một trong những yêu cầu bức thiết, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, tiêu chuẩn không thể thiếu mà mỗi cán bộ, đảng viên cần phải thực hành nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lực của quốc gia, địa phương, cơ quan, đơn vị, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi những tiêu cực dẫn đến hành vi suy thoái, tham nhũng trong cán bộ, đảng viên. Vì vậy, đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên Trường Chính trị Trần Phú nhằm không ngừng phát huy tiềm năng, thế mạnh, thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được giao, sớm hoàn thiện các tiêu chí xây dựng Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn trong thời gian tới.

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là những phẩm chất cơ bản trong hệ thống quan điểm đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh và chính Người là tấm gương mẫu mực về thực hành những chuẩn mực đạo đức đó. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiết kiệm là “không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi”⁽¹⁾. Người tiết kiệm là phải biết cân đối, tính toán các nguồn lực để chi phí bỏ ra nhỏ nhất mà lại đạt được mục tiêu cao nhất, theo phương châm: “1 giờ làm xong công việc của 2, 3 giờ. 1 người làm bằng 2, 3 người. 1 đồng dùng bằng giá trị 2, 3 đồng”⁽²⁾.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và trong cuộc sống hàng ngày, mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn nâng cao ý thức về thực hành tiết kiệm. Tuy nhiên, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiết kiệm không có nghĩa là bủn xỉn, càng không phải là “xem đồng tiền to bằng cái nóng”, gặp việc đáng làm cũng không làm, đáng tiêu cũng không tiêu. Không phải ép mọi người nhịn ăn, nhịn mặc, mà trái lại, cốt để giúp vào tăng gia sản xuất, để dần dần nâng cao

mức sống của nhân dân; để tích trữ thêm vốn cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, để cải thiện đời sống nhân dân. Không phải chỉ nước nghèo mới thực hành tiết kiệm, mà cả nước giàu cũng phải tiết kiệm. Bởi vậy, “Nói theo lối khoa học, thì tiết kiệm là tích cực, chứ không phải là tiêu cực”⁽³⁾. Đi đôi với thực hành tiết kiệm là chống lãng phí và Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã chỉ rõ tác hại của nạn lãng phí: “Tham ô có hại; nhưng lãng phí có khi còn hại nhiều hơn: Nó tai hại hơn tham ô vì lãng phí rất phổ biến...”⁽⁴⁾. Người nhiều lần nhấn mạnh: Lãng phí không phải chỉ là tiêu tốn tiền của, mồ hôi nước mắt của Nhân dân, mà nguy hiểm hơn là tham ô, lãng phí và quan liêu là thứ “giặc nội xâm” nguy hiểm, làm tha hóa, suy thoái đạo đức cách mạng, phá hoại tinh thần trong sạch, ý chí vượt khó của cán bộ, đảng viên, là nguy cơ đe dọa trực tiếp đến an nguy quốc gia và sự tồn vong của chế độ.

Nhận thức tầm quan trọng của công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ

trương, chính sách nhằm đẩy mạnh công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cán bộ, đảng viên, Hiến pháp năm 2013 quy định rõ: “Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng trong hoạt động kinh tế - xã hội và quản lý nhà nước”; Chỉ thị 21-CT/TW, ngày 21/12/2012 của Ban Bí thư về đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí yêu cầu cán bộ, đảng viên phải gương mẫu chấp hành các quy định về việc cưới, việc tang, lễ hội; Quy định 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng nêu rõ về vấn đề này. Nhờ vậy, trong những năm qua, việc thực hiện chủ trương của Đảng về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã tạo được chuyển biến tích cực; chính sách, pháp luật của nhà nước tiếp tục được hoàn thiện, khắc phục tồn tại, hạn chế, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực tiễn; công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát được tăng cường. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu nghiêm túc quán triệt, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, góp phần quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại; động viên các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, nhận thức về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí vẫn chưa sâu sắc, đầy đủ; có lúc, có nơi tổ chức chưa tốt, chấp hành chưa nghiêm; một số cơ quan, đơn vị, địa phương, một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu trong thực hành tiết

kiệm, chống lãng phí; tình trạng lãng phí, thất thoát còn nhiều, một số trường hợp rất nghiêm trọng. Chính sách, pháp luật, nhất là chế độ quản lý tài chính, tín dụng, tài sản công, đầu tư công, đất đai, đấu thầu, quản lý vốn, tài sản nhà nước chưa hoàn thiện, còn bất cập. Việc thực hiện kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán có liên quan đến vấn đề này còn chậm. Công tác vận động, tuyên truyền cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chưa được quan tâm đúng mức. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng bên cạnh việc khẳng định những kết quả cụ thể, rõ rệt trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đồng thời cũng chỉ rõ: “Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí... chưa có chuyển biến rõ rệt... Việc phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí vẫn còn hạn chế... Tham nhũng, lãng phí... vẫn còn nghiêm trọng, phức tạp, với những biểu hiện ngày càng tinh vi, gây bức xúc trong xã hội”⁽⁵⁾.

Từ thực trạng đó đặt ra yêu cầu cho tất cả cơ quan, đơn vị và mỗi cán bộ, đảng viên khi thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao cần quán triệt, quan tâm tới công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Vì vậy, với chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị các cấp; tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương, Trường Chính trị Trần Phú là một trong những đơn vị phải gương mẫu, đi đầu trong việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và làm tốt công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để sử dụng và phát huy nguồn nhân lực, vật lực, tài lực hiện có của Nhà trường là nội dung hết sức quan trọng, quyết định chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ chính trị được giao. Vì vậy, trong

thời gian tới, Nhà trường cần tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp sau:

Thứ nhất, chủ động tuyên truyền nâng cao nhận thức và ý chí quyết tâm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên Nhà trường. Thông qua các hội nghị, các buổi chào cờ đầu tháng, sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên môn của các khoa, phòng hay các đoàn thể để kịp thời tổ chức phổ biến, quán triệt tới đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên Nhà trường các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhất là những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể được xác định trong Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Kế hoạch số 246-KH/TU, ngày 01/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh về việc thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Gần việc tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với tuyên truyền, thực hiện đầy đủ, đúng quy định các chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội; Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ; Quyết định số 1845/QĐ-TTg ngày 02/11/2021 và Quyết định số 1764/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ và các hướng dẫn khác có liên quan, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của toàn Trường và của mỗi khoa, phòng nhằm giúp mỗi cán bộ, giảng viên, nhân viên nhận thức đầy đủ, đúng đắn vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng, lợi ích to lớn của thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cũng như tác hại của lãng phí đối với bản thân, gia đình và toàn xã hội, để từ đó mỗi

người sẽ chủ động, tích cực trong việc xây dựng kế hoạch, đặt ra mục tiêu, nghiêm chỉnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, cũng như trong cuộc sống hàng ngày.

Đặc biệt, cần nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, người đứng đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tuyệt đối không vi phạm các quy định về những điều cán bộ, đảng viên, viên chức không được làm liên quan đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí như: thiếu trách nhiệm để mỗi khoa, phòng hay cán bộ, giảng viên, nhân viên do mình trực tiếp quản lý xảy ra tình trạng lãng phí; không báo cáo, xử lý các hành vi lãng phí; không thực hành tiết kiệm, để xảy ra thất thoát, lãng phí trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Nhà trường; mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản của Nhà trường trái quy định...; đồng thời phải thường xuyên vận động gia đình, nhân dân, trước hết ở nơi cư trú tích cực tham gia thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; gần công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Thứ hai, tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Quán triệt quan điểm chỉ đạo của Trung ương và của Tỉnh về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường cần căn cứ nguồn nhân lực, tài lực và vật lực hiện có để tập trung xây dựng và ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường, trong đó cần xác định rõ mục đích, yêu cầu, đề ra các chỉ tiêu cụ thể trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí khác; trong quản lý, sử dụng tài sản của

Nhà trường; trong tổ chức thực hiện các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động... Trên cơ sở đó, đề ra những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu đã đề ra.

Để việc thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đảm bảo thiết thực, hiệu quả, cần xây dựng và ban hành các quy chế, quy định như: Quy chế chi tiêu nội bộ; quy định về việc quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị trong giảng dạy, học tập và lao động; quy định về giờ giấc lao động... Trong đó, quy định rõ các tiêu chuẩn, định mức, trách nhiệm của cán bộ, giảng viên và nhân viên đảm bảo công khai, minh bạch nhằm quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực một cách thiết thực, hiệu quả.

Quản triệt các khoa, phòng và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên và học viên thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc của cơ quan, quy chế phòng học, thư viện, nhà ký túc xá nhằm tiết kiệm điện, nước, văn phòng phẩm và cơ sở vật chất khác. Thường xuyên chỉ đạo giảng viên tích cực lồng ghép, tích hợp nội dung thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thông qua giảng dạy các chuyên đề trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng; đôn đốc cán bộ, giảng viên, nhân viên nghiên cứu viết sáng kiến kinh nghiệm liên quan đến nội dung thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong từng phần việc được giao; tăng cường số hóa, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; tăng cường chỉ đạo gửi tài liệu, văn bản qua mạng nội bộ để hạn chế in, phô tô tài liệu không cần thiết; thực hiện khoán văn phòng phẩm cho các đơn vị khoa, phòng, cán bộ, giảng viên, nhân viên; thực hiện thanh quyết toán cho cá nhân và các tập thể qua chuyên khoản theo quy định.

Thứ ba, mỗi cán bộ, giảng viên, nhân viên Trường Chính trị Trần Phú cần gương

mẫu, tích cực xây dựng phong cách làm việc khoa học; rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”. “Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” là những phẩm chất trung tâm của đạo đức cách mạng trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, là chuẩn mực đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới. Để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, mỗi cán bộ, giảng viên, nhân viên Trường Chính trị Trần Phú phải không ngừng xây dựng phong cách làm việc khoa học; rèn luyện và thực hành các phẩm chất “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” bằng những việc làm thiết thực như: chủ động, sáng tạo, tích cực đổi mới phương pháp công tác, đổi mới lề lối làm việc; không đi muộn về sớm; hoàn thành tốt nhiệm vụ theo tiến độ; nêu cao ý thức, trách nhiệm trong quản lý, sử dụng tài sản công đúng mục đích, đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả; tạo thói quen quý trọng tài sản của Nhà nước, công sức của Nhân dân, sự đóng góp của tập thể và kể cả công sức của mình làm ra, không xa hoa, lãng phí thời gian, tiền bạc, công sức và các nguồn lực vật chất khác của tập thể và cá nhân.

Trong thực hiện nhiệm vụ được giao và cuộc sống hằng ngày, cần xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể cho cá nhân, tránh tùy tiện “đến đâu tính đó”, từ bỏ lối suy nghĩ “được chăng hay chớ”, “đến hẹn lại lên”; biết phân bổ thời gian, công sức, tiền bạc hợp lý cho từng công việc; xác định được nhiệm vụ cơ bản, trọng tâm của mình ở từng giai đoạn, thời điểm, cương vị công tác để đầu tư thời gian, công sức phù hợp, đem lại kết quả tốt nhất. Cần tránh lãng phí thời gian vào những việc làm không cần thiết, tập trung thời gian cho nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ chuyên môn khác; tích cực rèn luyện sức khỏe, kỹ năng sống;...

Thứ tư, tăng cường thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý tài chính, tài sản của Nhà trường. Công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng tài chính, tài sản trong các cơ quan, đơn vị là một trong những nhiệm vụ có ý nghĩa hết sức quan trọng, một mặt vừa đảm bảo các nguyên tắc, quy định về quản lý, sử dụng nguồn tài chính, tài sản, mặt khác sẽ tạo điều kiện và thúc đẩy người dân tham gia quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”⁽⁶⁾. Để đảm bảo việc thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý tài chính, tài sản của Nhà trường, hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ phải tổ chức thực hiện, bộ phận tài chính cần xây dựng dự toán kinh phí phục vụ cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất để trình cấp trên. Sau khi được cấp trên phê duyệt, phân bổ nguồn tài chính, căn cứ vào các quy định, nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán ngân sách, bộ phận tài chính phải tham mưu cho Ban Giám hiệu Nhà trường kế hoạch chi tiết về việc sử dụng nguồn tài chính trong năm để tổ chức quản lý và điều hành dự toán ngân sách nhà nước chủ động, chặt chẽ, đảm bảo kỷ cương, kỷ luật tài chính, ngân sách.

Hàng năm, thông qua các hình thức khác nhau như: Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động; các cuộc họp cơ quan; văn bản gửi đến các khoa, phòng hoặc sử dụng trang thông tin điện tử của Nhà trường... để thực hiện công khai dự toán thu - chi ngân sách nhà nước; công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (theo quý, 6 tháng hoặc cả năm); công khai quyết toán ngân sách nhà nước; công khai mua sắm, sửa chữa, sử dụng trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại; công khai quản lý sử dụng trụ sở làm việc và các tài sản khác trong Trường.

Thứ năm, tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý nghiêm những

hành vi vi phạm quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Phát huy vai trò kiểm tra, giám sát của người đứng đầu và các tổ chức, đoàn thể trong Nhà trường để kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Hàng năm, Ban Giám hiệu Nhà trường phải chỉ đạo các khoa, phòng xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, thanh tra một số lĩnh vực để tránh thất thoát, lãng phí như: việc quản lý, sử dụng kinh phí đào tạo bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học; quản lý, sử dụng kinh phí sửa chữa, xây dựng cơ bản; quản lý và sử dụng phòng học, nhà ký túc xá, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập; việc mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, văn phòng phẩm, sử dụng phương tiện đi lại; việc thực hiện chế độ, chính sách cho cán bộ, giảng viên và nhân viên Nhà trường,...

Mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức dù hoạt động ở bất kỳ lĩnh vực nào cũng đều phải sử dụng tài chính, vật tư, phương tiện công. Đó đều là tài sản của Nhà nước và xuất phát từ mồ hôi, công sức, sự đóng góp của Nhân dân. Vì vậy, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, hơn ai hết, cán bộ, giảng viên, nhân viên Trường Chính trị Trần Phú phải không ngừng tự trau dồi đạo đức, tận tâm, tận lực, thấu hiểu tất cả các chủ trương, chính sách của Nhà trường; phải có trách nhiệm tiết kiệm chi tiêu, nâng cao hiệu quả sử dụng vật tư, tài chính từ những việc nhỏ nhất trong công việc hằng ngày nhằm góp phần xây dựng Trường Chính trị Trần Phú ngày càng trong sạch vững mạnh./.

Chú thích:

(1), (2) CD-Rom Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, t.6, tr122; tr124;

(3), (4) CD-Rom Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.7, tr352, tr345;

(5), (6) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I. tr92,93; tr96.

VẬN DỤNG MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 44-NQ/TW VÀO GIẢNG DẠY CHUYÊN ĐỀ CHIẾN LƯỢC BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG TÌNH MỚI, CHƯƠNG TRÌNH TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

✿ ThS. PHAN CHÍ QUYẾT

Khoa Xây dựng Đảng/Khoa Xây Dựng Đảng

Tóm tắt: Trên cơ sở phân tích, đánh giá đúng tình hình thế giới, khu vực và trong nước, Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (khóa XIII) ban hành Nghị quyết số 44-NQ/TW, ngày 24/11/2023 về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Đây là định hướng quan trọng về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay. Việc nghiên cứu, quán triệt và vận dụng vào giảng dạy chuyên đề Chiến lược bảo vệ Tổ quốc hết sức quan trọng, nhất là những vấn đề cần được nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn, nhằm đưa Nghị quyết thực sự đi vào cuộc sống.

Chuyên đề “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” thuộc phần học Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam, Chương trình Trung cấp lý luận chính trị có mục tiêu trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới; giúp người học hiểu được việc hoạch định chiến lược bảo vệ Tổ quốc là một tất yếu khách quan, trên cơ sở đó quán triệt được những nội dung cơ bản: mục tiêu, quan điểm, phương châm và những giải pháp chủ yếu trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Chiến lược bảo vệ Tổ quốc là một trong hai chiến lược có vị trí quan trọng trong hệ thống chiến lược Quốc gia, giữ vị trí bao trùm, vai trò chủ đạo trong việc hoạch định và thực hiện các chiến lược khác, là cơ sở để các bộ, ban ngành và địa phương xác định các quy

hoạch, kế hoạch, chiến lược có liên quan đến xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sau hơn 10 năm thực hiện Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới được thông qua Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) năm 2013, chúng ta đã quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, phương châm chỉ đạo, nhiệm vụ, giải pháp và đạt nhiều kết quả quan trọng: bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân được xây dựng ngày càng vững chắc; xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; xứng đáng là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và

Nhân dân; giữ vững độc lập, tự chủ và môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quan hệ, hợp tác quốc tế được mở rộng, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước được nâng cao, sức mạnh tổng hợp quốc gia, bảo vệ Tổ quốc được nâng lên một bước.

Những kết quả nêu trên là hết sức to lớn và có ý nghĩa rất quan trọng trong tình hình thế giới, khu vực đầy biến động, khó dự báo như hiện nay. Tuy nhiên, việc thực hiện Chiến lược bảo vệ Tổ quốc cũng còn những hạn chế cần khắc phục. Nhận thức, ý thức, trách nhiệm về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa thật đầy đủ, sâu sắc, còn biểu hiện chủ quan, mất cảnh giác. Việc nắm, dự báo chiến lược chất lượng chưa cao, có mặt chưa theo kịp tình hình. Các lĩnh vực về quốc phòng, an ninh, đối ngoại có một số mặt còn hạn chế. Sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc có lúc, có nơi chưa được quan tâm và phát huy đầy đủ. Việc tổ chức thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh trên một số lĩnh vực, địa bàn chưa thực sự hiệu quả, còn biểu hiện đề cao lợi ích kinh tế, coi nhẹ lợi ích quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc...

Trên cơ sở đánh giá tổng quát về kết quả đạt được và dự báo sát, đúng tình hình, Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (khóa XIII) ban hành Nghị quyết số 44-NQ/TW, ngày 24/11/2023 về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Nghị quyết là là sự kế thừa, phát triển Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 12/7/2003 (Hội nghị Trung ương 8 khóa IX) và Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 25/10/2013 (Hội nghị Trung ương 8 khóa XI). Đồng thời có sự bổ sung, phát

triển phù hợp với sự biến động của tình hình thế giới, khu vực và yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh mới.

Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới được thông qua tại Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (khóa XIII) đã xác định rõ quan điểm, mục tiêu, phương châm chỉ đạo, nhiệm vụ và giải pháp bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, khẳng định các vấn đề cần nhận thức đầy đủ hơn, bổ sung, phát triển mới phù hợp tình hình thế giới, khu vực và trong nước. Trong đó, những vấn đề có tính nguyên tắc được giữ vững và phát triển, như: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý; sức mạnh tổng hợp quốc gia; khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; chuẩn bị đất nước sẵn sàng đối phó với các tình huống xung đột và chiến tranh... Đồng thời, Chiến lược cũng xác định những vấn đề cần được nhận thức đầy đủ và sâu sắc hơn. Vì vậy, giảng viên giảng dạy chuyên đề Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới cần lồng ghép, làm rõ một số nội dung cơ bản sau:

Một là, yếu tố Nhân dân trong Chiến lược bảo vệ Tổ quốc tiếp tục được khẳng định và đề cao. Kế thừa kinh nghiệm của lịch sử dân tộc, cùng những phát triển nhận thức về vai trò của nhân dân trong các Nghị quyết của Đảng, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới khẳng định: phát huy dân chủ của Nhân dân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, với phương châm dựa vào dân, “dân là gốc”, Nhân dân là trung tâm, là chủ thể; khơi dậy, phát huy ý chí tự lực, tự cường, truyền thống lịch sử, ý chí kiên cường, bất khuất, văn hóa tốt đẹp, sức mạnh con người Việt Nam, sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc, “thế trận lòng dân”, yên dân là nhân tố quyết định

thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nghị quyết số 44-NQ/TW chỉ rõ: “phải mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội, củng cố, nâng cao niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo giữa các bộ phận dân cư, giữa các vùng, miền, tạo sự đoàn kết toàn dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc”.

Hai là, lợi ích quốc gia - dân tộc là nội dung đầu tiên được xác định trong mục tiêu chung của Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Điều đó cho thấy, việc bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc cần được nhận thức đầy đủ, sâu sắc, toàn diện hơn và phải tìm mọi giải pháp để bảo vệ lợi ích quốc gia-dân tộc. Ở đây, chúng ta cần khẳng định rằng, lợi ích quốc gia - dân tộc là một trong những vấn đề quan trọng nhất của một dân tộc, gồm toàn bộ các điều kiện cần thiết cho một dân tộc trường tồn và phát triển. Lợi ích quốc gia - dân tộc là lợi ích bao trùm của các lợi ích. Vì vậy, nó cần được đặt lên trên hết, trước hết. Chiến lược nêu rõ: “Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc, luật pháp quốc tế”. Như vậy, khi xác định mục tiêu chung, Chiến lược đã đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết trên cơ sở bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; đồng thời, bổ sung nội dung bảo vệ thành quả cách mạng; bảo vệ uy tín, vị thế quốc tế của đất nước; dập tắt nguy cơ xung đột, chiến tranh; đóng góp tích cực vào gìn giữ hòa bình thế giới. Coi lợi ích quốc gia - dân tộc là mục tiêu cao nhất trong các hoạt động đối nội, đối ngoại.

Ba là, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc. Kế thừa truyền thống “cố kết dân tộc” từ hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, nhận thức đầy đủ hơn về vai trò của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc đã có sự sắp xếp lại các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp hơn, đưa nhiệm vụ và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc,... từ vị trí thứ tư trong Chiến lược bảo vệ Tổ quốc năm 2013, lên vị trí thứ hai và diễn đạt đầy đủ hơn: “Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, thay vì chỉ viết như trước đây: “Củng cố và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc”. Đồng thời, nêu rõ vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; tích cực đấu tranh chống các âm mưu, thủ đoạn chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch; coi trọng ý kiến đóng góp của nhân dân; giữ gìn mối quan hệ mật thiết giữa Nhân dân với Đảng, Nhà nước; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Bốn là, về sức mạnh tổng hợp quốc gia. Trên cơ sở tiếp tục khẳng định sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của quốc gia, sức mạnh của toàn dân tộc, sức mạnh toàn diện của các lĩnh vực trong đời sống xã hội, Chiến lược nêu rõ vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, vai trò của Nhân dân với sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Sức mạnh từ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với vấn đề mới là nền kinh tế số, xã hội số, kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh, tạo nền tảng vật chất vững chắc cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Chiến lược cũng nhấn mạnh vai trò của đối ngoại trong

thực hiện các chính sách đối ngoại của Việt Nam, luôn lấy lợi ích quốc gia - dân tộc làm tiêu chuẩn cao nhất trong hành xử quốc tế, “không ngừng nâng cao tiềm lực, vị thế, uy tín quốc tế của đất nước”⁽¹⁾. Cội rễ văn hóa và đối ngoại là những nội dung cơ bản của “sức mạnh mềm” quốc gia có sức hấp dẫn, lan tỏa, thu hút, thuyết phục bạn bè quốc tế đến với Việt Nam, cùng với các sức mạnh khác hợp thành sức mạnh tổng hợp quốc gia. Chiến lược cũng khẳng định: “kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại... trong đó, nguồn lực bên trong là cơ bản, quyết định, nguồn lực bên ngoài là đột phá quan trọng”.

Năm là, xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chiến lược đặc biệt nhấn mạnh về vai trò của văn hóa - nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, coi trọng xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam, xây dựng môi trường văn hóa số phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số; tích cực quảng bá văn hóa Việt Nam với bạn bè quốc tế. Phát huy giá trị văn hoá tốt đẹp, truyền thống dựng nước, giữ nước kiên cường bất khuất của dân tộc; tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả; tăng cường nguồn lực quốc phòng, an ninh.

Sáu là, chính sách bốn không là quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về quân sự, quốc phòng cũng như tinh thần độc lập, tự chủ trong quan hệ quốc tế, lần đầu tiên được khẳng định trong phương châm chỉ đạo của Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới đó là: “Không tham gia liên minh quân sự, không liên kết

với nước này để chống nước kia, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống nước khác, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế”⁽²⁾. Sự khẳng định đó là cần thiết, thể hiện rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng giữ vững hòa bình, ổn định để xây dựng, phát triển đất nước, coi trọng giải quyết các mâu thuẫn, xung đột, bất đồng bằng các giải pháp hòa bình. Nhiệm vụ, giải pháp về đối ngoại nêu rõ: “Chủ động giải quyết các mâu thuẫn bằng biện pháp hòa bình, phù hợp với luật pháp quốc tế”⁽³⁾.

Những nội dung của Nghị quyết số 44-NQ/TW, ngày 24/11/2023 về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới là những chủ trương lớn, đúng đắn, có ý nghĩa chiến lược; là kết quả của việc tổng kết sâu sắc sự lãnh đạo của Đảng về bảo vệ Tổ quốc qua 10 năm thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW (Khóa XI). Quán triệt, cập nhật, bổ sung các nội dung mới của Nghị quyết vào giảng dạy chuyên đề Chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là trách nhiệm của giảng viên giảng dạy lý luận chính trị, góp phần tuyên truyền, đưa chủ trương, đường lối của Đảng vào cuộc sống./.

Chú thích:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. CTQG, HN, 2021, tập 1, tr.331 - 332.
2. Bộ Quốc phòng: Quốc phòng Việt Nam 2019, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr. 25;
3. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H. 2016, tr. 148.

GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ HỌC TẬP PHONG CÁCH DIỄN ĐẠT CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

✧ ThS. TRẦN THỊ THÚY HƯỜNG
Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Diễn đạt là làm rõ nội dung, tư tưởng, tình cảm bằng ngôn ngữ hoặc hình thức nào đó. Diễn đạt tốt là kỹ năng quan trọng để phản ánh kết quả tư duy và nâng cao hiệu quả giao tiếp. Đối với giảng viên trường chính trị, để thực hiện tốt hai nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học thì kỹ năng nói và viết càng cần thiết hơn bao giờ hết. Vì vậy, việc học tập và rèn luyện theo phong cách diễn đạt của Chủ tịch Hồ Chí Minh là hết sức quan trọng, từ đó người giảng viên có thể vận dụng một cách nhuần nhuyễn vào thực tiễn để nâng cao hiệu quả công việc của mình.

Trong cuộc đời hoạt động của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn chú trọng phong cách diễn đạt, coi đó là công cụ đắc lực không thể thiếu để tuyên truyền, giác ngộ ý thức cách mạng, củng cố niềm tin, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, nói và viết không đơn thuần là một hành động thông tin mà còn là quá trình tác động lên người nghe, người đọc, nhằm thuyết phục, cảm hóa, nâng cao nhận thức, thay đổi quan niệm và hành vi, hướng mọi người vào các hoạt động thực tiễn cách mạng phù hợp xu hướng tiến bộ của xã hội, của thời đại. Ở Người, phong cách diễn đạt thật phong phú và độc đáo, vừa phản ánh nét tinh hoa bản sắc dân tộc Việt Nam, vừa mang tính đặc sắc của

người trải nghiệm hoạt động trên nhiều lĩnh vực, cương vị công tác, là kết quả của sự kết hợp hài hòa cái dân gian với cái bác học, cái cổ điển, truyền thống với cái hiện đại, giữa phong cách phương Đông và phong cách phương Tây. Phong cách diễn đạt của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện ở một số nét đặc sắc như sau:

Thứ nhất, trước khi nói và viết, Hồ Chí Minh luôn xác định rõ chủ đề, đối tượng, mục đích, phương pháp phù hợp. Người luôn đặt ra câu hỏi: Nói, viết cái gì? Nói, viết cho ai? Nói, viết để làm gì? Nói, viết như thế nào? Đây cũng là những vấn đề cốt lõi có tính nguyên tắc, tính định hướng cho việc nói và viết. Bởi lẽ: Nói, viết cái gì là phải đặt ra rõ chủ đề khi nói, khi viết. Nói, viết cho ai là nhằm vào đối tượng nào. Nói, viết để làm gì? là để xác định

mục đích của nói và viết. Nói, viết như thế nào? là cách thể hiện bằng thể loại, bằng văn từ phù hợp. Chủ đề, đối tượng, mục đích quyết định cách thức thể hiện, cách thể hiện làm cho nội dung nói và viết đúng chủ đề, đúng đối tượng và đạt mục đích nói và viết. Khi nói chuyện với cán bộ tuyên giáo miền núi về nhiệm vụ tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, Người dạy: “Nói thiết thực, nói đúng lúc, đúng chỗ, mới là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin. Nếu nói không đúng chỗ không phải là chủ nghĩa Mác - Lênin”⁽¹⁾. Như vậy, nguyên tắc nhất quán trong phong cách nói và viết của nhà chính trị Hồ Chí Minh là xác định rõ chủ đề, từ đó tìm ra cách nói, viết cho đúng, phù hợp với đối tượng nhằm đạt được mục đích đề ra.

Thứ hai, diễn đạt một cách chân thực nhất. Đây là một trong những đặc trưng lớn của phong cách diễn đạt Hồ Chí Minh. Các bài viết, bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh đều đem lại cho người nghe, người đọc lượng thông tin cao và chính xác các sự kiện mà Người nói đến. Đó cũng là nguyên tắc trong làm việc, trong hành xử chính trị của Người. Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ, đảng viên khi nói và viết, “điều gì biết thì nói biết, không biết thì nói không biết. Không nên nói ầu”⁽²⁾, “viết giản dị thôi và phải đúng sự thật. Không được bịa ra”⁽³⁾, “không biết rõ, hiểu rõ, chớ nói, chớ viết. Khi không có gì cần nói, không có gì cần viết, chớ nói, chớ viết càn”⁽⁴⁾. Người luôn dạy khi viết cần đảm bảo tính chân thực, biết cái gì thì viết cái đó “có đúng nói đúng, có sai nói sai”⁽⁵⁾. Người phê bình những cán bộ “chỉ viết cái tốt mà giấu cái xấu”⁽⁶⁾ không dám phê bình và tự phê bình, không dám nhìn vào sự thật... Theo Hồ Chí Minh, sự thiếu chân thực, giả dối

có thể đem lại tác hại khôn cùng, làm giảm uy tín và lòng tin của Đảng, của Chính phủ, làm cho lãnh đạo không thấy đúng tình hình đề ra chủ trương giải pháp thích hợp; tạo điều kiện cho địch lợi dụng chống phá ta. Thực tế, trong các bài viết, bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tính chân thực tạo nên sức hút lớn. Từ những bài viết tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân, để quốc đến những bài viết cổ động tinh thần chiến đấu, sản xuất của Người đều có tư liệu cụ thể, xác thực. Người chỉ rõ, muốn viết chân thực cần có tài liệu, muốn có tài liệu cần: nghe, hỏi, thấy, xem, ghi. Người viết cần phải “chính”, nghĩa là “Không biết rõ, hiểu rõ, chớ nói, chớ viết. Khi không có gì cần nói, không có gì cần viết, chớ nói, chớ viết càn”⁽⁷⁾. Trong lời ăn, tiếng nói phải “chính”, phải theo lẽ phải, phải đúng sự thật, Người dạy: “Chưa điều tra, chưa nghiên cứu, chưa biết rõ, chớ nói, chớ viết”⁽⁸⁾. Lối diễn đạt chân thực giúp cho những bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh có sức thuyết phục cao với người nghe, người đọc, đi vào lòng quần chúng nhân dân và bạn bè tiến bộ trên khắp thế giới. Điều đó làm nên một nhà chính trị Hồ Chí Minh chính nghĩa, đứng về lẽ phải.

Thứ ba, nói và viết ngắn gọn, giản dị, dễ hiểu, dễ nhớ. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh ngắn gọn nghĩa là: gọn gàng, rõ ràng, có đầu, có đuôi, có nội dung. Ngắn gọn trong cách nói, cách viết theo Hồ Chí Minh là cô đọng, hàm súc, ý nhiều lời ít, không có lời thừa, chữ thừa; mỗi câu, mỗi chữ, mỗi nghĩa đều phải ngắn gọn và có mục đích. Trong cách viết, Người yêu cầu tránh viết dài và rỗng. Viết dài và rỗng là không tốt, viết ngắn mà rỗng cũng không hay. Chớ nói dài và viết rỗng. Về cách

nói, theo Hồ Chí Minh, phải ngắn gọn, thiết thực, đi thẳng vào vấn đề mà quần chúng đang quan tâm, đối tượng nghe đang cần biết, cần hiểu, cần làm. Nói dài, nói dai, nói hết phần người khác là hoàn toàn ngược lại phong cách của Người. “Nói nôm na để cho người ta dễ hiểu, hiểu để người ta làm được”⁽⁹⁾. Ngôn từ thường được Người dùng cô đọng, hàm súc, không có chữ thừa. Điều này xuất phát từ suy nghĩ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngôn ngữ nói và viết chỉ nhằm mục đích “cách mệnh, cách mệnh, cách mệnh”, bởi vậy, nói và viết phải làm sao để có thể truyền sâu và rộng đến quần chúng nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở “Chúng ta muốn tuyên truyền quần chúng, phải học cách nói của quần chúng, mới nói lọt tai quần chúng”⁽¹⁰⁾, phải thấy được cái tinh túy trong cách nói của số đông, đó là cách nói giản dị, thiết thực, rõ ràng, mộc mạc và chân thực, suy nghĩ của người này đi thẳng đến suy nghĩ của người khác. Phải tùy đối tượng mà dùng chữ, dùng lời cho hợp để người nghe, người đọc có thể hiểu được.

Ngắn gọn, dễ hiểu thôi chưa đủ mà còn phải dễ nhớ, dễ thuộc. Người chỉ rõ: “Minh viết ra cốt là để giáo dục, cổ động; nếu người xem mà không nhớ được, không hiểu được, là viết không đúng, nhằm không đúng mục đích. Mà muốn cho người xem hiểu được, nhớ được, làm được, thì phải viết cho đúng trình độ của người xem, viết rõ ràng, gọn gàng, chớ dùng chữ nhiều”⁽¹¹⁾. Bởi nếu quần chúng không hiểu được thì tuyên truyền không có ích gì.

Thứ tư, cách diễn đạt sinh động, độc đáo, đa dạng về bút pháp, đa giọng điệu, giàu hình ảnh với sự ví von, so sánh. Khi

nói, khi viết, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường kết hợp với kể chuyện, đan xen những câu thơ, câu ca dao có vần điệu, làm cho bài nói hay bài viết trở nên sinh động, gần gũi với quần chúng nhân dân lao động hơn. Người dùng hình ảnh so sánh, ví von từ cuộc sống để đưa vào trong bài viết, bài nói của mình. Như “con đĩa hai vôi” để nói về bản chất của chủ nghĩa đế quốc; ví “Lý luận cũng như cái tên (hoặc viên đạn). Thực hành cũng như cái đích để bắn”⁽¹²⁾; “Có kinh nghiệm mà không có lý luận, cũng như một mắt sáng, một mắt mờ”⁽¹³⁾; người đọc nhiều lý luận mà không biết đem thực hành, vận dụng chỉ là “cái hòm đựng sách”⁽¹⁴⁾.

Đối với đội ngũ giảng viên Trường Chính trị Trần Phú, kỹ năng diễn đạt rất quan trọng và là yếu tố cần thiết hàng đầu để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Bởi lẽ, khi có ý tưởng tốt mà không diễn đạt được thì cũng sẽ gặp rất nhiều sự khó khăn để truyền đạt được nội dung. Việc nghiên cứu học tập phong cách diễn đạt của Chủ tịch Hồ Chí Minh là điều rất cần thiết để có thể vận dụng một cách nhuần nhuyễn phong cách của Người vào trong từng bài giảng, bài viết của mình. Rèn luyện phong cách diễn đạt cũng là những yếu tố cần thiết xây dựng và hoàn thiện chuẩn mực của người giảng viên trường Đảng để góp phần đưa Trường Chính trị Trần Phú sớm đạt chuẩn theo quy định.

Trong những năm qua, đội ngũ giảng viên của Trường Chính trị Trần Phú, Hà Tĩnh đã có nhiều nỗ lực cố gắng vươn lên. Đội ngũ giảng viên đã đáp ứng tốt về yêu cầu chuyên môn cũng như đạo đức lối sống, tạo được ấn tượng tốt đẹp trong đến với học viên, khẳng định được uy tín của

trường trong thực hiện nhiệm vụ chính trị. Đồng thời, nâng cao chất lượng giảng dạy gắn liền với công tác nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế, giúp cho bài giảng ngày càng sinh động hơn. Tuy nhiên, do đặc thù là công tác giảng dạy lý luận chính trị, kỹ năng, nghiệp vụ công tác theo từng chương trình đào tạo, bồi dưỡng, giảng viên vừa trực tiếp trao đổi những vấn đề lý luận và thực tiễn cuộc sống với học viên. Đặc biệt là đối tượng học viên ở trường cũng rất đa dạng, phong phú, có người là cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhưng có người là cán bộ bán chuyên trách ở cơ sở. Chính vì vậy, việc học tập phong cách diễn đạt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong công tác giảng dạy lý luận chính trị nói chung, cũng như các hoạt động khác của người giảng viên là rất cần thiết.

Từ nhận thức về các đặc trưng và tầm quan trọng của việc học tập phong cách diễn đạt Hồ Chí Minh, việc rèn luyện của giảng viên Trường Chính trị Trần Phú hiện nay cần tập trung vào các nội dung sau:

Một là, nâng cao nhận thức về việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nói chung, phong cách diễn đạt nói riêng. Bởi, có nhận thức đúng, sâu sắc mới tích cực học tập và rèn luyện đồng thời củng cố được niềm tin và vận dụng một cách khoa học, hợp lý trong từng phần học, từng chuyên đề, từ đó giúp cho người giảng viên có được những bài giảng thành công hơn góp phần tích cực vào hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường.

Hai là, khi diễn đạt cần xác định rõ được đối tượng, mục đích, nội dung và phương pháp. Đối tượng của giảng viên trường chính trị chủ yếu là học viên các lớp đào tạo, bồi dưỡng. Mỗi đối tượng với

trình độ và vị trí khác nhau cần lựa chọn cách viết và nói phù hợp để truyền tải cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ cho người học. Học viên đọc, nghe, hiểu và vận dụng tốt, thực hành lý luận trong thực tế công tác của mình. Nội dung cần chuyển tải là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những tri thức khoa học, những kỹ năng thực hiện nghiệp vụ công tác Đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở, đơn vị... Sau khi xác định đúng đối tượng, mục đích, nội dung thì cần lựa chọn phương pháp diễn đạt phù hợp. Khi chuyển tải kiến thức cho học viên, giảng viên phải bám sát nội dung chương trình, đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu môn học, phải nắm chắc phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu môn học. Mục đích của bài giảng làm sao để học viên nắm được cái cốt lõi của vấn đề, nhớ được, làm được theo từng nội dung mà học viên đã được học.

Ba là, nội dung diễn đạt phải bảo đảm tính chân thực, khách quan. Chân thực là phải bám sát vào kiến thức ở mỗi nội dung môn học. Chẳng hạn, giảng viên khi diễn đạt cần nói đúng quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tìm kiếm thông tin chính thống, không tuyên truyền những thông tin trái chiều, thổi phồng sự thật của các thế lực thù địch, không nhìn hiện tượng đánh giá bản chất. Trong quá trình diễn đạt, cần sử dụng ngôn ngữ cho phù hợp với đối tượng, không làm trừu tượng hóa, phức tạp hoá vấn đề; biết đến đâu nói đến đấy, tuyệt đối không được nói sai, không được lấy ý chí chủ quan, tiêu cực để bàn luận vấn đề chính trị có tính nhạy cảm trước học viên. Giảng viên phải chịu

khó học hỏi, nghiên cứu, tìm tòi để có kiến thức sâu rộng trong chuyên môn.

Bốn là, để học tập phong cách diễn đạt theo tấm gương Chủ tịch Hồ Chí Minh, các giảng viên Trường Chính trị Trần Phú cần phải tích lũy kinh nghiệm, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Việc tích lũy kinh nghiệm qua thực tế đòi hỏi cần có thời gian dài cùng với thái độ tích cực và ý thức tự kiểm điểm, rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, bản thân những giảng viên lại rất khó tự nhận ra những thiếu sót và nhược điểm của mình. Vì vậy, lãnh đạo các khoa, phụ trách bộ môn cần tăng cường phân lịch đi dự giờ các giảng viên hoặc thu thập thông tin phản hồi qua học viên. Việc rút kinh nghiệm và góp ý sẽ được thực hiện trong các buổi sinh hoạt chuyên môn hoặc gặp gỡ trực tiếp với cá nhân giảng viên đó. Việc góp ý cần nêu cụ thể những vấn đề hoặc nội dung mà giảng viên cần phải chỉnh sửa hoặc thay đổi. Lãnh đạo khoa và phụ trách bộ môn trao đổi trực tiếp với các giảng viên về phương pháp diễn đạt phù hợp và mời trực tiếp các giảng viên có kinh nghiệm đi dự giờ và góp ý hoặc đăng ký dự giờ, nghe giảng để vừa tích lũy được kiến thức về lý thuyết đồng thời học hỏi được về cách thức diễn đạt ngôn ngữ và biểu đạt cảm xúc như thế nào trong việc giảng dạy. Hoạt động này sẽ thực sự có hiệu quả khi giảng viên có thái độ cầu thị, nghiêm túc đồng thời phải ghi nhật ký nghe giảng và có báo cáo định kỳ về kết quả thu nhận được.

Có thể khẳng định, nghiên cứu và vận dụng phong cách diễn đạt Hồ Chí Minh tại Trường Chính trị Trần Phú là nhiệm vụ thường xuyên, việc rèn luyện theo phong cách diễn đạt của Người là một trong những nội dung quan trọng để

người cán bộ, giảng viên trường Đảng thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, đồng thời góp phần học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ngày càng hiệu quả./.

Chú thích:

- (1) CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 161;
- (2) CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 418;
- (3) CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 673;
- (4) CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 342;
- (5) CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 144;
- (6) CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 206;
- (7) CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 342;
- (8) CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 346;
- (9) CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 161;
- (10) CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 341;
- (11) CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 207;
- (12) CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 275;
- (13) CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 274;
- (14) CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 274;



THÔNG TIN

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ HÀ TĨNH

“Danh dự mới là điều
thông liêng, cao quý nhất!”

Tổng Bí thư NGUYỄN PHÚ TRỌNG



Số 50
7/2024



Lễ khai giảng Lớp Bồi dưỡng kiến thức Kinh điển Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh KĐ04.24 (25/6/2024)



Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh tham gia Hội nghị sơ kết hoạt động Cùm thi đua các Trường Chính trị Khu vực Bắc Trung Bộ 06 tháng đầu năm 2024, tại tỉnh Quảng Bình (25-26/6/2024)



Lãnh đạo Trường Chính trị Trần Phú chúc mừng nghiên cứu sinh Nguyễn Duy Long bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ (29/6/2024)



Lãnh đạo Trường Chính trị Trần Phú chúc mừng nghiên cứu sinh Hồ Thanh bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ (24/7/2024)



TS. Nguyễn Trọng Tứ, TUV, Hiệu trưởng và Hội Cựu chiến binh Nhà trường dâng hương kính viếng các Anh hùng liệt sĩ ngày 27/7/2024



Đoàn Trường Chính trị Trần Phú đạt giải Nhất giao lưu bóng chuyền hơi nam, nữ sơ kết hoạt động Cùm thi đua các Trường Chính trị Khu vực Bắc Trung Bộ 6 tháng đầu năm 2024 (26/6/2024)